



TÀI LIỆU
KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ KHI THAM GIA
BẢO CHỮA TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG VỀ MA TÚY

Hà Nội, ngày 14-15/9/2023

MỤC LỤC

Stt	Nội dung	Trang
1	Giới thiệu tổng quát về tội phạm ma túy và vai trò của luật sư bào chữa khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy ở Việt Nam	3-21
2	Kỹ năng của luật sư khi tham gia giải quyết vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy	22-31
3	Một số kinh nghiệm khi tham gia bào chữa vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy tại Việt Nam	32-37
4	Một số kinh nghiệm trong giải quyết vụ án về ma túy	38-43
5	Kỹ năng và kinh nghiệm quốc tế	44-70

A. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TỘI PHẠM MA TÚY VÀ VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ BẢO CHỮA KHI THAM GIA GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG VỀ MA TÚY Ở VIỆT NAM

1. Một số vấn đề chung về tội phạm ma túy theo quy định pháp luật Việt Nam

a) *Khái niệm ma túy*

Theo Từ điển tiếng Việt, ma túy là tên gọi chung các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện¹.

Theo Tổ chức Liên Hiệp Quốc thì "Ma túy là chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức trí tuệ của con người, làm cho con người bị lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng. Do vậy, việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất đó phải được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật và chịu sự kiểm soát của cơ quan bảo vệ pháp luật".

Ở Việt Nam, khái niệm ma túy được quy định trong một số văn bản pháp quy khác nhau như: BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Chương 20), Luật Phòng chống ma túy năm 2021 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022). BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xác định ma túy bao gồm nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao côca; lá, hoa, quả cây cần sa, lá cây côca; quả thuốc phiện khô; quả thuốc phiện tươi; hêrôin; côcain; các chất ma túy khác ở thể lỏng; các chất ma túy khác ở thể rắn. Điều 2 Luật Phòng chống ma túy năm 2021 quy định: Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

Ngày 29/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Ngày 20/8/2020, Bộ Công An ban hành văn bản hợp nhất số 08/2020/VBHN – BCA quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất, theo đó:

Danh mục I: Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội; việc sử dụng các chất này trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục II: Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục III: Các chất ma túy được dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục IV: Các tiền chất.

Các tiền chất sử dụng vì mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Công an quản lý và cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu. Các tiền chất sử dụng trong lĩnh vực thú y do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng/trọng lượng chất ma túy, tiền chất. Nếu chất được giám định không

¹ Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng Trung tâm Từ điển học 1996, tr.583

phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy. Cần lưu ý một số trường hợp cụ thể sau:

- Đối với các chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch (như dung dịch thuốc phiện, dung dịch hêrôin dùng để tiêm, chích) hoặc chất ma túy ở thể lỏng đó được pha loãng để tiện cho việc sử dụng thì không coi toàn bộ dung dịch này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng moocphin trong dung dịch để tính trọng lượng của chất ma túy đó;

- Đối với xai thuốc phiện thì không coi là nhựa thuốc phiện mà phải xác định hàm lượng moocphin trong xai thuốc phiện để tính trọng lượng của thuốc phiện.

Ngoài chất ma túy nêu trên, chất gây nghiện được hiểu là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Tiền chất là hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành. Cây có chứa chất ma túy là cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

b) Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của tội phạm về ma túy

Tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và các loại thuốc gây nghiện, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và tính mạng, sức khỏe con người và sự phát triển bình thường của nòi giống dân tộc.

Tội phạm về ma túy là loại tội phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội, không những gây ra thiệt hại to lớn cho lợi ích của Nhà nước và xã hội, của công dân mà còn làm băng hoại đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng tới việc phát triển giống nòi, gây mất trật tự an toàn xã hội. So với các loại tội phạm khác được quy định trong BLHS, tội phạm về ma túy phát sinh muộn hơn so với một số tội phạm khác nhưng lại có xu hướng phát triển nhanh cả về số lượng vụ án cũng như quy mô, tính chất và mức độ nguy hiểm.

Các tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX BLHS bao gồm 13 điều, được chia thành hai nhóm sau:

- Nhóm các tội phạm quy định về hành vi sản xuất, liên quan đến sản xuất và quản lý ma túy, bao gồm 02 nhóm sau:

+ Nhóm các tội có tính chất ít nguy hiểm hơn cho xã hội (có 4 tội thuộc nhóm này) bao gồm các Điều 247, 253, 254, 259 BLHS. Nhóm các tội phạm này là các tội quy định đối với những người (có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên) có những hành vi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội: trồng cây có chứa chất ma túy; tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt tiền chất tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy; vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Đối với một số tội phạm (Điều 247, 253 và 254) người thực hiện hành vi phạm tội nêu trên chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hoặc đã bị xử phạt

vi phạm hành chính về những hành vi này hoặc đã bị kết án về những tội này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

+ Nhóm các tội phạm quy định liên quan đến hành vi tổ chức, chứa chấp, cưỡng bức, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy (có 4 tội thuộc nhóm này) bao gồm các Điều 255, 256, 257, 258 BLHS. Nhóm tội phạm này là các tội quy định đối những người (có năng lực hành vi dân sự và từ đủ 16 tuổi trở lên) có những hành vi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội: tổ chức sử dụng, chứa chấp việc sử dụng, cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

- Nhóm các tội có tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội (có 5 tội thuộc nhóm này) bao gồm các tội quy định từ Điều 248 đến Điều 252 BLHS.

Nhóm các tội phạm này là các tội phạm quy định đối với những người (có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên, ngoại trừ một số trường hợp quy định tại một số khoản người phạm tội có thể là người từ đủ 14 tuổi trở lên) có những hành vi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội: sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt trái phép chất ma túy, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Đối với một số tội phạm (các Điều 249, 250, 252), người có hành vi phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp chất ma túy đạt định lượng theo quy định của BLHS (Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam; Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam; Lá, rễ, thân, cành, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam; Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam; Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy trên) hoặc đã bị xử phạt hành chính về những hành vi này hoặc đã bị kết án về những tội này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về ma túy cụ thể như sau:

Khách thể của các tội phạm về ma túy

Khách thể của các tội phạm về ma túy là chế độ thống nhất quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước là tổng thể các quy định do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến vấn đề sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, kê đơn, bán thuốc, giám định, nghiên cứu chất ma túy, tiền chất. Các quy định về chế độ quản lý các chất ma túy được thể hiện trong Hiến pháp; Luật phòng, chống ma túy; các Nghị định của Chính phủ quy định về những vấn đề liên quan đến chế độ quản lý các chất ma túy, tiền chất quy định của các bộ, ngành (nhất là quy định của Bộ Y tế) liên quan đến chế độ quản lý chất ma túy.

Do đặc tính dược lý của ma túy là loại độc dược gây nghiện nên Nhà nước xác lập chế độ thống nhất quản lý. Nhà nước nghiêm cấm việc trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy; nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy cũng như các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy.

Ngoài việc xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, các tội phạm về ma túy còn xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người và sự phát triển bình thường của giống nòi dân tộc.

Đối tượng tác động của tội phạm là các chất ma túy như thuốc phiện, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11... các tiền chất để sản xuất chất ma túy, các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy, người được người khác tổ chức, cưỡng bức, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt khách quan của các tội phạm về ma túy

Hành vi khách quan của các tội phạm ma túy chủ yếu là các hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sản xuất... liên quan đến ma túy được quy định từ các điều từ Điều 247 đến Điều 259 BLHS.

Ngoài ra, còn là những hành vi của những người có trách nhiệm trong việc xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, phân phối, cấp phát, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác mà vi phạm quy định về quản lý, sử dụng các chất đó như hành vi khách quan của tội được quy định tại Điều 259 BLHS.

Các tội phạm về ma túy bao gồm 05 nhóm hành vi sau:

- Trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy;

- Các hành vi sản xuất trái phép chất ma túy; tàng trữ trái phép ma túy; vận chuyển trái phép chất ma túy; mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy;

- Tàng trữ, vận chuyển, mua, bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;

- Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;

- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.

Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của các tội phạm về ma túy là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của BLHS. Theo quy định của BLHS năm 2015 thì trong 13 tội phạm về ma túy có 5 tội quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự cụ thể là: Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy); 8 tội còn lại, người phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Chủ thể của tội phạm vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259) là người có trách nhiệm trong công tác này.

Mặt chủ quan của các tội phạm về ma túy

Trong các vụ án về ma túy, tội phạm thực hiện các hành vi phạm tội với hình thức lỗi cố ý. Đa phần các tội phạm về ma túy đều được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực

tiếp. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội về ma túy của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hành vi đó. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256) có thể được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý gián tiếp. Riêng tội vi phạm các quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259) có trường hợp được thực hiện dưới hình thức lỗi vô ý.

Hình phạt đối với các tội phạm về ma túy

Đối với cấu thành tội phạm cơ bản:

Nhóm các tội phạm quy định về hành vi sản xuất, liên quan đến sản xuất và quản lý ma túy: Đối với các tội có tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm. Nhóm các tội có tính chất ít nguy hiểm hơn cho xã hội: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (chỉ quy định tại Điều 249), phạt tù từ 06 tháng đến 06 năm.

Nhóm các tội phạm liên quan đến hành vi chứa chấp, tổ chức, lôi kéo, cưỡng bức sử dụng trái phép chất ma túy: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

Đối với cấu thành tội phạm tăng nặng:

Nhóm các tội phạm quy định về hành vi sản xuất, liên quan đến sản xuất và quản lý ma túy:

- Nhóm các tội có tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội:

Hình phạt chính: người phạm tội có thể bị phạt tù từ 05 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình.

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

- Nhóm các tội có tính chất ít nguy hiểm hơn cho xã hội:

Hình phạt chính: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình (hình phạt tù đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình chỉ được quy định tại Điều 253).

Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Nhóm các tội phạm quy định liên quan đến hành vi tổ chức, chứa chấp, lôi kéo, cưỡng bức sử dụng trái phép chất ma túy: Hình phạt chính: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 05 năm đến 20 năm hoặc chung thân. Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

Như vậy, các tội phạm về ma túy được coi là những tội phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội nên hình phạt được quy định rất nghiêm khắc, 3 tội có mức án tử hình, 7 tội mức án tù chung thân, 2 tội có mức 10 năm; 1 tội có mức án đến 7 năm tù. Ngoài ra, trong từng tội còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (vì động cơ của tội phạm về ma túy là lợi nhuận cao); bị cấm đảm nhiệm những chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

So với quy định tại Chương XVIII BLHS 1999, quy định về các tội phạm ma túy theo Chương XX BLHS 2015 có một số điểm mới, cụ thể là:

Thứ nhất, về các chất ma túy có bổ sung thêm những chất ma túy mới như cây lá khát; rế, thân, cành cây cần sa và XLR-11. Bổ sung các loại ma túy ở thể rắn như Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 vào các khung cơ bản và khung hình phạt tăng nặng với khối lượng tương đương như hêrôin, côcain.

Thứ hai, BLHS 2015 đã tách bốn tội quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999 thành các tội độc lập, quy định tại các Điều 249, 250, 251, 252. Do đó, khi nghiên cứu các vụ án về ma túy, liên quan đến hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy cần làm rõ ý thức chủ quan của người phạm tội để định tội danh cho chính xác. Ví dụ nếu xác định là tàng trữ thì phải chứng minh được ý thức chủ quan là không nhằm mục đích mua bán hay vận chuyển. Nếu là vận chuyển thì ý thức chủ quan là không nhằm mục đích tàng trữ hay mua bán.

Thứ ba, bổ sung, làm rõ một số tình tiết định khung hình phạt, cụ thể là:

Bổ sung chất XLR-11 vào cấu thành các tội: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248), Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250), Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).

Bổ sung "*lá khát (lá cây Catha edulis)*" vào các điều khoản tương ứng của các tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250), Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).

Bổ sung quy định có tính dự liệu "*hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định*" vào các điều khoản tương ứng của các tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250), Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251) và Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252).

Sửa đổi Điều 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma túy), Điều 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma túy), Điều 252 (Tội chiếm đoạt chất ma túy) theo hướng: ngoài tình tiết định tội "*đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*" còn bổ sung tình tiết *đã bị kết án về một trong các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*.

2. Đặc điểm của các vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy

Vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy là những vụ án mà tội phạm về ma túy đặc biệt nghiêm trọng, thường là những vụ án mang tính chất phức tạp, thủ đoạn nguy hiểm, phạm tội có tổ chức và mang tính chất xuyên quốc gia.

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Dẫn chiếu đến nhóm tội phạm về ma túy, có thể thấy rằng, một số tội phạm về ma túy mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng khi mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Ví dụ:

Khoản 3 Điều 248 BLHS và khoản 4 Điều 248 BLHS đối với tội sản xuất trái phép chất ma túy: Theo đó, tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm, với những tình tiết

định khung tăng nặng như: có tính chất chuyên nghiệp; nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilogam đến dưới 05 kilogam... Tương tự như vậy, tội phạm quy định tại khoản 4 Điều 248 BLHS là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với khung hình phạt từ 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình với những tình tiết định khung tăng nặng như: nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilogam trở lên, các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên.

Khoản 4 Điều 249 BLHS về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Khung hình phạt áp dụng từ 15 đến 20 năm hoặc tù chung thân, với những tình tiết định khung tăng nặng như: tàng trữ nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilogam trở lên, quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilogam trở lên...

Các tội phạm khác trong nhóm tội phạm về ma túy là những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều, khoản sau: khoản 3 Điều 250 và khoản 4 Điều 250 về tội vận chuyển trái phép chất ma túy; khoản 3 Điều 251 và khoản 4 Điều 251 BLHS về tội mua bán trái phép chất ma túy; khoản 3 Điều 52 BLHS và khoản 4 Điều 252 BLHS về tội chiếm đoạt chất ma túy; khoản 3 Điều 253 và khoản 4 Điều 253 BLHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; khoản 3 Điều 255 BLHS và khoản 4 Điều 255 BLHS về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khoản 3 Điều 257 BLHS và khoản 4 Điều 257 BLHS về tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy; khoản 4 Điều 258 BLHS về tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Thứ nhất, đối tượng phạm tội phức tạp, thường phạm tội có tổ chức, phạm tội theo đường dây, có kẻ cầm đầu, địa bàn phạm tội rộng.

Các bị can, bị cáo trong các vụ án ma túy thường là những người có học vấn thấp, nghiệp vụ, hoàn cảnh gia đình phức tạp, có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, nhiều vụ án ma túy được thực hiện bởi tổ chức tội phạm hoặc các đường dây có thủ đoạn phạm tội tinh vi, cấu kết chặt chẽ. Do đó, người phạm tội có xu hướng ngoan cố, xảo quyệt và nhận thức rất rõ hậu quả pháp lý khi thực hiện hành vi nên việc khai báo có xu hướng thay đổi, mâu thuẫn. Thái độ của họ trong quá trình giải quyết vụ án hoặc ngoan cố không khai nhận hoặc lúc nhận lúc không nhận tội và thường không tin tưởng vào việc bào chữa của Luật sư. Việc thực hiện hành vi phạm tội trong các vụ án ma túy thường được diễn ra nhiều lần, trong các thời gian khác nhau nên việc khai báo cũng bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, bản thân nhiều bị cáo là con nghiện nên ảnh hưởng của chất gây nghiện đến việc khai báo cũng cần được lưu ý.

Khi bị phát hiện, các đối tượng này rất manh động, sẵn sàng sử dụng vũ khí để chống trả lại các lực lượng chức năng. Ma túy được đối tượng phạm tội mua bán, vận chuyển, sản xuất với số lượng rất lớn, ngày càng nhiều chủng loại, không chỉ đơn thuần là các loại ma túy truyền thống như thuốc phiện, Heroine, cocaine mà còn nhiều loại ma túy tổng hợp mới như: Methamphetamine, Ketamine, MDMA, XLR-11, cần sa tổng hợp... với nhiều tên gọi, hình dáng khác nhau. Việc tiêu thụ ma túy dưới hình thức tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cũng len lỏi vào nhiều nhà hàng, khách sạn, quán bar, vũ trường, quán karaoke... ở khắp các ngõ ngách trên địa bàn các địa phương như Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La...

Trong một số vụ án lớn về ma túy liên quan đến đường dây, tổ chức thì số lượng bị can, bị cáo rất đông và nhiều người bị truy tố ở khung hình phạt cao nhất là chung thân, tử hình. Cho nên, quá trình tố tụng đặc biệt là phiên tòa xét xử thường diễn ra trong nhiều ngày và việc xét hỏi, tranh luận vừa phức tạp vừa tốn thời gian. Ngoài ra, nhiều vụ

án ngoài tội danh liên quan đến tội về ma túy còn đan xen nhiều tội danh khác như giết người, cố ý gây thương tích, tội tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng, rửa tiền...

Nghiên cứu về tâm lý tội phạm nói chung và đặc thù của tội phạm ma túy nói riêng cho thấy tội phạm ma túy là loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, hoạt động phổ biến theo đường dây, có tổ chức chặt chẽ, kín đáo, những người trong đường dây thường là anh em, họ hàng dòng tộc, bạn bè thân thiết. Nếu là người lạ, trước khi thực hiện việc mua bán ma túy phải "thử thách", "kiểm tra" độ tin tưởng mới giao nhận "hàng", hoặc không trực tiếp giao hàng mà cất giấu tại địa điểm bí mật, trên phương tiện giao thông, gọi điện giao nhận qua điện thoại, người giao nhận ma túy không biết mặt nhau, khi chuyển tiền chuyển qua đường tín dụng đen, chỉ cần gọi điện thoại và xác định đúng số điện thoại nhận là đến bất cứ tiệm vàng nào làm dịch vụ chuyển tiền là nhận không cần ký nhận.

Tâm lý các đối tượng khi bị bắt thường sợ hình phạt cao, có thể bị tử hình, hoặc xác định trước là sẽ bị tử hình nên bao giờ cũng ngoan cố, chống đối thậm chí tự sát để bịt đầu mối vì sợ liên quan đến người thân. Các đối tượng cầm đầu đường dây, hoạt động có tính chất chuyên nghiệp thường tạo dựng những chứng cứ ngoại phạm, rửa tiền như mở công ty, cho người khác đứng tên chủ tài sản có giá trị. Khi bị bắt giữ ngoan cố không khai báo hành vi phạm tội hoặc khai báo quanh co, đổ lỗi cho đối tượng nghi là người của cơ quan công an cài vào hoặc đối tượng chưa bị bắt còn ngoài xã hội, đối tượng đã bị chết, đối tượng truy nã đang lẩn trốn ra nước ngoài và luôn tìm mọi cách thăm dò xem cơ quan điều tra có tài liệu gì về hành vi phạm tội của mình và đồng bọn, khai báo nhỏ giọt, khai báo những gì cơ quan điều tra đã biết; yêu cầu có luật sư để bảo vệ quyền lợi theo luật định và cũng là người trung gian móc nối hối lộ, mua chuộc cán bộ điều tra, kiểm sát viên, tòa án để chạy án, tẩu tán tài sản, rửa tiền, xóa dấu vết, tiêu hủy vật chứng.

Thứ hai, thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, nguy hiểm.

Khi vận chuyển, ma túy thường được cất giấu trong tất cả các mặt hàng lưu thông trên thị trường (có thể lợi dụng được) qua các đường như đường không, đường bộ, đường biển (trong các hầm tàu, các Container hàng hoá), đường bưu điện, giấu vào đáy bình xăng, trong can nhựa, hộp nước ngọt, vào chỗ kín của phụ nữ, trẻ em, nuốt vào bụng...Tinh vi nhất là giấu vào đồ điện tử như giấu trong tụ điện của máy tăng âm, máy vi tính, loa đài; ép vào ảnh, vào đế giày dép; pha chế trong rượu, đồ mỹ phẩm, trong mũ bảo hiểm... để vận chuyển ra. Trong quá trình vận chuyển ma túy, bọn tội phạm thường để hàng một nơi, ngồi một nơi để quan sát, tạo ra mối quan hệ ngầm giữa chủ và hàng. Khi bị các cơ quan chức năng phát hiện, chúng tỏ ra dửng dưng và sẵn sàng bỏ hàng. Với những vụ vận chuyển số lượng lớn ma túy, nhóm tội phạm thường cử một người đi theo quan sát, không để cho người vận chuyển biết, khi người vận chuyển ma túy bị phát hiện thì kịp thời báo tin cho người cầm đầu. Thủ đoạn giao hàng và nhận hàng cũng hết sức tinh vi và bí mật, thường xuyên thay đổi địa điểm, dùng ám hiệu để kiểm tra tránh bị lộ hoặc khi phát hiện có người của Công an theo dõi.

Đặc biệt, nhóm tội phạm thường tạo ra những mắt xích, những khâu tương đối độc lập, khép kín, những người vận chuyển không biết được người chỉ huy, cầm đầu cũng như thông tin về người nhận hàng. Trong quá trình mua bán thường cho xem hàng lấy mẫu, thoả thuận giá cả. Các vụ mua bán hêrôin thường bằng ngoại tệ. Đối tượng hẹn ngày, giờ và địa điểm giao hàng nhưng thường thay đổi để kiểm tra. Vì vậy, nhiều vụ tuy bắt được đối tượng vận chuyển nhưng rất khó khai thác để mở rộng vụ án.

Việc cất giấu ma túy không chỉ nhằm mục đích vận chuyển an toàn mà còn tàng trữ để thực hiện việc mua bán tiếp theo hoặc sử dụng. Các vị trí cất giấu như trong nhà (trong bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, chôn dưới nền nhà); chôn ngoài vườn; gửi ở các kho hàng, ở các gia đình khác...

Thủ đoạn mua bán, giao nhận: đối tượng có ma túy thường tìm những người quen để bắt mối tiêu thụ ma túy. Chúng thường kiểm tra kỹ những người mua ma túy, cho xem mẫu trước, bàn bạc thoả thuận giá cả sau đó thống nhất thời gian, địa điểm giao hàng, đặc biệt chúng thường kiểm tra tiền xem có khả năng mua ma túy hay không.

Trong quá trình mua bán, vận chuyển ma túy, bọn tội phạm thường móc nối, mua chuộc các cán bộ chức năng như Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan để dễ dàng hoạt động.

Về liên lạc trong đường dây mua bán ma túy, thường một đối tượng có thể dùng nhiều điện thoại di động, thường xuyên thay đổi sim (gọi điện xong thì vứt bỏ sim), gọi bằng ứng dụng trên internet, hoặc gọi bằng điện thoại công cộng... trao đổi với nhau bằng ám tín hiệu, bằng tiếng lóng, không lưu các số máy của đồng bọn hoặc các tin nhắn có liên quan đến việc mua bán ma túy trong máy.

Thứ ba, tội phạm ma túy có tính chất xuyên quốc gia, có yếu tố nước ngoài, nguồn ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam.

Mối liên quan giữa các đối tượng phạm tội ma túy ở trong nước với các đối tượng ở nước ngoài ngày càng gia tăng, không chỉ đối với các nước láng giềng, các nước trong khu vực mà cả với các châu lục khác (Châu Mỹ, Bắc Âu, Châu Đại dương...). Đối tượng cầm đầu trong đường dây thường là những tên có tiền án, tiền sự, hoạt động mua bán ma túy nhiều năm, mang tính chuyên nghiệp, thủ đoạn hoạt động rất tinh vi xảo quyệt, ngày càng quyết liệt hơn. Đối tượng phạm tội có thể dùng mọi thủ đoạn, móc nối mua chuộc cán bộ thi hành pháp luật làm bình phong, bảo kê cho chúng hoạt động.

Đối tượng cầm đầu đường dây thường chỉ đạo từ xa, không trực tiếp giao nhận hàng mà thường giao cho tay chân hoặc đàn em thực hiện, khi bị bắt chống trả quyết liệt như một số vụ ở Nghệ An, Mộc Châu, Sơn La, khi đưa vào trại giam tìm mọi cách tự sát, trốn, thông cung, khai báo ngoan cô, thăm dò sự hiểu biết của cán bộ điều tra, chối tội, đổ lỗi cho nhau. Các đối tượng trốn truy nã, nhất là các đối tượng trốn sang Lào vẫn tiếp tục hoạt động mua bán ma túy quyết liệt hơn.

Tội phạm về ma túy là loại tội phạm hoạt động có tổ chức chặt chẽ, xuyên quốc gia, có tính toàn cầu. Chính vì vậy Đảng, Nhà nước có nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, thể hiện sự quyết tâm đấu tranh để loại trừ tội phạm ma túy khỏi đời sống xã hội, được đông đảo nhân dân ủng hộ. Các vụ án ma túy quá trình điều tra thường có nhiều thuận lợi, có sự chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp, ít có sự can thiệp của cá nhân, tổ chức. Về pháp luật chúng ta đã có đầy đủ hệ thống pháp luật, cụ thể, rõ ràng, nghiêm khắc.

Tội phạm ma túy mang tính truyền thống, kinh tế-xã hội, quốc tế. Nó có đặc tính "cắt đoạn" và "trường diễn", "bí mật và đơn tuyến". Tính "cắt đoạn" thể hiện một hành vi phạm tội về ma túy có thể cấu thành một tội phạm riêng biệt như hành vi trồng cây thuốc phiện, hành vi vận chuyển thuốc phiện, hành vi bán thuốc phiện... Tính "trường diễn" thể hiện hành vi phạm tội này là điểm kết thúc của chuỗi các hành vi phạm tội trước đó và là mở đầu cho các hành vi phạm tội tiếp theo. Ví dụ: khi cơ quan điều tra bắt được A đang bán heroin cho B, khai thác B thì được biết B mua để bán cho C là người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khai thác A thì được biết A mua của X đưa heroin từ nước ngoài vào Việt Nam... Đây là một đặc điểm nổi bật chi phối toàn bộ hoạt động điều tra tội phạm

về ma túy.

Thứ tư. việc tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm về ma túy, chứng cứ trong vụ án ma túy có nhiều đặc thù:

Tội phạm ma túy là một trong những loại tội phạm mà công tác đấu tranh, xử lý khó khăn phức tạp nhất. Chứng cứ trong điều tra chủ yếu là bắt quả tang và truy xét (lời khai), việc thu giữ vật chứng để chứng minh hành vi phạm tội của bị can rất hạn chế, nhiều vụ án không thể thu giữ được vật chứng. Do đó, rất khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Chứng cứ trong các vụ án ma túy ngoài các biên bản bắt quả tang (nếu có), biên bản thu giữ vật chứng là ma túy, kết luận giám định... thì chủ yếu là lời khai của các bị can, bị cáo, người làm chứng. Do hành vi phạm tội đã được thực hiện nhiều lần trong quá khứ nên việc chứng minh chủ yếu dựa vào lời khai của người phạm tội, người làm chứng. Vì không có đủ chứng cứ vật chất nên việc xác định có hành vi phạm tội tồn tại hay không luôn khó khăn cả về mặt nhận thức và chứng cứ; việc sử dụng lời khai của người tham gia tố tụng trong chứng minh tội phạm cần hết sức thận trọng, tỉ mỉ, đầy đủ và toàn diện.

Thực tiễn cho thấy thông tin về những vụ án sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đến Cơ quan điều tra từ nhiều nguồn tin khác nhau, nhưng phổ biến nhất là từ những nguồn tin sau đây:

- + Tổ giác của công dân và các cơ quan thông tin đại chúng.
- + Những hồ sơ, tài liệu do các lực lượng nghiệp vụ trong ngành Công an trao đổi, nhất là các lực lượng Cảnh sát hình sự, kinh tế, trinh sát kỹ thuật, cảnh sát giao thông, tình báo, quản lý trại giam...
- + Những hồ sơ, tài liệu do bộ đội biên phòng, lực lượng Hải quan và quản lý thị trường chuyển đến.
- + Những thông tin được phát hiện qua hoạt động điều tra những vụ án khác.
- + Những thông tin do Công an, Cảnh sát nước ngoài, Interpol nhất là Cảnh sát chống ma túy các nước cung cấp.

Các nguồn tin nêu trên thường phản ánh các thông tin liên quan tới vụ án như địa điểm, thời gian, sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; phương tiện vận chuyển trái phép các chất ma túy; nơi cất giấu và thủ đoạn ngụy trang cất giấu các chất ma túy; đặc điểm nhân thân và mối quan hệ của các đối tượng phạm tội; địa điểm và người đứng ra tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy... Mặt khác, đặc điểm của nguồn tin, hồ sơ tài liệu khác nhau thì nội dung và mức độ tin cậy của những thông tin chứa đựng trong đó cũng khác nhau. Ví dụ những hồ sơ, tài liệu về vụ án do các lực lượng Cảnh sát hình sự, Cảnh sát kinh tế chuyển đến thường là những trường hợp bắt đối tượng phạm tội quả tang hoặc là kết quả tiến hành những chuyên án trinh sát cụ thể. Chính vì vậy, những hồ sơ, tài liệu này thường chứa đựng những thông tin đầy đủ hơn về vụ án như: thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, các loại ma túy, đối tượng phạm tội, những công cụ, phương tiện, vũ khí mà đối tượng sử dụng trong quá trình gây án... còn những thông tin chứa đựng trong tin báo tố giác của công dân, thông tin đại chúng thường chưa chính xác và đầy đủ, chỉ phản ánh từng mặt, từng tình tiết nhất định liên quan tới vụ án.

Xử lý vụ án ma túy không đơn thuần xử lý vấn đề trách nhiệm hình sự của bị cáo mà cả vấn đề dân sự trong đó chủ yếu việc xác định tiền, tài sản do phạm tội mà có. Trong vụ án ma túy, chứng minh tiền, tài sản do phạm tội mà có không phải là vấn đề đơn giản vì cần phải chứng minh với đầy đủ chứng cứ. Qua hoạt động chứng minh vấn đề

trên cũng dễ phát hiện thêm hành vi rửa tiền vì vậy trong quá trình giải quyết vụ án ma túy đôi khi cơ quan tiến hành tố tụng cũng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cả vụ án rửa tiền.

3. Những cam kết quốc tế về xử lý tội phạm ma túy và khuyến nghị đối với Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa sâu rộng như hiện nay, hoạt động của các đường dây tội phạm sản xuất, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy xuyên quốc gia đang ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường. Tội phạm ngày càng có xu hướng gắn kết và có tổ chức cao, có sự móc nối giữa các đối tượng, các địa bàn bản địa và quốc tế để mua bán, vận chuyển ma túy. Do đó, không một quốc gia đơn lẻ nào có thể giải quyết được vấn đề này và hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy là một đòi hỏi tất yếu mà tất cả các quốc gia cần quan tâm, đẩy mạnh.

Chính phủ Việt Nam rất coi trọng hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy bằng việc tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác song phương, đa phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy với các nước, các tổ chức phi Chính phủ, đặc biệt với sự hỗ trợ của Tổ chức phòng, chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC), với các nước tiểu vùng sông Mêkông và với các quốc gia có chung đường biên giới... Ngày 01/9/1997, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Quyết định số 798/QĐ-CTN về việc tham gia 3 Công ước quốc tế về kiểm soát ma túy đó là: Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 (“Công ước 1961”); Công ước về các chất hướng thần năm 1971 (“Công ước 1971”) và Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 (“Công ước 1988”). Nội dung các công ước này có thể tóm lược như sau:

*** Công ước 1961.**

Công ước đưa ra quyết định chung giới hạn việc trồng trọt, sản xuất, chế biến, buôn bán xuất nhập khẩu, phân phối và sử dụng các chất ma túy với mục đích y tế và nghiên cứu khoa học. Công ước cung cấp danh mục các chất có tính gây nghiện cho ngành y tế và cho công tác nghiên cứu khoa học, hạn chế việc lạm dụng chống buôn bán lậu, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ và sử dụng trái phép ma túy; tìm biện pháp đấu tranh bài trừ nạn nghiện ma túy bằng cách yêu cầu chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cai nghiện chăm sóc và cải tạo giáo dục người nghiện; yêu cầu các bên tham gia thực hiện các biện pháp kiểm soát ở cấp quốc gia và hợp tác quốc tế, đặc biệt trong công tác chống buôn lậu ma túy.

Trong kiểm soát ma túy thì công ước chia ma túy thành 4 loại theo nguy cơ gây nghiện, khả năng gây tác hại và nguy hiểm khác do sử dụng không theo quy định. Mỗi loại đều phải có các biện pháp kiểm soát tính chất nghiêm trọng của nó. Các nước phải duy trì chế độ cung cấp số liệu dự tính lượng ma túy cần thiết cho mục đích y tế và nghiên cứu khoa học hàng năm, để từ đó điều chỉnh tổng sản phẩm ma túy hợp pháp dự tính trên toàn cầu, phải báo cáo thống kê số lượng ma túy đã nhận được, đã tiêu thụ và đã tiêu hủy.

Trong đấu tranh chống buôn bán ma túy trái phép, Công ước quy định các bên ký kết Công ước phải:

- Lập kế hoạch ở cấp quốc gia trong việc phối hợp hành động ngăn chặn buôn bán ma túy trái phép lập ra 1 cơ quan chịu trách nhiệm về công việc này.
- Hỗ trợ lẫn nhau trong các chiến dịch chống buôn bán ma túy trái phép.

- Hợp tác chặt chẽ với nhau và với các tổ chức quốc tế có thẩm quyền để phát động những chiến dịch phối hợp chống buôn bán ma túy trái phép.

- Đảm bảo sự hợp tác quốc tế giữa các cơ quan tương ứng được tiến hành nhanh chóng kịp thời.

- Đảm bảo các tài liệu pháp lý lưu chuyển trên phạm vi quốc tế dùng cho mục đích truy tố được gửi ngay không chậm trễ.

Nghị định thư 1972 bổ sung cho Công ước 1961 đã sắp xếp lại hợp lý hơn và mở rộng chức năng kiểm soát, giám sát của ban kiểm soát ma túy quốc tế (INCB), củng cố các biện pháp kiểm soát ma túy đưa ra trong Công ước 1961, yêu cầu các quốc gia báo cáo tình hình hoạt động ma túy bất hợp pháp trong phạm vi lãnh thổ (gồm việc trồng trọt, sản xuất, chế biến, sử dụng buôn bán ma túy), nhấn mạnh việc cai nghiện, giáo dục, chăm sóc sau cai nghiện, cải tạo và đưa người cai nghiện tái hòa nhập với xã hội.

*** Công ước 1971**

Công ước này có hiệu lực từ năm 1976, mở rộng kiểm soát ma túy, kiểm soát các chất kích thích và chất gây hại thần kinh, gây hại cho sức khỏe cộng đồng. Công ước quy định quản lý có điều kiện 105 chất gây nghiện và gây kích thích thần kinh. Những chất này bao gồm các loại thuốc làm dịu thần kinh trung ương như các loại thuốc trong nhóm bapiturat và thuốc giảm thống các chất kích thích như nhóm Amphetamin, thuốc gây ảo giác LSD. Công ước xếp các chất tác động thần kinh vào 4 loại theo nguy cơ gây nghiện, khả năng gây tổn hại và giá trị chữa bệnh (nếu có) với những yêu cầu khác nhau về chỉ số sản xuất, lưu giữ hồ sơ ghi chép theo giới hạn phân phối và sự khai báo xuất khẩu. Các chất này phải đặt dưới sự kiểm soát của quốc gia và quốc tế.

Công ước xác định mối quan hệ sản xuất vận chuyển ma túy trái phép với kiểm soát các chất gây nghiện, chất kích thích để bị lạm dụng qua việc phân phối, sử dụng, XNK chế biến trong các hoạt động hợp pháp thuộc lĩnh vực y học và nghiên cứu khoa học.

*** Công ước 1988**

Công ước bao trùm một phạm vi rộng lớn, nhiều chủ đề và các hoạt động liên quan đến ma túy. Ngoài việc quản lý các chất ma túy, các chất kích thích, các chất gây hại thần kinh thì Công ước còn quy định quản lý việc sử dụng hợp lý 22 loại hóa chất được sử dụng để sản xuất chất ma túy (tiền chất). Công ước này xúc tiến sự hợp tác giữa các nước để giải quyết có hiệu quả các vấn đề về buôn bán trái phép ma túy và các chất tác động thần kinh có tầm cỡ quốc tế.

Như vậy để thi hành đầy đủ các điều khoản của Công ước thì hầu hết các nước phải ban hành mới hoặc bổ sung sửa đổi luật pháp hiện hành và điều chỉnh các hệ thống kiểm soát ma túy của nước mình (Việt Nam đã sửa đổi Bộ luật Hình sự (năm 1999) dành riêng Chương XVIII quy định tội phạm về ma túy và ban hành mới Luật Phòng chống ma túy). Các điều khoản của Công ước 1988 đề cập đến các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định các tội chung nhất, hình phạt đối với các hoạt động trái phép liên quan đến ma túy, quyền lực xét xử đối với các tội danh đó.

- Xác lập các biện pháp để có thể nhận diện truy tìm ngăn chặn bắt giữ và tịch biên lợi nhuận của tội phạm ma túy ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

- Tương trợ pháp lý ở phạm vi rộng nhất trong điều tra tố tụng kiện tụng những tội phạm ma túy nhất định.

- Chuyển các kiện tụng hình sự sang các tội phạm ma túy nhất định.
- Hợp tác quốc tế đặc biệt là giữa các cơ quan thi hành luật về phương pháp vận chuyển có kiểm soát và các biện pháp thủ tục khác.
- Ngăn chặn buôn bán ma túy bất hợp pháp trên đường biển ở các khu vực mậu dịch và cảng tự do trên đường hàng không, đường bộ hoặc thông qua thương mại, qua bưu điện và các phương tiện vận chuyển khác.
- Giám sát việc buôn bán trao đổi trong phạm vi quốc gia và quốc tế các hoá chất thường được dùng trong việc bào chế bất hợp pháp các chất ma túy, các nguyên liệu và thiết bị dùng trong quá trình bào chế.
- Các biện pháp triệt phá việc trồng trọt, sản xuất ma túy, ngăn chặn tất cả các hình thức buôn bán ma túy trái phép các biện pháp làm giảm nhu cầu sử dụng, tiêu thụ. Quyền xét xử được xác lập đối với các tội theo quy định của các điều khoản trong công ước gồm các vụ án mà trong đó kẻ bị cho là phạm tội có mặt tại lãnh thổ của một nước và không bị dẫn độ sang một nước khác trên cơ sở:
 - + Hành vi phạm tội được thực hiện trên lãnh thổ của nước đó hoặc trên tàu thuyền mang cờ của nước đó, trên máy bay đăng ký theo luật của nước đó vào thời điểm phạm tội.
 - + Hành vi phạm tội do công dân nước đó thực hiện.

Đối với việc tịch biên, các nước được yêu cầu chấp thuận các biện pháp cần thiết đảm bảo cho việc thu giữ, tịch biên tất cả tiền lợi nhuận, tài sản, phương tiện có được từ hoạt động trái phép về ma túy (bất kể tính bí mật ngân hàng).

Mỗi tội danh quy định trong Công ước đều được xem là một tội có thể dẫn độ, chiếu theo bất kỳ hiệp định dẫn độ nào đang hiện hành giữa các nước. Các quốc gia đã ký kết Công ước mà không đặt sự dẫn độ thành điều kiện cần có trong một hiệp định thì yêu cầu phải công nhận những tội danh này là những tội có thể dẫn độ giữa các quốc gia với nhau.

Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các chương trình hợp tác về phòng, chống ma túy với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Nhà nước Việt Nam thể hiện rõ quan điểm: Ưu tiên cho nước ký kết Điều ước quốc tế song phương với Việt Nam sự tương trợ tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về ma túy. Đồng thời, Nhà nước Việt Nam cũng có quyền từ chối tương trợ tư pháp đối với các trường hợp: Yêu cầu tương trợ tư pháp không phù hợp với các Điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy mà Việt Nam ký hoặc tham gia và pháp luật Việt Nam; việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam.

Việc tất cả các nước tham gia Công ước kiểm soát ma túy và việc thực hiện trên phạm vi toàn cầu các điều khoản trong Công ước là những điều kiện tiên quyết để kiểm soát ma túy trên toàn thế giới có hiệu quả, kể cả việc đạt được những mục tiêu trong các Công ước. Số quốc gia gia nhập các Công ước kiểm soát ma túy quốc tế đã tăng lên, cụ thể: Đến tháng 01/2004 có 180 nước tham gia Công ước thống nhất về ma túy năm 1961; đến tháng 11/2004 có 175 nước tham gia Công ước về chất hướng thần năm 1971 và 170 nước tham gia Công ước về chống buôn lậu ma túy và chất hướng thần năm 1988.

Những năm gần đây, bên cạnh việc đẩy mạnh chống tội phạm ma túy trong nước, Chính phủ Việt Nam đã không ngừng tăng cường mở rộng quan hệ phối hợp với các tổ

chức quốc tế, đặc biệt là UNODC, Interpol... hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, khu vực thông qua việc ký kết các hiệp định, thoả thuận, bản ghi nhớ như: Bản ghi nhớ hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông; các bản hiệp định, thoả thuận hợp tác với Chính phủ Liên bang Myanmar, Cộng hoà Hungary, Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc... Hàng năm, Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ đi tham quan, khảo sát, tập huấn và dự hội nghị, hội thảo về phòng chống ma túy và thực hiện các dự án hỗ trợ về cơ sở vật chất, công nghệ, tăng cường năng lực pháp luật.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tích cực tham gia các diễn đàn đa phương khác của khu vực và thế giới về phòng, chống ma túy như: Việt Nam cùng với nhiều nước ASEAN đã thể hiện quan điểm nhất quán, không khoan nhượng với ma túy, không chấp nhận xu hướng hợp pháp hoá với sử dụng ma túy tại Phiên họp lần thứ 63 của Ủy ban kiểm soát ma túy Liên hợp quốc vào tháng 3 năm 2020 tại Áo; tham dự Hội nghị cán bộ đầu mối triển khai cơ chế hợp tác MOU được tổ chức vào ngày 27/5/2020 theo hình thức họp trực tuyến; tham dự Hội thảo trực tuyến về mạng lưới giám sát ma túy ASEAN lần thứ 9 (ASEAN-NARCO) vào tháng 9/2020; tham dự Hội nghị cấp Bộ trưởng các nước thành viên Biên bản thoả thuận 1993 về phòng, chống ma túy khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông (MOU 1993) vào tháng 12/2019; chủ trì tổ chức thành công Hội nghị Tổ công tác phòng, chống ma túy tại cảng biển lần thứ 4 (ASTTE) vào tháng 9/2019; tham dự Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về vấn đề ma túy lần thứ 39 tại Campuchia vào tháng 8/2019; tham dự hội nghị những người đứng đầu lực lượng thực thi pháp luật về ma túy khu vực Đông Nam Á - Thái Bình Dương (HONLEA); tham dự các diễn đàn đa phương khác về phòng, chống ma túy như ADEC, ADLOMICO, IDEC...

Bên cạnh việc tăng cường hợp tác đa phương trong khuôn khổ ASEAN về phòng, chống ma túy, Việt Nam cũng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương đi vào chiều sâu, hiệu quả đặc biệt là các nước có chung đường biên giới, các cơ quan, đối tác tài trợ tích cực cho công tác đấu tranh phòng, chống ma túy của Việt Nam, Với phương châm hợp tác đi vào thực chất, lực lượng chức năng của Việt Nam đã phối hợp với các nước triệt phá các vụ án ma túy lớn, đặc biệt là các đường dây tội phạm ma túy xuyên quốc gia.

Cụ thể, trong quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia ở cấp Trung ương, Bộ Công an Việt Nam đã phối hợp cùng Bộ An ninh Lào và Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia triển khai nhiều sáng kiến nhằm kịp thời ứng phó với tình hình tội phạm ma túy trên tuyến biên giới ba nước trong đó nổi bật là việc triển khai kế hoạch cao điểm về tuyên truyền tấn công, trấn áp tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào và tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia.

Hợp tác quốc tế đã góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Số vụ án ma túy khám phá tăng, số đối tượng bắt giữ tăng, mở rộng được nhiều vụ án xuyên quốc gia liên quan đến quốc tế; phối hợp quản lý buôn bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin... Thực tế những năm qua, thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy chúng ta đã học hỏi và trao đổi được nhiều kinh nghiệm phòng, chống ma túy từ các nước, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ về đào tạo cán bộ cai nghiện, về kinh phí, trang thiết bị của UNODC và các quốc gia. Dự báo thời gian tới tội phạm ma túy ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới sẽ gia tăng và có nhiều diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy của Việt Nam cũng như trên toàn cầu sẽ còn nhiều khó khăn, vất vả. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quan hệ hợp tác phòng, chống ma túy giữa Việt

Nam với các nước vẫn chưa tương xứng với nhu cầu của mỗi nước. Thời gian tới, trên cơ sở Hiệp định và các cam kết với các quốc gia, các cơ quan chức năng của Việt Nam và các bên cần tăng cường hơn nữa, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các nước khác để đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới.

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống ma túy trong nước, lực lượng chức năng của Việt Nam cần tiếp tục phối hợp với các nước và đối tác triển khai các giải pháp hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy thực sự đi vào chiều sâu, tập trung, trọng điểm với từng, đối tác, cụ thể:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy xuyên quốc gia, trong đó đặc biệt tập trung vào các giải pháp như: (1) Phối hợp triển khai các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm ma túy trên phạm vi lãnh thổ mỗi nước và phối hợp đấu tranh với các đường dây tội phạm ma túy hoạt động xuyên quốc gia có liên quan đến các nước, nhằm mục tiêu chung là ngăn chặn tội phạm ma túy ở khu vực Đông Nam Á, không để hình thành phát triển thị trường ma túy lớn của thế giới; (2) Lập chuyên án đấu tranh chung đối với các vụ án liên quan đến tội phạm ma túy xuyên quốc gia; (3) Triển khai các giải pháp kiểm soát tiền chất thông qua các cơ chế hợp tác đa phương, trong kiểm soát tiền chất; và (4) Tăng cường trao đổi thông tin về nguồn gốc, tuyến đường vận chuyển, sản xuất trái phép ma túy, hồ sơ của các tổ chức tội phạm ma túy.

Thứ hai, tăng cường quan hệ hợp tác đối với các nước trong khu vực, ngày càng đi vào chiều sâu, theo hướng ổn định, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm, tạo sự tin cậy lẫn nhau; tạo điều kiện đề cửng cố quan hệ hợp tác với ASEAN về phòng, chống ma túy, tạo điều kiện đẩy mạnh trao đổi thông tin, tình hình, xu hướng và chia sẻ kinh nghiệm về phòng, chống ma túy;

Thứ ba, triển khai các giải pháp kiểm soát tiền chất thông qua các cơ chế hợp tác đa phương, phòng, chống thất thoát tiền chất, triệt phá các phòng thí nghiệm sản xuất ma túy tổng hợp; kiểm soát chặt chẽ các tổ chức hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, đồng thời giải quyết hiệu quả các xu hướng và tuyến vận chuyển mới nổi trong khu vực và thế giới nói chung.

4. Vai trò của luật sư và những khó khăn, thách thức đối với luật sư khi tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy

a) Vai trò của luật sư trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy

Trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy, luật sư tham gia với tư cách là người bào chữa của người bị buộc tội. Nội dung hoạt động bào chữa của luật sư là tổng hợp các hoạt động của luật sư khi tham gia tố tụng trong một vụ án hình sự nhằm tìm ra những chứng cứ có lợi cho người bị buộc tội, phát hiện sự vi phạm tố tụng trong điều tra, truy tố, tổng hợp đưa ra quan điểm kiến nghị, đề xuất, bào chữa cho người bị buộc tội. Theo tính chất của hoạt động, có thể phân chia các hoạt động bào chữa của luật sư trong vụ án thành hai nhóm: (i) nhóm những công việc, thao tác nghề nghiệp được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật tố tụng hình sự (đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; gặp người bị buộc tội đang bị tạm giam; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; hỏi, tranh luận tại phiên tòa) và (2) nhóm những công việc, thao tác nghề nghiệp khác không trái luật (trao đổi với người bị buộc tội; nghiên cứu hồ sơ vụ

án; trao đổi, đề xuất với toà án; chuẩn bị luận cứ bào chữa, dự kiến kế hoạch hỏi...). Trong từng vụ án cụ thể, các công việc cụ thể khi luật sư thực hiện hoạt động bào chữa phụ thuộc vào thời điểm luật sư tham gia tố tụng, nội dung, tính chất phức tạp của vụ án. Ở góc độ chung nhất, nội dung hoạt động bào chữa của luật sư trong vụ án hình sự về các tội đặc biệt nghiêm trọng về ma túy bao gồm các hoạt động chủ yếu như gặp và trao đổi với người bị buộc tội; tham gia một số hoạt động điều tra; nghiên cứu hồ sơ; thu thập chứng cứ; kiến nghị với cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức khác; chuẩn bị tham gia phiên tòa và tham gia phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm....Hoạt động bào chữa của luật sư trong quá trình tham gia giải quyết VAHS nói chung và vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy nói riêng có vai trò quan trọng trên nhiều phương diện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, luật sư bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thân chủ. Luật sư thực hiện hoạt động bào chữa nhằm bảo vệ quyền lợi cho người bị buộc tội trên cơ sở tìm ra các chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc các vấn đề về nhân thân có lợi cho người bị buộc tội...Trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy, dù hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử với khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì các chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các yếu tố về nhân thân hay phân tích về nguyên nhân và điều kiện phạm tội mà luật sư đưa ra vẫn có ý nghĩa để Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi lượng hình. Trên thực tế, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy mặc dù đã có đủ cơ sở pháp lý để kết tội bị cáo nhưng nhờ có hoạt động bào chữa của luật sư tại phiên tòa mà Hội đồng xét xử hiểu rõ hơn về hoàn cảnh, động cơ, mục đích, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ để xem xét, cân nhắc nhằm ra bản án đúng người, đúng tội nhưng vẫn đảm bảo hợp tình, hợp lý, giúp bị cáo nhận thức được sai lầm của mình cũng như sự khoan hồng của Nhà nước, từ đó tự giác chấp hành bản án, yên tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành người tốt. Ví dụ: luật sư phân tích và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giúp cơ quan điều tra bóc gỡ “đường dây” mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, bị mua chuộc, lôi kéo; bị cáo là phụ nữ có thai đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Ở một góc độ khác, trong các vụ án về ma túy nhiều trường hợp người bị buộc tội thiếu hiểu biết pháp luật hoặc trình độ học vấn thấp, việc thực hiện các hoạt động bào chữa của luật sư trong quá trình giải quyết vụ án còn nhằm giúp họ nhận thức đúng đắn về hành vi mà họ đã thực hiện, về các quyền mà họ có khi tham gia trong vụ án với vai trò là người bị buộc tội.

Thứ hai, hoạt động bào chữa của luật sư trong VAHS nói chung và vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy nói riêng góp phần quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật, đảm bảo không làm oan người vô tội. Điều này đặc biệt quan trọng trong điều kiện các vụ án về ma túy chủ yếu là án “truy xét”, sự thiếu khách quan, công minh, thận trọng khi đánh giá các lời khai buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng có thể dẫn tới việc gây oan, sai cho người bị buộc tội. Sự tham gia của luật sư cũng giúp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhìn nhận toàn diện hơn về vụ án, nhất là từ góc nhìn “gỡ tội” cho người bị buộc tội khi mà tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án dễ khiến người tiến hành tố tụng có định kiến “không còn gì để xem xét giảm nhẹ”. Thực tiễn hoạt động bào chữa của luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy cho thấy các luật sư bào chữa có vai trò không nhỏ trong việc giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện công việc theo đúng trình tự, thủ tục mà

BLTTHS quy định; thể hiện vai trò giám sát đối với những hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng đảm bảo việc tuân thủ nguyên tắc pháp chế, yêu cầu thượng tôn pháp luật tố tụng hình sự. Thông qua hoạt động của mình, các luật sư bào chữa góp phần hạn chế đến mức thấp nhất những vi phạm pháp luật của các cơ quan THTT. Trong các giai đoạn tố tụng, các hình thức như mớm cung, bức cung, dụ cung, dùng nhục hình sẽ không xảy ra nếu có sự có mặt của luật sư. Tại phiên tòa, những hành động, lời nói, ứng xử trái pháp luật hoặc gây bất lợi của đại diện VKS hoặc chủ tọa phiên tòa đối với bị cáo sẽ được luật sư đưa ra ý kiến để bảo vệ quyền lợi cho thân chủ. Thông qua lời bào chữa và tranh luận trước toà, luật sư giúp cho Toà án thẩm tra toàn bộ các tài liệu chứng cứ và hiểu sâu sắc hơn về vụ án; bằng việc phân tích các quy định của pháp luật, luật sư góp phần xác định yêu cầu của việc áp dụng pháp luật chính xác như: định tội danh, áp dụng khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo, mức bồi thường thiệt hại một cách thoả đáng..

Thứ ba, từ góc độ xã hội, hoạt động bào chữa của luật sư trong vụ án hình sự nói chung và vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy nói riêng góp phần bảo đảm cho công lý được thực thi, bảo đảm việc thực hiện công bằng, dân chủ trong tố tụng TTHS, không làm oan người vô tội, qua đó bảo đảm công bằng xã hội². Ngoài việc bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội, việc luật sư tham gia bào chữa trong TTHS còn hạn chế sự lạm quyền và vi phạm pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng từ đó củng cố lòng tin của người dân vào cơ quan tiến hành tố tụng, vào pháp luật và nhà nước, góp phần ổn định trật tự xã hội. Thông qua hoạt động của mình, Luật sư cũng giúp những người quan tâm đến việc giải quyết vụ án thấu hiểu quyền và nghĩa vụ của mình; giúp nhiều công dân hiểu được cái giá phải trả khi có hành vi vi phạm pháp luật, gieo rắc “cái chết trắng”. Điều đó có nghĩa, luật sư không những thực hiện kỹ năng nghề nghiệp của mình mà còn thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua chính hoạt động bào chữa.

b) Một số khó khăn, thách thức đối với luật sư khi tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy

Án ma túy luôn là một trong những loại án phức tạp và khó khăn trong quá trình tham gia bào chữa của luật sư. Ngoài những khó khăn do tính chất đặc thù của loại án này như quy mô vụ án lớn, địa bàn rộng, đối tượng phạm tội phức tạp, phạm tội có tổ chức.... thì một khó khăn khác mang tính trọng yếu đó là quy định pháp luật chưa rõ ràng, thiếu thống nhất đã gây ra nhiều khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Khi tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy, luật sư gặp một số khó khăn, thách thức sau đây:

Thứ nhất, các quy định pháp luật chưa thống nhất dẫn tới những cách hiểu khác nhau, có nhiều quan điểm khác nhau từ phía người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng

Hiện nay, tội phạm ma túy có các văn bản hướng dẫn như sau: Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” (Thông tư liên tịch 17/2007) và Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Liên ngành Trung ương sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 17/2007

² Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội

nêu trên (Thông tư liên tịch 08/2015). Từ khi BLHS 2015 có hiệu lực thi hành đến nay, chưa có văn bản pháp luật nào sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ Thông tư liên tịch 17/2007 và Thông tư liên tịch 08/2015. Do đó, những nội dung được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 17/2007 và Thông tư liên tịch 08/2015 chưa bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thì vẫn có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, một số nội dung trong hai thông tư liên tịch nêu trên vẫn còn nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn diễn biến tình hình tội phạm hoặc một số hướng dẫn còn đang có nhiều cách hiểu khác nhau.

Ví dụ³: Khoảng 22 giờ ngày 15/3/2021, Giàng A Vàng cùng Hồ A Tông rủ nhau đến nhà Hằng A Hùng để mua Heroine, với giá 300.000đ. Sau khi bán cho Vàng, Tông xong, Hùng rời khỏi nhà. Mua được Heroine, Vàng lấy một ít ra cùng Tông sử dụng bằng cách đốt và hít tại bếp nhà của Hùng. Thấy Vàng và Tông sử dụng ma túy, Hồ Thị Xê (vợ của Hằng A Hùng là đối tượng nghiện ma túy) xin sử dụng cùng và được Vàng đưa gói giấy bạc có chứa ma túy cho Xê, sau đó đốt để Xê hít hai hơi. Trong trường hợp này Giàng A Vàng có bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hay không?

- Tại điểm a mục 6.2 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: “Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy các chất ma túy để sử dụng trái phép thì không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy...”. Áp dụng trong vụ án này thì Giàng A Vàng không bị xử lý hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Theo Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp nghiệp vụ thì “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện, cung cấp ma túy, địa điểm... để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy” và theo Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp nghiệp vụ thì hành vi cung cấp ma túy cho người khác sử dụng là một trong các hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi của Giàng A Vàng đưa gói giấy bạc có chứa Heroine cho Xê sau đó đốt để Xê hít hai hơi là hành vi cung cấp ma túy, công cụ, phương tiện để Xê đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể là đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015.

Như vậy, cùng một hành vi theo các hướng dẫn khác nhau sẽ có kết quả định tội danh khác nhau.

Bên cạnh đó, một số hành vi qui định trong BLHS khó vận dụng hoặc vận dụng không thống nhất, phải chờ Nghị định hướng dẫn của Chính phủ và của các cơ quan tố tụng. Ví dụ:

- Tại điểm d khoản 1, điểm h khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 249; điểm d khoản 1, điểm i khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 250; điểm k khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 251; điểm d khoản 1, điểm h khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 252 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “... hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định...”.

³ <https://vienkiemsatyenbai.gov.vn/ban-ve-nhung-mau-thuan-trong-giai-quyet-vu-an-hinh-su-toi-to-chuc-su-dung-trai-phep-chat-ma-tuy/>

Trong trường hợp này, bộ phận của các cây khác có chứa chất ma túy là những bộ phận của cây gì thì hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

- Theo quy định của BLHS thì tùy theo khối lượng của từng chất ma túy sẽ được định tội và định khung khác nhau. Tuy nhiên, trường hợp một mẫu giám định có chứa nhiều chất ma túy thì việc xác định có tội hay không có tội hoặc xác định tình tiết định khung tăng nặng vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau.

- Việc sử dụng ý thức của bị can để xác định tội danh của bị can là mua bán trái phép chất ma túy hay tàng trữ trái phép chất ma túy, thực tiễn áp dụng gặp khó khăn, cụ thể: Khi bắt quả tang bị can tàng trữ một lượng ma túy nhất định, bị can khai nhằm mục đích để bán và sử dụng, không chứng minh được người mua. Quá trình điều tra bị can thay đổi lời khai (hoặc quá trình truy tố, xét xử bị can thay đổi lời khai: mục đích chỉ để sử dụng) thì việc định tội danh bị can như thế nào, vẫn giữ nguyên tội mua bán trái phép chất ma túy hay chuyển sang tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Thứ hai, khó khăn xuất phát từ đặc thù của nhóm tội phạm ma túy

Trong quá trình tham gia bào chữa cho bị cáo trong nhóm tội phạm về ma túy, luật sư gặp một số khó khăn, thách thức từ chính đặc thù của nhóm tội này, cụ thể:

- Đa phần có các bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức...nên luật sư khó tiếp cận hồ sơ ngay từ ban đầu khi vụ án xảy ra (do tính chất vụ án đặc biệt nghiêm trọng). Ở giai đoạn điều tra, luật sư có thể gặp khó khăn khi vào gặp riêng bị can trong trại tạm giam.

- Đa số Luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng về ma túy là luật sư chỉ định. Khi tiếp xúc với bị can, bị cáo trong những vụ án này, họ thường không hợp tác với luật sư vì nghĩ “đằng nào cũng tử hình”. Ở một khía cạnh khác, đối tượng phạm tội ma túy thường cảnh giác cao, tinh vi, nhiều trường hợp gây áp lực cả với luật sư nên khi làm việc luật sư cần hết sức thận trọng, minh bạch, rõ ràng để tránh những rủi ro sau này.

- Về chứng cứ, do án ma túy chủ yếu là án “truy xét” nên việc đánh giá chứng cứ gặp khó khăn. Ngoài ra, một số trường hợp tài liệu trong hồ sơ không đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngoài những bị can phạm tội quả tang, có lời khai đầy đủ thỏa mãn yếu tố cấu thành tội phạm thì những bị can khác bị bắt khi căn cứ vào lời khai của các bị can khác thì chứng cứ buộc tội thường rất yếu. Dù luật sư đã lập luận để chỉ ra những mâu thuẫn trong lời khai và đặc biệt chỉ ra tính bất hợp lý, không logic trong lập luận buộc tội của Viện kiểm sát nhưng do quan điểm đánh giá chứng cứ khác nhau nên khó được chấp nhận.

B. KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ KHI THAM GIA GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG VỀ MA TÚY
KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ TRƯỚC PHIÊN TÒA SƠ THẨM
1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ

Những lưu ý khi nghiên cứu hồ sơ để xác định tội danh và khung khoản

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Luật sư cần phải xác định loại chất ma túy mà bị can bị quy buộc có hành vi phạm tội có nằm trong danh mục và liệt kê các loại chất ma túy theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP hay không; các dấu hiệu đặc trưng của tội phạm về ma túy. Nếu chất hoặc tiền chất đó không có trong danh mục mà Nhà nước quy định thì hành vi của khách hàng không thể bị xử lý theo quy định của BLHS về các tội liên quan đến ma túy được.

Trong một số vụ án, Luật sư cũng cần phân biệt giữa hành vi phạm tội về ma túy với các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm các hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh các chất ma túy, tiền chất, chất gây nghiện, chất hướng thần. Ngoài ra, trong một số tội cần xác định chính xác khối lượng chất ma túy để truy cứu hình sự.

Vi dụ 1:

Theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 việc tàng trữ trái phép chất ma túy như Heroine, Cocain, Methamphetamine, Amphetamin, MDMA hoặc XLR -11 có khối lượng dưới 0,1 gram ... thì sẽ không bị xử lý về tội Tàng trữ trái phép các chất ma túy.

Ngoài ra, trong thực tiễn, một số hành vi của nhóm tội phạm ma túy có sự “đáp dánh”, Luật sư cần phân biệt và xác định như:

- Trong tội sản xuất trái phép chất ma túy, Luật sư cần nghiên cứu các chứng cứ để xác định hành vi sản xuất trái phép chất ma túy mà khách hàng đã thực hiện là hành vi gì. Phân biệt giữa sản xuất và pha chế chất ma túy vì thực tế hành vi pha chế ma túy thành dung dịch hay trộn các chất ma túy để dùng tăng tính kích thích thì hành vi này là pha chế. Hành vi sản xuất là hành vi làm ra chất ma túy.

- Trong tội mua bán trái phép chất ma túy, vụ án có đối tượng mua bán chất ma túy là người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi cần nghiên cứu xác định hành vi của khách hàng được thực hiện bao nhiêu lần, tổng trọng lượng các lần mua bán đó là bao nhiêu để xác định việc truy tố của VKS có đúng với quy định tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hay không.

Những lưu ý khi nghiên cứu tài liệu trong hồ sơ vụ án

Khi nghiên cứu hồ sơ trong các vụ án ma túy, Luật sư cần lưu ý các loại tài liệu sau đây:

- Tài liệu về việc thu giữ đồ vật, vật chứng: Nghiên cứu tài liệu này để xác định CQĐT đã thu được ma túy hay không, số lượng, hình thức lúc thu giữ ra sao, thu được ở đâu? Thông thường khi thu giữ, CQĐT sẽ ghi trong biên bản là “chất bột trắng nghi là hêrôin” hay là các viên thuốc màu hồng hay màu vàng mà không xác định ngay đó có phải là ma túy. Vật chứng ma túy trong vụ án ma túy là chứng cứ quan trọng để chứng minh khách hàng có phạm tội. Nếu một vụ án về ma túy mà không có ma túy sẽ là vụ án

luôn gây tranh cãi khi định tội cũng như khi định khung để áp dụng.

- Nghiên cứu về thủ tục giám định do CQĐT tiến hành, nhưng cần kiểm tra kỹ hồ sơ về các biên bản niêm phong tang vật, chữ ký của bị can trên các biên bản và dấu niêm phong, cũng như các dụng cụ phân chia ma túy đã được thu giữ như thế nào. CQĐT trung cầu giám định đối với vật chứng nào và kết luận của Cơ quan giám định ra sao. Chú ý các trường hợp cần Giám định để xác định hàm lượng chính xác chất ma túy được quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, VKS nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999 (Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP), Thông tư 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư 17 về giám định hàm lượng chất ma túy; Công văn số 315/TATC-PC/2017 về thực hiện TT17, bổ sung thêm các trường hợp cần giám định hàm lượng ma túy, ngoài các trường hợp được quy định tại TT 08. Theo đó, tại công văn 315 đã xác định: Trường hợp qua xét xử mà xác định rõ chất ma túy bị pha lẫn, trộn nhiều loại chất tạp khác để tăng trọng lượng bán cho các con nghiện thu lời, thì sẽ phải trung cầu giám định xác định chính xác hàm lượng ma túy; hoặc trường hợp lượng ma túy bắt giữ của đối tượng phạm tội thu được thuộc khung hình phạt cao nhất là 20 năm, chung thân hoặc tử hình thì phải giám định xác định chính xác hàm lượng chất ma túy.

Ví dụ 2:

Ngày 20/7, Công an bắt quả tang trong người Nguyễn Thị Thắm có 5 gói hêrôin có trọng lượng 0,269 gam hêrôin. Với việc xác định trọng lượng và giám định đã xác định chất bột màu trắng là heroine thì Thắm bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 BLHS

Tuy nhiên, Thắm khai Thắm có 1 gói heroine, sau đó Thắm trộn lẫn với B1 tán đều chia nhỏ ra thành 05 gói bán cho các con nghiện kiếm lời. Đối chiếu TT08 và Công văn số 315 thì cần phải giám định xác định hàm lượng chất ma túy trong 05 gói heroine của Thắm. Tại kết luận giám định của Viện khoa học hình sự cho biết 5 mẫu chất bột trắng là chế phẩm hêrôin, hàm lượng hêrôin 0,17%. Nếu tính trọng lượng theo hàm lượng thì trọng lượng hêrôin mà Thắm tàng trữ là $0,269 \text{ gam} \times 0,17/100 = 0,045 \text{ gam hêrôin}$. Cách tính này đã làm cho hành vi của Thắm là hành vi phạm tội trở thành hành vi bị xử phạt hành chính. Việc giám định có xác định hàm lượng đã được quy định cụ thể trong Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP bắt buộc phải trung cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau: Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch; chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; xai thuốc phiện; Thuốc gây nghiện, thuốc hưởng thần. Ngoài ra, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trung cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật. CV số 315/ TATC-PC/2017 của Tòa án nhân dân tối cao bổ sung thêm 02 trường hợp cần giám định xác định hàm lượng ma túy của TT08, đó là: Những vụ án phạm tội có khung hình phạt từ 20 năm, chung thân, tử hình; Những vụ án trong giai đoạn xét xử, Tòa án xét thấy có căn cứ xác định người có hành vi phạm tội đã pha trộn các chất không phải là ma túy, tiền chất vào chất ma túy, tiền chất.

Giám định trong trường hợp là ma túy tổng hợp, ma túy đá... Luật sư cần lưu ý đó

là chất gây nghiện nào, số lượng là bao nhiêu viên, trọng lượng mỗi loại, đồng thời phải xác định loại chất này có được xác định trong danh mục các chất ma túy, các chất gây nghiện hay các chất hướng thần mà Chính phủ đã ban hành hay không.

Ví dụ 3:

Vụ án Huỳnh Song Toàn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả giám định xác định 02 gói chất bột màu trắng thu giữ có trọng lượng là 2,2553 gam, có chứa thành phần Methamphetamine; 20 viên thuốc tân dược hình đầu chó có trọng lượng 4,1300 gam có chứa thành phần Ephedrine và desmethyl-DOB. Đối với 20 viên thuốc tân dược có thành phần Ephedrine và desmethyl-DOB, Luật sư cần lưu ý: Thứ nhất, thành phần Ephedrine có trong một số loại thuốc tân dược dùng trong điều trị bệnh về đường hô hấp; nếu dạng tiêm thì chỉ được bán theo đơn. Thứ hai, trong danh mục chất ma túy, ephedrine là chất nằm trong danh mục tiền chất để sản xuất chất ma túy theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP. Vì vậy, Luật sư cần làm rõ thành phần Ephedrine và desmethyl-DOB có tạo ra chất gây nghiện hay không.

- Nghiên cứu các lời khai của khách hàng xác định khách hàng có nhận tội hay không, có khai thêm các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó không. Khi thấy khách hàng tự nhận thêm hành vi phạm tội, Luật sư cần nghiên cứu các lời khai khác trong hồ sơ để xác định có phải chỉ có duy nhất lời nhận tội của khách hàng hay còn có lời khai của các đối tượng khác. Nếu chỉ có duy nhất lời khai tự nhận tội của khách hàng thì đây là điểm Luật sư có thể tranh luận với VKS. Nếu còn có các lời khai của người khác, Luật sư cần phải nghiên cứu kỹ các lời khai đó để xác định sự phù hợp của các lời khai. Nếu các lời khai là thống nhất và logic thì đây là điểm bất lợi cho khách hàng vì các Tòa án sẽ xem lời khai là căn cứ để định tội và định khung cho các bị cáo.

Nếu khách hàng hoàn toàn không thừa nhận mình có hành vi phạm tội, Luật sư cần nghiên cứu kỹ các lời khai của những người khác cũng như các tài liệu xác định Cơ quan công an có thu giữ được ma túy tại nơi ở của khách hàng hay không? Nếu thu giữ được thì cần phải xem xét khách hàng khai về việc tại sao có ma túy ở trong nhà. Nếu không thu giữ được ma túy mà chỉ đơn thuần dựa vào lời khai của những người khác, Luật sư phải nghiên cứu từng bản lời khai một, cần so sánh một cách kỹ lưỡng từng sự kiện, hành vi mà họ đã khai để tìm ra những điểm không đồng nhất, những điểm còn nghi ngờ. Nếu những lời khai đó vừa có lời khai đồng nhất kết tội khách hàng vừa có những lời khai có lợi, thừa nhận khách hàng không tham gia phạm tội, Luật sư đương nhiên sẽ ghi lại những tình tiết có lợi nhưng vẫn phải tìm những khe hở trong lời khai kết tội để bác bỏ lời khai của họ. Nếu không lập luận bác bỏ được lời khai buộc tội, hậu quả là vụ án có nguy cơ bị xử đi xử lại nhiều lần vì các quan điểm khác nhau của người tiến hành tố tụng.

Ví dụ 4:

Trong vụ án Lê Thu Huyền phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, khi bắt quả tang thì Huyền không có ở hiện trường, tuy nhiên, Cơ quan công an thu giữ 01 chiếc điện thoại được xác định là của Huyền. Khi đang lập biên bản thì điện thoại đổ chuông do đối tượng mua hêrôin gọi hỏi mua hêrôin. Lê Thu Huyền không thừa nhận mình có hành vi mua bán ma túy, điện thoại là Huyền mới mua của đối tượng không quen biết. Lời khai của những người có mặt khi bị bắt quả tang như bà Hải (mẹ Huyền) thì ban đầu khai Huyền có tham gia mua bán nhưng sau lại khai Huyền không tham gia. Lê Xuân Siêu khai là Huyền không tham gia mua bán hêrôin. Những người mua

hêrôin khai là mua của người tên là Phương. Biên bản nhận dạng thì chỉ có 01 người nhận ra Huyền là Phương, còn những người khác không nhận ra Huyền. Trong vụ án này, Luật sư cần phải đối chiếu lời khai của bà Hải, anh Siêu và những người mua ma túy để xác định Huyền có tham gia bán ma túy hay không. Trong các lời khai đó có điểm bất lợi cho Huyền là lời khai ban đầu của bà Hải và việc 01 người mua ma túy nhận ra Huyền là Phương. Luật sư nghiên cứu lời khai của bà Hải để xác định tại sao bà Hải lại thay đổi lời khai, lý do đó có thuyết phục không cũng như xem xét biên bản nhận dạng của người mua ma túy đã xác định Huyền là Phương, đặc biệt lưu ý đến lý do vì sao lại xác định được Phương chính là Huyền.

- Nghiên cứu các tài liệu khác để tìm tình tiết giảm nhẹ cho khách hàng như tài liệu về nhân thân. Đối với khách hàng là phụ nữ cần nghiên cứu xác định khách hàng có phải là phụ nữ đang mang thai hoặc là người đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hay không như trong hồ sơ có tài liệu về việc khách hàng mang thai, có tài liệu về giấy khai sinh của con hay không. Luật sư nghiên cứu lý lịch cá nhân, tàng thư căn cước có trong hồ sơ để xác định khách hàng có tiền án, tiền sự không. Nếu đã có tiền án, cần kiểm tra tiền án đã được xóa hay chưa bằng cách kiểm tra các tài liệu mà CQĐT đã thu thập như bản án, giấy ra tù, văn bản trả lời của Cơ quan thi hành án dân sự về việc đã thi hành phần dân sự trong bản án hình sự chưa.

2. Kỹ năng lập kế hoạch hỏi

Lập kế hoạch hỏi trước khi tham gia phiên tòa là hoạt động không thể thiếu của Luật sư. Trong các vụ án ma túy, một đặc thù mà Luật sư nên lưu ý khi lập kế hoạch hỏi đó là sự có mặt/vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa. Thực tế rất nhiều vụ án không có người làm chứng mà chỉ có các bị can. Do tội phạm ma túy thường được thực hiện bí mật, dưới các hình thức nguy trang khác nhau nên việc chứng kiến hành vi chủ yếu là những người tham gia trong hoạt động phạm tội đó. Ngoài ra, tâm lý chung của mọi người là không muốn liên quan đến tội phạm ma túy. Họ thường không sẵn lòng đứng ra khai báo về sự việc mà họ chứng kiến. Nếu vụ án có người làm chứng thì việc triệu tập họ đến phiên tòa là rất khó khăn đặc biệt là những vụ án mà con nghiện là người làm chứng. Chính vì vậy, khi xác định đối tượng hỏi, Luật sư cần dự liệu trường hợp người làm chứng vắng mặt hoặc vụ án không có người làm chứng để có phương án hỏi phù hợp.

Ví dụ 5:

Ngày 20/02, tại bến xe N, Đinh Thế Mạnh bị bắt quả tang khi đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trần Ngọc Quang. Thu giữ trong người Mạnh được 05 gói hêrôin có trọng lượng là 0,375 gam và 500 nghìn đồng; thu giữ trong người Quang được 01 gói hêrôin trọng lượng là 0,07 gam. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Mạnh không thu giữ được gì. Theo lời khai của Quang, Quang là con nghiện, là đối tượng lang thang quanh khu vực bến xe, Quang mua ma túy của Mạnh lần này là lần thứ 3. Mạnh thừa nhận mình đã bán hêrôin cho Quang nhưng đây là lần đầu tiên Mạnh bán ma túy. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Mạnh, Luật sư cần chứng minh Mạnh chỉ bán ma túy cho Quang lần bị bắt quả tang. Theo quy định của BLTTHS, khi lời khai mâu thuẫn thì phải tiến hành đối chất. Tuy nhiên, Quang là con nghiện, lang thang ở bến xe nên việc triệu tập Quang đến phiên tòa là rất khó. Tại phiên tòa, HĐXX sẽ công bố lời khai của Quang tại CQĐT. Khi xây dựng kế hoạch hỏi của Luật sư trong những vụ án như trên có nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng tại phiên tòa

Luật sư chủ yếu hỏi khách hàng trong đó hỏi đến mối quan hệ của Mạnh và Quang, có quen biết không; Mạnh bán ma túy cho Quang mấy lần; thời gian mà Quang khai mua ma túy mấy ngày trước, Mạnh đang ở đâu và làm gì, có ai chứng kiến không. Có quan điểm khác cho rằng, trong những vụ án như trên, Luật sư không cần làm rõ việc Quang mua ma túy của Mạnh mấy lần vì trách nhiệm chứng minh thuộc về Cơ quan tiến hành tố tụng. Vụ án chỉ có duy nhất lời buộc tội của Quang về việc Mạnh bán ma túy nhiều lần là chưa đủ căn cứ. Luật sư chỉ cần hỏi khách hàng để khách hàng khẳng định mình chỉ bán ma túy cho Quang một lần duy nhất khi bị bắt quả tang.

Trong các vụ án mà khách hàng kêu oan, kế hoạch xét hỏi của Luật sư cần tập trung vào tìm kiếm những điểm mâu thuẫn trong chứng cứ buộc tội đặc biệt là lời khai.

Ví dụ 6:

Ngày 06/11, Cơ quan công an phát hiện trong người Đoàn Văn Lực 02 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất rắn màu trắng. Từ lời khai của Lực, tiến hành khám người và khám nhà của Phan Quốc Bảo thu giữ được 1.000.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen (không có số điện thoại mà Lực đã gọi); thu tại nhà vệ sinh 02 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất rắn màu trắng. Tiến hành giám định các túi nilon bên trong có chứa chất rắn màu trắng thu được tại nhà vệ sinh của Bảo và trong người Đoàn Văn Lực là Methamphetamine trọng lượng 0,2580 gam và 0,1496 gam. Phan Quốc Bảo không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nguyễn Thành Nam và Đoàn Văn Lực khai mua ma túy của Bảo 02 gói với giá 1 triệu đồng. Trước khi đến nhà Bảo, Lực đã dùng điện thoại di động gọi vào số máy di động của Phan Quốc Bảo để thoả thuận mua ma túy dạng “đá”. Bảo đồng ý và hẹn vào nhà Bảo để mua bán. Khi Lực và Nam đến, Nam đứng ở bên ngoài, khi Lực và Nam vừa ra khỏi ngõ thì bị bắt quả tang. Phan Quốc Bảo bị khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy, Lực và Nam bị khởi tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Là Luật sư của Bảo trong vụ án trên, Luật sư cần xác định vấn đề hỏi đối với Lực và Nam, đặc biệt hỏi Lực số điện thoại Lực đã dùng để gọi cho Bảo. Khi Lực vào mua ma túy thì Nam có đi cùng không. Tại sao Nam lại đứng ở ngoài, không đi vào cùng. Việc bắt quả tang diễn ra ở đâu, khi bắt thu giữ được ma túy trong người của ai. Mối quan hệ giữa Lực, Bảo và Nam. Hỏi Bảo về việc tại sao lại có ma túy ở trong nhà. Số tiền 1 triệu đồng là tiền gì.

Trong các vụ án về ma túy, các vụ án có nhiều bị cáo, Luật sư phải chuẩn bị trước kế hoạch xét hỏi trong đó xác định sẽ hỏi ai, hỏi vấn đề gì và câu hỏi đặt ra cho người được hỏi.

Ví dụ 7:

Hồi 16 giờ ngày 17/8/2018, Cơ quan công an bắt quả tang Mùa A Đua và Tráng A Sái đang vận chuyển trái phép chất ma túy. Qua khám xét đã thu giữ trong người Đua 04 bánh hêrôin (tương đương 1.407,24 gam); thu giữ trong người Sái 02 bánh hêrôin (tương đương 659,01 gam) và 190 viên ma túy tổng hợp (có tổng trọng lượng 17,12 gam). Quá trình điều tra, Đua và Sái khai: 06 bánh hêrôin, 190 viên ma túy tổng hợp bị thu giữ nêu trên là của Tráng A Lù (anh trai Sái) mua từ bên Lào về, thuê Sái và Đua mang giao cho Phạm Xuân Mộc. Ngoài ra, Đua và Sái còn khai nhận: Vào đầu tháng 8/2018, Tráng A Lù thuê Mùa A Đua và Tráng A Sái mang 02 bánh hêrôin (tương đương 700 gam) giao cho Phạm Xuân Mộc. Do Đua mệt không đi được nên Mùa A Lù (anh trai Đua) đã đi cùng Sái. A Lù và A Sái đến nhà Mộc, nhưng Mộc không có nhà nên đã đưa 02 bánh hêrôin cho con gái của Mộc tên là Phạm Thị Minh

Hạnh cất giữ và ngòì đợi Mộc. Đến khoảng 22 giờ thì vợ chồng Mộc về. Sái nói với Mộc “em đã đưa hàng cho cháu cất đi rồi”, Mộc nói “ừ”. Đối với Phạm Xuân Mộc: Bốn tháng sau, Công an bắt quả tang Phạm Xuân Mộc đang tàng trữ trái phép 0,19 gam hêrôin trong túi áo. Mộc khai số ma túy này Mộc mua của một người đàn ông (không biết tên và địa chỉ) để sử dụng. Tráng A Lù đã bỏ trốn sau khi Đua và Sái bị bắt quả tang. Trong kế hoạch xét hỏi của Luật sư bảo vệ cho Mộc, Luật sư đã xác định hỏi A Đua và A Sái về việc bị bắt quả tang ở đâu. Sự việc ngày 17/8, đến nhà có gặp Mộc hay không. Khi về ba người nói gì với nhau. Ngoài việc Mộc nói “ừ” có nói gì thêm không.

3. Kỹ năng chuẩn bị bản luận cứ bào chữa

Để chuẩn bị cho phiên tòa xét xử vụ án ma túy, trước hết Luật sư phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để định hướng quan điểm bào chữa cho bị cáo có phạm tội hay không phạm tội về ma túy.

Thứ nhất, nếu dự kiến quan điểm bào chữa theo hướng không phạm tội, cần phân biệt hai trường hợp: (i) Trường hợp bị oan, khởi tố, điều tra về một tội danh không đúng; (ii) Trường hợp có những dấu hiệu hành vi khách quan, nhưng “chứng cứ yếu” hoặc chưa đủ căn cứ buộc tội... Như đã nêu ở trên, thường trong các vụ án liên quan đến ma túy, mức độ “chối tội”, phản cung hay tìm mọi cách chứng minh sự vô tội của từng bị cáo có tính quyết liệt hơn những vụ án hình sự khác. Để xác định chính xác quan điểm bào chữa trong những trường hợp này, Luật sư không chỉ gặp mặt và thống nhất quan điểm với bị cáo tại trại tạm giam trước khi xét xử, mà còn bằng niềm tin nội tâm và sự nhạy cảm nghề nghiệp của mình, có thể nhận thấy bị cáo mình bào chữa có bị oan hay không. Thật sự đây không phải là điều dễ dàng khi bàn đến vấn đề niềm tin nội tâm, nhưng nếu không có niềm tin này, mỗi Luật sư khó có thể trình bày hoặc nói ra những quan điểm bên vực mang tính thuyết phục được.

Ví dụ 8:

Trong một vụ án ma túy, V đến nhà chị T để mua heroin nhưng T đang ngủ; lợi dụng lúc đó V lấy trộm một cục hêrôin tương đương 2 chỉ. V đem cục hêrôin đến nhà H nhờ H cất giữ. Khi ngủ dậy, chị T phát hiện bị mất hêrôin, nên đã cùng Đ đi tìm V và gặp V tại nhà H. Tại đây, T hỏi V xin lại số hêrôin bị mất, nhưng V bảo H cầm, nên T hỏi xin H thì H bắt T phải chuộc 700.000 đồng. Cáo trạng quy buộc H phạm tội chiếm đoạt chất ma túy, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ, Luật sư nhận thấy khi V thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt chất ma túy thì không trao đổi với H, cũng không cùng H thực hiện hành vi này. Vì thế, H không phạm tội chiếm đoạt chất ma túy nhưng phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trong một vụ án ma túy khác, vào ngày 03/8, H đến nhà của A mua 2 phân hêrôin. H đưa cho A 350.000 đồng, A đưa cho B là cháu trong nhà cất giữ, B vào bếp lấy hêrôin giao cho H thì bị cảnh sát hình sự kết hợp với Công an phường bắt quả tang. Khi thu giữ tại bếp có 2 cái ví, trong đó có 22 bịch nilon đựng chất bột màu trắng, dưới vỏ thùng bia có bịch nilon đựng chất bột màu trắng; thu giữ tại phòng vệ sinh 20,4 triệu đồng và 2 điện thoại di động của C là con gái của A. Tại Công an phường, khi đang lập biên bản phạm tội quả tang thì có một đối tượng mua hêrôin gọi vào số máy điện thoại của C để hỏi mua, từ đó Công an tiến hành bắt khẩn cấp C. Khi nhận bào chữa cho C, một Luật sư vào làm việc tại trại tạm giam, được biết ngay từ đầu C đã không thừa nhận mình tham gia mua bán hêrôin với mẹ

mình là A và cho rằng mình bị truy tố oan. Khi nghiên cứu hồ sơ, Luật sư còn phát hiện các đối tượng có lời khai và nhận dạng ảnh của C tuy chỉ đúng C, nhưng lại sai tên và khi tiến hành đối chất thì lại thừa nhận không biết C là ai. Đặc biệt, CQĐT đã sử dụng lời khai của H vào ngày 29/8 để buộc tội C, trong khi đó chính CQĐT khi xác minh cho biết H đã trốn khỏi địa phương vào ngày 04/8. Mặt khác, khi bắt giữ các bị cáo A và B, Cơ quan công an không bắt giữ C, chỉ thu giữ tại phòng ngủ của C 2 điện thoại di động và 20,4 triệu đồng, theo C giải thích là tiền do con của bị cáo A ở Đức gửi về... Trên cơ sở phân tích rõ ràng như vậy của Luật sư, Tòa án ngoài việc tuyên phạt tù đối với bị cáo A và B, tuyên bố C không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Như vậy, trong vụ án này, Luật sư đã phát hiện những tình tiết, chứng cứ quan trọng chứng minh sự vô tội của C, nhưng khi phiên tòa phúc thẩm diễn ra, Thẩm phán - Chủ tọa nhận định lại cho rằng căn cứ vào lời khai ban đầu của A, B và của những người mua hêrôin như H..., đối chiếu lời khai và các biên bản nhận dạng, biên bản phạm pháp quả tang, nhất là khi các đối tượng mua hêrôin có gọi vào số điện thoại của C hỏi mua..., nên đã nhận định chính C là người có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, lại khai báo gian dối nhằm trốn tránh pháp luật nên quy buộc là tội phạm nguy hiểm. Do vậy, đã kiến nghị kháng nghị bản án sơ thẩm theo trình tự giám đốc thẩm theo hướng tuyên bố C phạm tội.

Như vậy, chỉ ngay trong định hướng bào chữa cho bị can không phạm tội liên quan đến ma túy, các Luật sư đã phải đối diện với những thách thức và khó khăn, phức tạp trong việc đánh giá chứng cứ. Cả 2 vụ án nói trên quan điểm bào chữa của Luật sư là khách hàng không phạm tội, nhưng trường hợp thứ nhất lại phạm tội khác, còn trường hợp thứ hai niềm tin nội tâm của Luật sư thật sự chưa chắc đã tin vào sự vô tội của bị cáo C, vì qua tiếp xúc, bản thân Luật sư cũng thấy thái độ của C không trung thực, lại ăn ở, sinh hoạt trong một gia đình có mẹ ruột là đối tượng mua bán trái phép chất ma túy chuyên nghiệp... nên không thể không biết. Vì thế, việc chưa đủ căn cứ buộc tội C chủ yếu là do “chứng cứ” yếu, mâu thuẫn. Việc lựa chọn phương án bào chữa trong trường hợp này không phải là điều dễ dàng. Luật sư không chỉ phải đối diện với các tình tiết có trong hồ sơ, mà còn phải xuất từ niềm tin nội tâm và đạo đức nghề nghiệp, nhất là khi bị cáo C quay trở lại tiếp tục nhờ Luật sư bào chữa. Câu hỏi đặt ra là Luật sư có nên tiếp tục nhận bào chữa cho C không?

Thứ hai, nếu dự kiến quan điểm bào chữa theo hướng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ngoài những quy định rõ trong BLHS, Luật sư cũng cần chú ý đến một số trường hợp đã có hướng dẫn cụ thể khi áp dụng pháp luật và đường lối xử lý nêu trong Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Thông tư liên tịch số 08/2015 ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát tối cao, Tòa án tối cao, Bộ Tư pháp sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 17/2007, Công văn 89 ngày 30/6/2020 Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử, trong đó có một số nội dung hướng dẫn về nhóm tội ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (tại phần I - Hình sự - các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) để bào chữa chuyển tội danh cho chính xác.

Nếu bào chữa theo hướng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho khách hàng, Luật sư đề xuất áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS thì cần lưu ý đến hướng dẫn của Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ. Nếu khách hàng, tại giai đoạn điều tra hoặc tại phiên tòa sơ thẩm quanh co, chối tội hoặc khai báo không đúng sự thật, nhưng sau khi có kết luận điều

tra hoặc sau khi xét xử sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm đã khai báo lại một cách đầy đủ và đúng sự thật diễn biến việc phạm tội, thì vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo”.

Kỹ năng của Luật sư trong các vụ án ma túy đòi hỏi Luật sư không chỉ nắm vững các quy định của pháp luật mà còn phải có tác phong tử mỉ, thận trọng khi xem xét, đánh giá các chứng cứ. Trong một số trường hợp tham gia bào chữa các vụ án được Tòa án xét xử lưu động, Luật sư cần nhận thức tính chất nghiêm trọng của vụ án, dư luận bức xúc của quần chúng nhân dân và mức độ nghiêm khắc của hình phạt để cân nhắc liều lượng câu chữ, lập luận khi bào chữa cho có tính thuyết phục. Cách thức chuẩn bị và cơ cấu của bài bào chữa cũng có thể thiết lập theo kinh nghiệm bào chữa trong các vụ án hình sự khác như các vụ án về xâm phạm sở hữu, án tham nhũng...

KỸ NĂNG THAM GIA PHIÊN TÒA SƠ THẨM

4. Kỹ năng theo dõi và đề xuất tại phiên tòa

Thủ tục bắt đầu phiên tòa là hoạt động đầu tiên của phiên tòa. Đây là một thủ tục có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình xét xử một vụ án hình sự. Nó sẽ gây tác động tâm lý rất quan trọng đối với những người tham gia phiên tòa trong suốt quá trình xét xử. Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa xét xử các vụ án ma túy, Luật sư cần chú ý những vấn đề sau:

- Về theo dõi danh sách những người được triệu tập tại phiên tòa: Trong vụ án ma túy, việc vắng mặt người làm chứng thường xuyên xảy ra. Luật sư nên cân nhắc có đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập, dẫn giải người làm chứng đến phiên tòa hay không, đặc biệt là những vụ án bắt quả tang mà phía người mua là con nghiện hoặc người làm chứng chứng kiến việc bắt quả tang. Luật sư chỉ nên đề nghị hoãn phiên tòa khi lời khai của người làm chứng chưa rõ, có mâu thuẫn.

- Về việc bổ sung chứng cứ, tài liệu: Luật sư cũng có thể đề nghị HĐXX cho Luật sư hoặc gia đình bị cáo cung cấp thêm những chứng cứ, tài liệu mà Luật sư cũng như gia đình bị cáo có được trước khi phiên tòa diễn ra mà chưa có trong hồ sơ vụ án. Trong thực tế án ma túy, việc Luật sư cung cấp thêm chứng cứ không nhiều chủ yếu là các tài liệu liên quan đến gia đình bố mẹ bị cáo như huân, huy chương...

- Về việc đề xuất tháo còng tay cho khách hàng, trong những vụ án ma túy đặc biệt là những vụ án lớn thì đề xuất của Luật sư thường không được chấp nhận do yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự phiên tòa.

5. Kỹ năng hỏi tại phiên tòa

Luật sư qua xét hỏi sẽ khai thác và làm rõ những vấn đề có lợi cho khách hàng tùy theo định hướng bào chữa.

Trong quá trình người tham gia tố tụng xét hỏi, Luật sư phải chú ý lắng nghe và phát hiện vấn đề đã làm rõ, vấn đề mà Luật sư sẽ hỏi để tránh lặp lại câu hỏi, vấn đề hỏi, đồng thời phát hiện tình tiết mới phát sinh để điều chỉnh kế hoạch xét hỏi đã dự kiến và chuẩn bị các câu hỏi mới đối với những người tham gia tố tụng.

Trong các vụ án ma túy, tại phiên tòa việc các bị cáo thay đổi lời khai, chối tội, cho rằng mình bị bức cung trong giai đoạn điều tra cũng như tình trạng bị cáo trả lời “không nhớ, đã quên” thường rất hay gặp. Trong các tình huống như vậy, Luật sư phải dự liệu trước cũng như ghi lại những tình tiết của vụ án đã thay đổi theo lời khai của bị cáo (cả điểm có lợi và bất lợi). Nếu bị cáo thay đổi lời khai, theo quy định của BLTTHS, HĐXX

sẽ phải hỏi tại sao họ lại thay đổi lời khai, Luật sư chú ý đến lý do bị cáo nêu ra, đồng thời cần so sánh, đối chiếu với các tình tiết mà mình đã nắm bắt khi nghiên cứu hồ sơ để tìm những điểm không logic, không phù hợp để đấu tranh nếu bị cáo không phải là khách hàng. Nếu khách hàng thay đổi lời khai, Luật sư xem xét việc thay đổi lời khai đó liên quan đến sự việc, hành vi và bị cáo nào để có thể hỏi làm rõ lời khai của khách hàng.

Ví dụ 9:

CQĐT thành phố H bắt quả tang Nguyễn Thị Liên đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, thu được 4 hộp giấy đựng chất dạng tinh thể màu trắng, theo kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an là chất Methamphetamine có tổng trọng lượng là 1968,1 gam. Qua quá trình điều tra, CQĐT đã bắt Nguyễn Thị Lan (mẹ chồng Liên) cùng đến thành phố H với Liên và Khởi, Noy (người Lào) đã tham gia vào việc vận chuyển ma túy trên. Tại phiên tòa, bị cáo Lan kêu oan, thay đổi lời khai, cho rằng tất cả là do bị cáo Liên sắp đặt. Việc đi vào thành phố H là bị cáo Liên “mời mẹ đi du lịch cho vui, mẹ đang có nhiều chuyện buồn, sẵn đi con đưa thêm cháu Phú để mẹ vui và đi chùa chơi luôn” nên bị cáo mới đi. Đối với những số điện thoại sim rác, cũng như số điện thoại ghi nhận các cuộc gọi đi và gọi đến từ số máy của bị cáo với bà Thanh (chị gái bà Lan), bị cáo Lan khai rằng, đó là do bị cáo Liên mua và mượn điện thoại của bị cáo để sử dụng. Tất cả những lời khai của bị cáo Lan hoàn toàn trái ngược lời khai của bị cáo Liên. Đối với bị cáo Noy và người đàn ông tên Khởi, bị cáo không hề biết, chưa một lần tiếp xúc. Về vấn đề này, Luật sư của bà Lan đã hỏi Noy và Noy đã một mực khẳng định không hề gặp, tiếp xúc với bà Lan. Người mà Noy gặp và tiếp xúc từ khi Noy xuống xe taxi và sau đó lên đến phòng 301 là Liên. Khi Luật sư của bà Lan đặt câu hỏi với Liên thì Liên bắt đầu tỏ ra lúng túng, đặc biệt phần lớn các câu trả lời của bị cáo là “không nhớ, không biết”. Đối với các số điện thoại khuyến mãi, Luật sư của bà Lan đã đề nghị công bố tài liệu điều tra thu thập được trong đó ghi nhận những cuộc gọi đi từ số máy khuyến mãi này đã được Liên sử dụng từ khi còn ở thành phố H để gọi cho Thanh, thì Liên trả lời, bị cáo không nhớ là sim nào và gọi cho ai.

Căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Luật sư có thể đưa ra các yêu cầu cần thiết như đề nghị HĐXX công bố các tài liệu điều tra như việc thu giữ vật chứng, biên bản niêm phong để làm rõ các chứng cứ có lợi cho khách hàng. *Ví dụ:* Biên bản thu giữ vật chứng mô tả “thu một gói nhỏ màu trắng, bên ngoài bọc nilon, trong là giấy trắng”, tuy nhiên, lời khai của bị cáo, người làm chứng thì vật chứng là gói nhỏ màu trắng, bên ngoài bọc nilon, trong là giấy oly kẻ học sinh. Trong trường hợp này, Luật sư cần đề nghị HĐXX công bố biên bản thu giữ vật chứng đồng thời Luật sư cần đưa ra nhận xét vật chứng thu giữ theo biên bản và vật mà bị cáo bán không phải là một.

6. Kỹ năng tranh luận tại phiên tòa

Có thể nói tranh luận tại phiên tòa là giai đoạn mà HĐXX được nghe một cách toàn diện nhất, tập trung nhất ý kiến của đại diện VKS, Luật sư và những người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án. Đối với Luật sư, giai đoạn tranh luận chiếm vị trí quan trọng nhất trong các giai đoạn tố tụng, vì Luật sư được thể hiện tất cả mọi quan điểm bảo vệ cho khách hàng của mình, là giai đoạn quyết định việc Luật sư có bào chữa hay bảo vệ cho khách hàng thành công hay không. Trong thủ tục tranh luận, đối đáp, Luật sư sử dụng các

kỹ năng chung giống như trong quá trình tham gia giải quyết các vụ án hình sự, tuy nhiên có một số điểm lưu ý:

- Khi tranh luận về tội danh, Luật sư cần bám sát quy định của BLHS và hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, Thông tư liên tịch số 08/2015 ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát tối cao, Tòa án tối cao, Bộ Tư pháp sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 17/2007, Công văn 89 ngày 30/6/2020 Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử, trong đó có một số nội dung hướng dẫn về nhóm tội ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (tại phần I - Hình sự - các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) để đưa ra căn cứ, lập luận cho luận điểm của mình.

- Lập luận liên quan đến đánh giá chứng cứ đối với trường hợp khách hàng kêu oan, khách hàng không bị bắt quả tang. Chứng cứ buộc tội chỉ dựa vào lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, Luật sư cần phân tích chỉ rõ sự mâu thuẫn trong các lời khai đó cũng như phân tích việc buộc tội chỉ dựa vào lời khai sẽ là sự kết tội phiến diện đặc biệt là dựa vào lời khai để xác nhận trọng lượng ma túy để định khung.

Ví dụ 10:

Nguyễn Văn Hùng bị truy tố về hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 4 Điều 251 BLHS với trọng lượng ma túy đã bán là 1000 gram. Tuy nhiên, trong vụ án, ma túy không thu giữ được mà dựa vào lời khai của bị cáo và những bị cáo khác trong vụ án để xác định (các bị cáo khai là 3 bánh hêrôin). Nếu Cơ quan tiến hành tố tụng xác định 3 bánh hêrôin tương đương 1000 gam thì không hợp lý vì hêrôin bị cấm buôn bán và căn cứ 1 bánh là 333 gam theo thị trường “đen” thì vô hình chung Cơ quan tiến hành tố tụng đang công nhận sự tồn tại của thị trường buôn bán ma túy.

- Tranh luận về tình tiết định khung như phạm tội nhiều lần; có tính chất chuyên nghiệp... Luật sư nắm chắc quy định của văn bản hướng dẫn các tình tiết định khung này và viện dẫn các chứng cứ trong vụ án để đề xuất không áp dụng.

7. Kỹ năng nghe và ghi chép khi toà tuyên án

Trong thủ tục tuyên án, Luật sư lắng nghe để hiểu nội dung bản án để xác định khách hàng của mình bị Tòa án tuyên về tội gì, khung khoản áp dụng, mức hình phạt. Luật sư có thể ghi lại những điểm cần thiết trong đó chú ý đến việc Tòa án có áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp tư pháp tịch thu, sung công quỹ đối với số tiền và tài sản do phạm tội mà có không. Nếu khách hàng bị tuyên mức án như chung thân hoặc hình phạt tử hình, Luật sư cân động viên, chia sẻ với khách hàng và gia đình. Luật sư nên trao đổi qua với gia đình về việc cần làm tiếp theo cũng như nguyện vọng của gia đình.

C. MỘT SỐ KINH NGHIỆM KHI THAM GIA BẢO CHỮA VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG VỀ MA TUÝ TẠI VIỆT NAM

1 Một số lưu ý

Từ thực tiễn tham gia các vụ án ma túy, có thể nhận thấy, nếu như trước đây, các vụ án ma túy nổi tiếng như vụ ma túy Xiêng Phênh - Vũ Xuân Trường, Trịnh Nguyên Thủy ... được coi là lớn, với lượng ma túy (thường là thuốc phiện, heroin) lên đến hàng trăm kg thì thời gian gần đây, số lượng ma túy trong các vụ án ma túy lớn lên đến nhiều tấn, hàng ngàn bánh heroin; chủng loại ma túy cũng đa dạng hơn, không chỉ có thuốc phiện, heroin mà còn có thuốc lắc, ma túy tổng hợp, chất gây nghiện chiếm số lượng không nhỏ; số lượng bị cáo trong một vụ án có thể lên đến hàng trăm người.

Ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xét xử vụ án Nguyễn Bích Ngọc cùng đồng bọn bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo còn phạm tội “Môi giới hối lộ”, “Đưa hối lộ”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Giả mạo trong công tác”, “Không tố giác tội phạm”, “Kinh doanh trái phép” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Đây là vụ án lớn và phức tạp gồm: 04 đường dây mua bán trái phép chất ma túy xuyên quốc gia với số lượng đặc biệt lớn (1.786,8 kg heroine; 30,9 kg ma túy tổng hợp; 34 kg ma túy dạng tinh thể đá), với thủ đoạn tinh vi, tính chất, hành vi phạm tội đặc biệt nguy hiểm, sử dụng vũ khí quân dụng, sẵn sàng chống trả khi bị phát hiện. Có sự kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong nước với người nước ngoài (theo đường dây vận chuyển ma túy từ Lào qua Việt Nam sang Trung Quốc). TAND tỉnh Quảng Ninh đã tuyên phạt 30 bị cáo mức án tử hình, 13 bị cáo chung thân, 42 bị cáo nhận mức hình phạt từ 4 năm đến 20 năm tù (1 bị cáo nhận tổng hợp hình phạt 30 năm tù); 3 bị cáo nhận mức án từ 6 đến 12 tháng án treo; cảnh cáo 1 bị cáo.

Các vụ án ma túy nghiêm trọng thường được diễn ra trong thời gian dài và được thực hiện xuyên quốc gia. Đã có nhiều căn cứ xác định, Việt Nam chỉ là một quốc gia trung gian để các đường dây ma túy lớn lợi dụng chuyên ma túy tới các quốc gia khác. Trong các vụ án này, bên cạnh các đối tượng là người Việt Nam mà còn có các đối tượng là người nước ngoài.

Đối tượng liên quan thường là những kẻ liều lĩnh, manh động. Vì đã xác định mua bán ma túy với số lượng lớn, khi bị bắt, sẽ phải đối diện với mức án cao nhất, nên khi thực hiện hành vi vận chuyển, mua bán ma túy, đối tượng liên quan thường mang theo vũ khí nóng, sẵn sàng liều lĩnh chống trả khi bị lực lượng chức năng phát hiện. Ví dụ: Trong Chuyên án 092Av: Ngày 28-6-2018, tại khu vực thủy điện Nậm Cắn, thuộc xã Sơn Tây, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm (PCMT&TP) miền Bắc, Cục PCMT&TP BDBP phối hợp với BDBP Nghệ An phá thành công Chuyên án 092Av, bắt giữ đối tượng Vừ Bá Xênh, trú tại bản Huổi Giảng 2, xã Sơn Tây, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Tang vật thu giữ gồm: 20 bánh heroin, 7kg và 12.000 viên ma túy tổng hợp, 1 súng K54, 15 viên đạn cùng một số tang vật liên quan khác. Để giải cứu Xênh, đồng bọn của y đã điên cuồng nổ súng về phía lực lượng đánh án, khiến 2 trinh sát bị thương.

Trong những năm gần đây, các vụ án hình sự về ma túy có xu hướng ngày càng nhiều, tính chất phức tạp, quy mô ngày càng gia tăng. Đối tượng phạm tội trong vụ án ma túy lớn thường rất đa dạng, đủ các lứa tuổi, giới tính, không chỉ là các thành phần xã hội, mà trong nhiều trường hợp, còn có cả những cán bộ, chiến sĩ từng công tác trong lĩnh vực

phòng chống ma túy, bị tha hóa, biến chất, tiếp tay cho tội phạm, thậm chí còn trực tiếp tổ chức đường dây mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Ví dụ: Vụ án ma túy xảy ra vào đầu những năm 2000 tại Tp. Hà Nội, đó là vụ án ma túy xảy ra trên địa bàn quận Thanh Nhân, kéo dài nhiều năm, một ổ mua bán, tổ chức sử dụng chất ma túy tồn tại giữa lòng Thủ đô trong nhiều năm. Để một đường dây, tụ điểm ma túy lớn như vậy có thể tồn tại, hoạt động được trong thời gian dài, ngay giữa trung tâm dân cư đông đúc, là do có sự tiếp tay, bao che của những người có trách nhiệm trong chính quyền, lực lượng chức năng phòng chống ma túy. Để làm tha hóa, biến những cán bộ công tác trong chính quyền, lực lượng chức năng thành công cụ, bao che cho hoạt động phạm tội, những đối tượng cầm đầu các đường dây mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng chất ma túy đã dùng nhiều thủ đoạn, trong đó, một hành vi thường gặp nhất là mua chuộc bằng tiền, ăn chia lợi nhuận từ hoạt động phạm tội.

Do đó, có thể nhận thấy trong các vụ án ma túy đặc biệt nghiêm trọng, các đối tượng phạm tội rất đa dạng, phong phú và ở các tầng lớp xã hội cũng như có quốc tịch khác nhau. Các đối tượng bị truy tố không chỉ các tội danh liên quan đến nhóm tội phạm ma túy mà còn có các tội danh khác như Lợi dụng chức vụ quyền hạn khi thi hành công vụ, đưa, nhận hối lộ hay Chống người thi hành công vụ, Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng ...

2. Chia sẻ của Luật sư khi tham gia bào chữa trong các vụ án đặc biệt nghiêm trọng về ma túy

** Kinh nghiệm làm việc với khách hàng*

Trong các vụ án ma túy lớn, khi Luật sư nhận bào chữa cho các đối tượng bị buộc tội là những người đã từng làm việc trong các Cơ quan chức năng, do tha hóa, biến chất mà phạm tội, bao che hay trực tiếp thực hiện các hành vi liên quan đến mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cần biết rằng, những đối tượng này, đặc biệt nếu họ là những người chủ mưu, đầu vụ thì đa phần, họ đều là những người rất lọc lõi trong cuộc sống, có nhiều quan hệ xã hội. Khi tiếp xúc, trao đổi với những đối tượng như vậy, Luật sư cần thận trọng trong tiếp xúc, trao đổi về nguyên tắc đừng chỉ nghe thân chủ bằng tai mà cần có sự suy xét, đánh giá để rút ra bản chất sự thật của vụ án.

Luật sư không chỉ cần phải hiểu biết các quy định pháp luật Hình sự, kiến thức về ma túy, mà còn cần trang bị nhiều kiến thức khác để có thể giải quyết tốt các vụ án phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực, Ví dụ như kiến thức về vũ khí quân dụng, trình độ ngoại ngữ, sự từng trải, bản lĩnh trong cuộc sống khi tiếp xúc với các đối tượng phạm tội ...

** Kinh nghiệm nghiên cứu hồ sơ vụ án*

Trong các vụ án ma túy lớn, đối với những đối tượng phạm tội với vai trò chủ mưu, đầu vụ thường xác định sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất, nên khi khai báo thường có tình trạng khai báo chưa thành khẩn, lời khai trước, sau bất nhất, thay đổi lời khai, đổ tội cho người khác ... nên khi tham gia vụ việc, Luật sư nghiên cứu hồ sơ, Luật sư không nên tin ngay vào những gì thân chủ trình bày, lời khai trên hồ sơ của các đối tượng mà cần cẩn thận trọng nghiên cứu kỹ từng lời khai, đối chiếu, so sánh với chính lời khai của họ ở những thời điểm khác nhau, so sánh, đối chiếu với lời khai của những đối tượng liên quan khác, các chứng cứ, vật chứng khách quan khác để hiểu đúng bản chất sự việc.

Trong tất cả các vụ án ma túy, dù lớn, dù nhỏ, đều phải thực hiện công tác giám định, đây là yêu cầu bắt buộc đối với vụ án ma túy. Kết luận giám định là căn cứ định tội,

định khung đối với hành vi phạm tội. Nội dung giám định thường sẽ làm rõ 3 nội dung: loại ma túy; khối lượng ma túy; hàm lượng ma túy. Trong ba nội dung này, Luật sư cần lưu ý vấn đề hàm lượng ma túy, vì hiện nay, ma túy rất đa dạng về chủng loại, đặc biệt là sự xuất hiện của nhiều loại ma túy tổng hợp, chất gây nghiện. Trong thực tế, đã có trường hợp khi bắt quả tang đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, CQĐT đã khởi tố điều tra, quá trình điều tra, CQĐT đã trưng cầu giám định về loại ma túy và trọng lượng. Căn cứ vào kết quả giám định, đủ căn cứ xử lý hình sự đối với đối tượng. Tuy nhiên, khi ra Tòa, nhận thấy có căn cứ xác định ma túy thu giữ là chất gây nghiện, thành phần còn bao gồm nhiều chất khác. Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, giám định hàm lượng ma túy. Kết quả giám định hàm lượng đã xác định, lượng chất được xác định là ma túy trong tổng số chất gây nghiện thu giữ chưa đủ mức để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vụ án đã được đình chỉ, đối tượng được chuyển sang xử lý hành chính.

Một đặc thù của án ma túy là có tính chất truy xét, từ việc bắt quả tang các đối tượng có hành vi vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, qua công tác nghiệp vụ, đấu tranh, từ lời khai của các đối tượng, cơ quan điều tra mở rộng điều tra phát hiện, xử lý các đối tượng khác có liên quan đến vụ án. Điều này giúp điều tra, phá được nhiều vụ án lớn, tuy nhiên, cũng là nguyên nhân dẫn đến một số vụ án oan sai, nếu Cơ quan tiến hành tố tụng, không xem xét, đánh giá các lời khai, chứng cứ một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Ví dụ: Vụ án oan Nguyễn Minh Hùng, 2 lần bị tuyên án tử hình vì hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, xảy ra tại tỉnh Tây Ninh, sau đã được minh oan là một điển hình, diễn biến vụ án như sau: Tháng 6/2003, Nguyễn Minh Hùng (SN 1978, ấp Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh) bị Công an tỉnh Tây Ninh khởi tố bắt tạm giam về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, chỉ dựa vào lời khai của bị cáo đầu vụ Nguyễn Thị Anh Thư và chiếc áo màu đỏ chưa xác minh rõ chủ nhân. Ngày 18/6/2004, án sơ thẩm lần thứ nhất của TAND tỉnh Tây Ninh tuyên Hùng tử hình. Tháng 7/2004, tòa phúc thẩm TAND tối cao đã tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại do Hùng kháng cáo kêu oan đối với tội vận chuyển trái phép chất ma túy. Đến năm 2006, án sơ thẩm lần hai của TAND tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên án tử hình, nhưng tòa phúc thẩm TAND tối cao lại tiếp tục hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Do sau hơn 14 tháng điều tra lại vẫn không bổ sung được chứng cứ, ngày 11/6/2008 Công an tỉnh Tây Ninh đình chỉ điều tra. Và ngày 13/6/2008 Viện KSND tỉnh đã ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với Nguyễn Minh Hùng. Sau hơn 5 năm ở tù với hai lần bị tuyên án tử hình, Nguyễn Minh Hùng được trả tự do. Nguyễn Minh Hùng được Công an Tây Ninh xin lỗi công khai vào ngày 19/11/2008 và bồi thường số tiền 130 triệu đồng.

** Kinh nghiệm tham gia xét xử*

Với tính chất phức tạp của án ma túy, số lượng bị cáo đông, công tác đảm bảo an ninh trong vụ án luôn được đặt lên hàng đầu. Luật sư khi tham gia các vụ án này, để vào tham dự phiên tòa, cũng phải qua quá trình kiểm tra an ninh nghiêm ngặt, một số thiết bị điện tử như điện thoại di động, ghi âm, máy ảnh, máy tính xách tay có thể phải gửi, không được phép mang vào phiên tòa. Thậm chí có vụ án, việc xét xử không được tiến hành tại trụ sở Tòa án, mà để tránh phải di chuyển một số lượng lớn bị cáo, Phiên tòa được xét xử lưu động ngay tại Trại tạm giam.

Ví dụ: Sáng 19/12/2016, tại Trại tạm giam tỉnh Quảng Ninh, Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử giai đoạn 2 của chuyên án ma túy xuyên quốc

gia do Hoàng Văn Tiến (SN 1986, thường trú tại thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La) và Trần Thu Hằng (SN 1978, thường trú tại phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) cầm đầu. Tham dự phiên tòa còn có 6 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, 16 luật sư tham gia bào chữa cho các bị cáo. Do tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, xét xử cùng lúc nhiều đối tượng nên để đảm bảo an ninh, Hội đồng xét xử đã quyết định xét xử ngay trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh. Theo cáo trạng số 189/KSĐT, ngày 18/11/2013 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, trong khoảng thời gian từ năm 2003 và 2009 đến năm 2013, tại các địa bàn Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang và Lạng Sơn, Hoàng Văn Tiến cùng các đồng phạm trong đường dây ma túy này đã có hành vi mua bán tổng cộng 5.346 bánh heroin; 35.200 viên ma túy tổng hợp và 1.100 gam ma túy tổng hợp dạng đá.

Khi tham gia bào chữa, bảo vệ trong các vụ án ma túy lớn, Luật sư cần đánh giá được quy mô, tính phức tạp của vụ án để có kế hoạch, bố trí thời gian, nhân lực khi tham gia. Do đặc thù phức tạp của án ma túy lớn, nhiều bị can, nhiều tội danh khác nhau, đối tượng phạm tội thường ngoan cố, khai báo quanh co, phản cung ... nên quá trình điều tra, truy tố, xét xử thường bị kéo dài, nhiều trường hợp phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Thậm chí, có nhiều vụ án, trong quá trình điều tra, bị can đã nhận tội, CQĐT đã ra bản kết luận điều tra, VKS đã ra cáo trạng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo lại phản cung, kêu oan, cho rằng trong quá trình điều tra, bị ĐTV ép cung, mớm cung, dùng nhục hình nên mới nhận tội, nay tại phiên tòa, xin được khai lại ... Trong các tình huống như vậy, Hội đồng xét xử thường ra quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để đảm bảo tính khách quan, công bằng, làm rõ các tình tiết của vụ án.

Ví dụ: Ngày 04/08/2015, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tráng A Tàng (còn gọi là Tàng Keangnam) và 11 đồng phạm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đây là vụ án mua bán trái phép chất ma túy đặc biệt nghiêm trọng do Tàng chủ mưu, cầm đầu, các bị can chủ yếu là người thân trong gia đình (bố đẻ, vợ, anh ruột, anh vợ, em nuôi) đã tổ chức hình thành đường dây mua bán trái phép chất ma túy từ Lào qua Sơn La về Bắc Ninh tiêu thụ, hoạt động phạm tội trong một thời gian dài, mua bán chót lọt với số lượng ma túy rất lớn. Qua 2 ngày xét xử, Hội đồng xét xử đã tiến hành thẩm vấn các bị cáo liên quan trong vụ án. Trước Tòa, bị cáo Tàng một mực khai nhận thực hiện hành vi mua bán chất ma túy một mình, không liên quan đến bố, vợ và anh em trong nhà. Nhiều bị cáo khác đều phản cung, không nhận tội, và cho rằng không biết việc Tàng mua bán trái phép chất ma túy. Kết thúc phần xét hỏi tại Tòa, nhận thấy một số nội dung vụ án chưa được làm rõ, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ nhằm đảm bảo kết án đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm.

** Kinh nghiệm về bảo mật thông tin khi tham gia các vụ án ma túy.*

Các vụ án ma túy lớn thường có sự liên quan đến các đường dây ma túy. Một vụ án bị phát hiện, xử lý thường chỉ là một phần trong hệ thống đường dây chân rết cung cấp, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Án ma túy cũng có đặc thù là án truy xét, từ việc bắt một đối tượng mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, qua công tác nghiệp vụ, đấu tranh ... Cơ quan điều tra có thể phát hiện tiếp những đối tượng khác liên quan đến đường dây ma túy...

Xuất phát từ đặc điểm này, khi điều tra vụ án ma túy, vấn đề bảo mật thông tin là rất quan trọng. Luật sư, với địa vị pháp lý là người bào chữa được quyền tham dự các hoạt động điều tra, các buổi hỏi cung bị can. Khi có mặt trong các hoạt động này, Luật sư sẽ

biết được những thông tin liên quan trong vụ án.

Trên thực tế, đối tượng phạm tội ma túy liên quan đến các đường dây ma túy lớn, không thiếu tiền, họ sẵn sàng thông qua người nhà thân chủ, mời luật sư, danh nghĩa là để bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị can, nhưng bên trong, họ có thể lợi dụng Luật sư để thu thập những thông tin mà Luật sư được biết trong quá trình tham gia tố tụng.

Do đó, khi nhận bào chữa, bảo vệ trong các vụ án ma túy lớn, đặc biệt là các vụ án có tính chất đồng phạm, các đường dây ma túy ... Luật sư cần thận trọng, không tiết lộ các thông tin mà mình biết được trong quá trình tham gia hoạt động tố tụng.

** Vấn đề sử dụng ma túy để hãm hại, trả thù trong các vụ án ma túy.*

Ma túy là một lĩnh vực rất nhạy cảm, bị xã hội lên án, hành vi phạm tội lại rất đa dạng, quá trình điều tra có tính chất truy xét, việc khởi tố, bắt tạm giam các nghi can nhiều trường hợp chỉ căn cứ vào lời khai của đối tượng khác ... nên có nhiều trường hợp, có hiện tượng sử dụng ma túy để hãm hại, trả thù người khác. Việc này thường xảy ra trong các vụ án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ví dụ: Vụ án Vũ Phan Điền xảy ra tại tỉnh Ninh Bình, bị cơ quan điều tra, truy tố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vụ án bắt người và khám xét khẩn cấp về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tương rất đơn giản nhưng đã trải qua 8 phiên tòa (2 phiên tòa Phúc thẩm tuyên Điền vô tội), hai lần kháng nghị giám đốc thẩm nhưng vẫn chưa có hồi kết.

Hồ sơ thể hiện sáng 6/12/2012, Vũ Phan Điền đi xe máy đến đền Nước, thị xã Tam Điệp (Ninh Bình). Trong lúc dừng xe chờ tàu đi qua thì gặp tổ công tác Công an thị xã Tam Điệp đang đi tuần tra. Nghi vấn Điền liên quan đến ma túy nên đã kiểm tra giấy tờ tùy thân và đưa Điền cùng xe máy về Công an phường Trung Sơn để làm việc. Qua kiểm tra, cơ quan chức năng phát hiện bên trong mặt nạ xe máy của Điền có một túi nilông chứa tám gói giấy bạc nhỏ màu vàng, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng. Điền khai heroin mua của một người đàn ông không quen biết về sử dụng. Cơ quan công an thu giữ toàn bộ tang vật và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Kết quả giám định cho thấy các gói giấy bạc thu giữ được đều là chế phẩm heroin. Tháng 3-2013, TAND thị xã Tam Điệp tuyên phạt Vũ Phan Điền 33 tháng tù. Anh Điền kháng cáo kêu oan. Xử phúc thẩm, TAND tỉnh Ninh Bình đã quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì cho rằng cơ quan điều tra vi phạm về tố tụng. Xét xử sơ thẩm lần 2, TAND thị xã Tam Điệp tiếp tục tuyên phạt Vũ Phan Điền 33 tháng tù. Xử phúc thẩm lần 2, TAND tỉnh Ninh Bình nhận định việc bắt, khám xét người phạm tội quả tang với Vũ Phan Điền là không đúng; trình tự, thủ tục thu giữ vật chứng của Điền là vi phạm tố tụng, biên bản quả tang đã bị sửa chữa một số cụm từ có tính chất xác định sự thật của vụ án... Từ đó tòa tuyên Điền không phạm tội, đình chỉ vụ án và trả tự do cho bị cáo tại tòa. Ngay sau đó, TAND tối cao đã có quyết định giám đốc thẩm hủy hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm lần 2 đối với anh Điền để điều tra lại theo thủ tục chung. Xét xử sơ thẩm lần 3, TAND thị xã Tam Điệp tuyên phạt Điền 24 tháng tù. Bản án phúc thẩm sau đó tiếp tục tuyên Điền không phạm tội, đình chỉ vụ án và trả tự do ngay tại tòa. Sau khi bản án phúc thẩm lần 3 bị kháng nghị, chánh án TAND tỉnh Ninh Bình có công văn gửi Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội đề nghị xét xử giám đốc thẩm, giữ nguyên bản án phúc thẩm tuyên vô tội đối với Điền. Chánh án TAND tỉnh Ninh Bình khẳng định quá trình điều tra lại vẫn còn rất nhiều mâu thuẫn chưa làm rõ, biên bản quả tang không thuyết phục. Việc thu giữ vật chứng không đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tranh tụng tại tòa cũng không đủ

căn cứ khẳng định heroin có phải là của Điền hay không... Việc vi phạm tố tụng trong khâu điều tra là không thể khắc phục được. TAND tỉnh Ninh Bình cho biết trước khi tuyên bản án phúc thẩm lần 3, lãnh đạo tòa đã tổ chức họp Ủy ban thẩm phán và xin ý kiến của chánh án TAND tối cao rồi sau đó mới tuyên Vũ Phan Điền vô tội. Không chấp nhận kiến nghị trên của TAND tỉnh Ninh Bình, mới đây TAND cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện KSND cấp cao tại Hà Nội, tuyên hủy án phúc thẩm lần 3 đối với Vũ Phan Điền để xét xử lại theo hướng có tội. Lãnh đạo TAND tỉnh Ninh Bình cho biết sau khi nhận được quyết định giám đốc thẩm, TAND tỉnh Ninh Bình tiếp tục gửi công văn đến TAND tối cao báo cáo vụ việc và xin ý kiến chỉ đạo.

Ví dụ: Vụ án nguyên Thượng úy Công an Nguyễn Thị Vững (SN 1978, trú tại quận Tây Hồ, Hà Nội) giúp "gài bẫy" ma túy vào xe ô tô. Trong vụ án này, TAND quận Nam Từ Liêm đã tuyên án 7 năm tù với bị cáo Nguyễn Thị Vững, trong đó có 6 năm tù cho tội danh "tàng trữ trái phép chất ma túy" và 1 năm tù cho tội danh "Vu khống".

Theo cáo trạng, bị cáo Nguyễn Thị Vững nguyên là Thượng úy Công an, từng công tác tại Cục Cảnh sát phòng, chống buôn lậu, Bộ Công an đã có hành vi nhận tiền để bỏ ma túy vào xe anh Nguyễn Văn Thiện (SN 1976) nhằm mục đích để anh Thiện vào phải tù theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị Vân (SN 1982, người tình của anh Thiện). Trong quá trình chung sống giữa Vân và anh Thiện nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, cộng thêm ghen tuông nên Vân tìm cách mưu hại anh Thiện. Để làm được điều này, Vân tìm gặp Vững và hỏi, nếu mua ma túy bỏ vào ô tô, rồi mật báo công an bắt có được không và Vững đã đồng ý. Vân chấp thuận nếu Vững hợp tác đưa anh Thiện vào tù thì sẽ trả công cho Vững 1 tỷ đồng. Sau đó, Vân chủ động chuyển trước 200 triệu đồng làm tiền đặt cọc.

Ngày 28/10/2016, Vững cho người mang 7gram heroin đến cho Vân và nói: "Chỉ cần 2gram bị bắt được là chết rồi". Vân nghe theo và lén bỏ ma túy vào xe ô tô của anh Thiện. Tối cùng ngày, anh Thiện lái xe cùng Vân đi gặp khách hàng thì bị lực lượng cảnh sát cơ động Công an TP Hà Nội dừng xe kiểm tra, phát hiện có ma túy. Dù có ma túy trong xe nhưng lực lượng chức năng không chứng minh được anh Thiện phạm tội. Trong lúc anh Thiện bị tạm giữ, Vững yêu cầu Vân trả 1 tỷ đồng như đã thỏa thuận. Do không có đủ tiền nên ngày 31/10/2016, Vân lấy "sổ đỏ" căn hộ trong khu đô thị Nam Thăng Long và 200 triệu đồng đưa cho Vững.

Sau một tuần bị tạm giữ, anh Thiện được thả vì Cơ quan điều tra không đủ căn cứ chứng minh người này tàng trữ ma túy. Nghi ngờ bị người tình hãm hại, anh Thiện đã thu thập, cung cấp bằng chứng để cơ quan Công an bắt Vân, làm rõ sự thật của vụ án.

Từ thực tiễn các vụ án như vậy, khi tham gia, luật sư cần thận trọng nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, quan điểm của thân chủ để có thể tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG, KINH NGHIỆM TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỀ MA TÚY

Hướng dẫn chung:

- ✚ Phần dữ kiện của tình huống có thể được sử dụng cho hoạt động đóng vai, thực hành các kỹ năng liên quan trong quá trình tập huấn.
- ✚ Nội dung tình huống, kinh nghiệm được sử dụng cho hoạt động thảo luận chung, làm việc nhóm, hỏi đáp trong quá trình tập huấn.

1. Tình huống 1

DỮ KIỆN

Khoảng 22 giờ ngày 27/11/2019, Huỳnh Tấn T gọi điện thoại rủ Nguyễn Tiến D cùng sử dụng ma túy, D đồng ý. Sau đó, T mua 05 viên ma túy và nửa hộp ma túy “Khay” của một người phụ nữ (không xác định được lai lịch) với số tiền 5.500.000 đồng rồi đến chung cư MT thuê phòng 2416 để sử dụng ma túy. Đến khoảng 10 giờ ngày 28/11/2019, D gọi điện thoại hỏi T ở đâu, thì T trả lời cho D biết địa điểm. Lúc này, D đang ngồi nhậu cùng với Nguyễn Vũ H, Đỗ Trần P nên D rủ cả hai cùng đi sử dụng ma túy. Trên đường đi P gọi điện thoại rủ Huỳnh Thị Thùy M đi cùng. Về phần T, sau khi thKhoảng ông báo cho D biết địa điểm, T gọi điện thoại rủ Võ Thị Tuệ N đến sử dụng ma túy. Sau khi T, D, P, H, N và M vào phòng, T lấy ma túy cho cả nhóm cùng sử dụng và nghe nhạc. Đến 01 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ ma túy cùng tang vật khác dùng cho việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 679/GĐTĐP/2019 ngày 03/12/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận: Tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu X gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 1,2650g. Các viên nén màu xanh và chất bột màu xanh trong mẫu ký hiệu Y gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng 1,0764g.

Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2020/HSST ngày 11/5/2020 của TAND thành phố Z, tỉnh K áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS) xử phạt Huỳnh Tấn T 01 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, Huỳnh Tấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bản án hình sự phúc thẩm số 67/2020/HSPT ngày 26/8/2020 của TAND tỉnh K không chấp nhận kháng cáo của Huỳnh Tấn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 21/01/2021, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đ ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/QĐ-VC2, đề nghị Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại xét xử giám đốc thẩm, huỷ Bản án hình sự phúc thẩm số 67/2020/HSPT ngày 26/8/2020 của TAND tỉnh K và Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2020/HSST ngày 11/5/2020 của TAND thành phố Z, tỉnh K để điều tra lại.

Quyết định giám đốc thẩm số 10/2021/HS-GĐT ngày 26/3/2021 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đ đã chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND

cấp cao tại Đ.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, có đủ căn cứ để kết luận: Huỳnh Tấn T đã có các hành vi chuẩn bị, cung cấp ma túy, địa điểm, tìm người sử dụng chất ma túy. Căn cứ vào hướng dẫn tại tiểu mục 6.1 mục 6 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2017 của Liên ngành tư pháp Trung ương hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” BLHS năm 1999, thì những hành vi nêu trên của Huỳnh Tấn T đủ yếu tố cấu thành tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 255 BLH năm 2015. Bản án hình sự phúc thẩm và sơ thẩm xét xử Huỳnh Tấn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là không đúng tội danh, dẫn đến áp dụng hình phạt quá nhẹ.

Đối với 1,2650g Ketamine và 1,0764g MDMA được thu giữ trên bàn trong phòng 2416, đây là số ma túy các đối tượng đang sử dụng nên không xem xét Huỳnh Tấn T về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Tình huống 2

DỰ KIẾN

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/02/2021 tại phòng ngủ trong nhà thuộc quyền sở hữu, quản lý của Trịnh Văn Tú có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Hà Nam, Tú đã có hành vi bỏ mặc để cho Đinh Văn Tuyên (là bạn của Tú) sử dụng trái phép chất ma túy Methamphetamine. Số ma túy này do đối tượng Nguyễn Thị Linh Trang (là bạn gái của Tú, ở cùng nhà với Tú) cung cấp cho Tuyên. Sau khi sử dụng ma túy xong, Tuyên ra phòng khách ngồi chơi cùng Tú thì bị lực lượng Công an xã L, huyện T kiểm tra hành chính và phát hiện, quá trình kiểm tra đối tượng Trang đã bỏ chạy. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Tú, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T phát hiện Tú tàng trữ trái phép 2,217 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng và một số dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm: mảnh giấy bạc có bám dính ma túy loại Methamphetamine, 01 công thủy tinh có bám dính ma túy loại Methamphetamine...

Quá trình điều tra cả Trịnh Văn Tú và Đinh Văn Tuyên đều thừa nhận Tuyên đã nhiều lần sử dụng ma túy tại nhà Tú song không nhớ chính xác cụ thể thời gian, trong đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 01/02/2021, khi Tú và Trang ở nhà của Tú thì Tuyên đến chơi và hỏi “có đồ không, cho xin mấy khối”, Tú hiểu ý Tuyên hỏi xin ma túy để sử dụng nên không nói gì, còn Trang đi lấy gói ma túy đã để ở trong ổ điện trong phòng ngủ, Tú đi lấy giấy bạc, Tuyên lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở gầm ghế trong phòng ngủ, rồi Tú, Tuyên sử dụng được ba, bốn lần thì hết số ma túy trên giấy bạc do Trang xúc ra bằng hình thức hít trực tiếp vào cơ thể. Sau đó, Tú vo giấy bạc vứt xuống nền nhà và cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy xuống gầm ghế. Trang cất số ma túy còn lại, còn Tuyên đi về; bản thân Tú không xác định được nguồn gốc số ma túy Trang mang ra sử dụng là của Trang hay số ma túy do Tú đưa cho Trang cất giấu. Ngoài ra, tài liệu điều tra còn thể hiện cách ngày 04/02/2021 khoảng 3-4 ngày, Tuyên đến nhà Tú chơi sau đó hỏi Tú và Trang “Còn tí nào không xin một tí”, ý Tuyên hỏi xin ma túy để sử dụng thì Tú nói “Hết rồi”. Tuyên liền rủ Tú đến nhà đối tượng Trịnh Xuân Hoàn, sinh năm 1980 ở thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Hà Nam để mua ma túy. Sau đó, Tuyên dùng xe mô tô chở Tú đến nhà Hoàn, Tú ngồi ở sân còn Tuyên một mình đi lên tầng 2 thế chấp giấy tờ xe máy của Tuyên cho Hoàn để mua nợ ma túy. Sau khi mua được ma túy, cả hai quay lại

nhà Tú. Tú lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy và tờ giấy bạc ở dưới gầm giường để lên bàn, Tuyên xúc ma túy trong túi nilon ra giấy bạc rồi cùng Tú sử dụng bằng hình thức hít. Số ma túy còn lại Tuyên đưa cho Trang cất giấu tại nhà Tú. Những ngày sau đó Tuyên đến nhà Tú cùng Tú sử dụng hết số ma túy còn lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 02/7/2021 của TAND huyện T đã áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 38 và Điều 55 BLHS, xử phạt bị cáo Trịnh Văn Tú 33 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 30 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trịnh Văn Tú phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội là 63 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 05/02/2021.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm:

Thông qua quá trình kiểm sát bản án và công tác THQCT, kiểm sát xét xử phúc thẩm đối với vụ án trên, Viện KSND tỉnh đã ban hành thông báo rút kinh nghiệm đối với Viện KSND cấp huyện trong quá trình THQCT, kiểm sát việc giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm một số nội dung sau:

- Thứ nhất: Về việc xác định sai tội danh trong vụ án này, tài liệu thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đủ căn cứ xác định: Trịnh Văn Tú đã nhiều lần cùng Đinh Văn Tuyên sử dụng ma túy trái phép tại nhà riêng của bị cáo; đồng thời Tú là người cung cấp các dụng cụ như giấy bạc, bộ công cụ để Tuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể, lần thứ nhất là vào hồi 23 giờ ngày 01/02/2021; lần thứ hai trước ngày 04/02/2021 khoảng 3, 4 ngày và lần thứ 3 vào ngày 04/02/2021; mỗi lần đó đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 BLHS. Do đó, căn cứ các quy định của BLHS, hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của TAND tối cao thì hành vi của Trịnh Văn Tú phải bị điều tra, truy tố và xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 BLHS

- Thứ hai: Về việc bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Đối với đối tượng Đinh Văn Tuyên: Tài liệu điều tra có đủ cơ sở kết luận, Tuyên có hành vi rủ Trịnh Văn Tú đi mua ma túy về sử dụng, đồng thời cung cấp chất ma túy cho Tú để cùng Tú sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Tú. Hành vi của Tuyên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 BLHS nhưng chưa được cấp sơ thẩm áp dụng các biện pháp tố tụng để điều tra xử lý theo quy định.

Đối với đối tượng Trịnh Văn Hoàn: Cơ quan điều tra không tiến hành khám xét nơi ở của Hoàn để thu thập giấy tờ xe mô tô của Tuyên đã thế chấp cho Hoàn; không rút list điện thoại của Tú và Tuyên để xác định số điện thoại của Hoàn và không áp giải Hoàn để đấu tranh làm rõ hành vi có liên quan của Hoàn trong vụ án là thiếu sót nghiêm trọng không thể khắc phục được. Dẫn đến không có chứng cứ vững chắc chứng minh hành vi phạm tội của Trịnh Văn Hoàn, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

Đối với người phụ nữ tên Trang đã bỏ chạy khi lực lượng Công an kiểm tra: Theo lời khai của Trịnh Văn Tú thì đó là bạn gái của Tú tên Nguyễn Thị Linh Trang, sinh năm 1994, trú tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, ngoài ra Tú từng nhìn thấy Trang sử dụng

thẻ tín dụng mang tên Quách Thị Tuyết của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)... Mặc dù Cơ quan CSĐT có công văn gửi Ngân hàng SHB về tra cứu các thông tin của chủ thẻ tín dụng mang tên Quách Thị Tuyết. Tuy nhiên, khi Ngân hàng SHB chưa có văn bản trả lời, Cơ quan CSĐT cũng không có văn bản đôn đốc Ngân hàng trả lời về thông tin chủ sở hữu thẻ tín dụng trên; không áp dụng hết các biện pháp nghiệp vụ điều tra để làm rõ lai lịch, nhân thân của người phụ nữ có tên Trang để điều tra về sự liên quan của đối tượng này từ đó truy xét xử lý theo quy định pháp luật mà đã kết thúc việc giải quyết vụ án và kết luận chưa đủ căn cứ xử lý và tiếp tục xác minh xem xét làm rõ là chưa điều tra toàn diện, triệt để vụ án.

Như vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử Trịnh Văn Tú về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 256 BLHS là không đúng, vi phạm trong việc áp dụng pháp luật Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của TAND tối cao về việc xác định tội danh, đồng phạm, không đảm bảo tính khách quan và bản chất của vụ án cũng như tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo và các đối tượng liên quan đã thực hiện, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội, vi phạm điểm a, b khoản 1 Điều 358 BLTTHS. Tuy nhiên, Lãnh đạo, Kiểm sát viên được phân công THQCT, kiểm sát giải quyết vụ án chưa sâu sát, chưa nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để phân tích, đánh giá và đề ra các yêu cầu điều tra một cách đầy đủ, chính xác, toàn diện, để xảy ra những vi phạm nêu trên mà không kịp thời phát hiện, dẫn đến vụ án phải hủy để điều tra lại.

Ngày 24/3/2022, TAND huyện T đã xét xử lại vụ án, theo đó tuyên phạt bị cáo Trịnh Văn Tú 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS và 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trịnh Văn Tú phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 năm 06 tháng tù; tuyên phạt bị cáo Đinh Văn Tuyên 07 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 BLHS. Đây là những vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật về xác định tội danh, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội.

3. Tình huống 3

DỰ KIẾN

Khoảng 14 giờ ngày 02/3/2020, Phan Xuân Quỳnh (điều khiển xe mô tô BKS 4L1-27449 mượn của dì ruột là Nguyễn Thị Hoàn đi từ nhà vào thành phố Đông Hà gặp đối tượng có tên là Trâu (chưa rõ lai lịch) mua 05 viên ma túy tổng hợp với giá 300.000 đồng. Mua xong, Quỳnh bỏ số ma túy vào túi quần bên phải phía trước mang ra nhà cất giữ (đựng trong đoạn ống hút nhựa bịt kín 2 đầu). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Hóa đi từ thành phố Đông Hà đến nhà Quỳnh chơi. Sau khi ăn cơm xong, Quỳnh và Hóa điều khiển xe mô tô BKS 74L1-27449 mang theo số ma túy đến nhà Phạm Đình Quân. Tại đây, cả 3 người ngồi chơi khoảng 30 phút thì Quỳnh rủ Quân và Hóa sử dụng trái phép chất ma túy thì Quân, Hóa đồng ý. Quỳnh rả lấy từ trong túi quần 31 tờ tiền vào lỗ để làm dụng cụ sử dụng ma túy và mang vào phòng để cả 3 cùng sử dụng ma túy bằng hình thức hút. Nhân lúc Quân và Hóa không để ý, Quỳnh bỏ ống nhựa đựng 4 viên ma túy giấu tại khung cửa sổ phòng ngủ của nhà Quân. Trong lúc Quỳnh, Quân, Hóa

đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ. Quỳnh tự nguyện giao nộp đoạn ống nhựa chứa 4 viên ma túy, qua giám định kết luận 0,3867 gam chất bột màu hồng gửi trung cầu là ma túy, loại Methamphetamine. Kết quả thử test nhanh đối với Phạm Đình Quân và Nguyễn Văn Hóa có dương tính với ma túy.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HSST ngày 30/6/2020 của TAND huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị can Phan Xuân Quỳnh 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo. Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

VKSND tỉnh Quảng Trị có báo cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm theo hình thức giám đốc thẩm. Ngày 19/11/2020, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị hủy án để điều tra lại. Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 09/2021/HS-GDT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, tuyên hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại về “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm:

Bị cáo Phan Xuân Quỳnh bỏ tiền mua ma túy về sử dụng, khi đến chơi nhà Phạm Đình Quân, Quỳnh chủ động Quân và Nguyễn Văn Hóa cùng sử dụng ma túy với mình, đồng thời Quỳnh cũng chuẩn bị chai nhựa khoét lỗ t và 1 tờ tiền giấy để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Hành vi này của bị cáo Quỳnh đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 BLHS.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy được hướng dẫn chi tiết tại Tiểu mục 6.1, Mục 6, Phần II Thông tư liên tịch số: 17/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP giữa Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp. Tòa án cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Quỳnh về tội danh nêu trên là bỏ lọt tội phạm.

Đối với số ma túy thu giữ tại khung cửa phòng ngủ của Quân có khối lượng là 0,3867 gam Methamphetamine, đây là số ma túy bị cáo nhằm mục đích cất giữ riêng cho bản thân không đưa vào sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Quỳnh về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

4. Tình huống 4

DỰ KIẾN

Khoảng 18 giờ ngày 28/11/2019, sau khi làm việc tại Nhà máy tinh bột sắn huyện P, tỉnh H, Võ Thanh Lâm mượn xe mô tô BKS132.39 của anh Nguyễn Hữu Giang để về nhà của mình. Trên đường đi, Lâm ghé vào nhà của An, trú tại huyện P, dùng 2.000.000 đồng mua 01 gói ma túy đá về sử dụng. Lâm bỏ gói ma túy đá vào túi quần và điều khiển xe đến chơi tại nhà của Nguyễn Tuấn Tin; trú tại: Thôn 2, xã HT, huyện HL. Tại đây, Lâm gặp thêm Nguyễn Văn Bé và Đặng Khánh Hội. Ngồi chơi được một lúc, Bé nói vào nhà của Lâm chơi, cả 04 đồng ý và cùng đi, khoảng 20 giờ 45 phút thì đến nơi. Lâm đưa cho Bé 500.000 đồng để đi mua nước và thuốc hút, Lâm và Hội ngồi xem bóng đá còn Tin đi việc riêng. Một lúc sau, Lâm đi vào phòng ngủ của mình chuẩn bị chai nhựa, ống thủy tinh có sẵn ở trong nhà để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Lúc này, Bé đi mua nước và

thuốc về nên cả Bé, Hội và Lâm vào phòng ngủ để sử dụng ma túy. Lâm lấy chai nhựa để ở giữa nền nhà, rồi lấy gói ma túy từ túi quần ra, dùng ống nhựa xúc ma túy từ trong bao nylon đổ vào bầu hình tròn trên ống thủy tinh, sau đó dùng bật lửa gas đốt nóng và cả 03 người thay phiên nhau hút, sau khi hút hết ma túy trong chai, Lâm tiếp tục xúc thêm ma túy đổ vào và hút tiếp lần hai. Đến khoảng 10 giờ ngày 29/11/2019, khi phát hiện lực lượng Công an tuần tra, kiểm tra, Lâm nói Bé và Hội dọn dẹp các dụng cụ sử dụng ma túy, còn Lâm lấy gói ma túy đang dùng bỏ vào túi quần Jeans của mình treo ở móc áo quần trong phòng ngủ thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét nghiệm đối với Võ Thanh Lâm, Đặng Khánh Hội và Nguyễn Văn Bé, kết luận: Dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 915/KLGĐ ngày 03/12/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Q kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể thu được có khối lượng 1,0840g là ma túy loại Methamphetamine.

Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của TAND huyện HL, tỉnh Q áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ Thanh Lâm 15 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 20/10/2020, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm nêu trên theo trình tự giám đốc thẩm, đề nghị hủy án để điều tra lại. Quyết định giám đốc thẩm số 03/2021/HS-GĐT, ngày 01/02/2021 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng nghị, hủy án để điều tra lại đối với bị cáo Võ Thanh Lâm về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm:

Trong vụ án này, bị cáo Võ Thanh Lâm mua ma túy mang về nhà mình tại thôn MC, xã HC, huyện HL, tỉnh Q rồi rủ Nguyễn Văn Bé, Đặng Khánh Hội cùng sử dụng. Khi bị bắt quả tang việc sử dụng ma túy, bị cáo Võ Thanh Lâm cất giữ trong túi quần Jeans treo tại phòng ngủ số ma túy còn lại là 1,0840 gam với mục đích sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thanh Lâm về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, cùng với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào tối ngày 28/11/2019, bị cáo Võ Thanh Lâm còn có hành vi cung cấp ma túy, chuẩn bị công cụ và sử dụng địa điểm là phòng ngủ của gia đình để cho các đối tượng khác là Nguyễn Văn Bé, Đặng Khánh Hội cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Đối chiếu với các quy định tại tiểu mục 6.1 mục 6 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy”; mục 1, phần 1 Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của TAND tối cao thì hành vi trên của bị cáo Võ Thanh Lâm đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý hành vi trên là bỏ lọt tội phạm.

D. KỸ NĂNG VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

CÁC NGUYÊN TẮC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG VÀ THỦ TỤC TỔ TỤNG HỢP PHÁP

Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng trong các vụ án dân sự và hình sự, và việc bảo vệ hiệu quả tất cả các quyền con người phụ thuộc rất nhiều vào quyền tiếp cận các tòa án có thẩm quyền, độc lập và khách quan, để thực thi công lý một cách công bằng.

Quyền được xét xử công bằng và thủ tục hợp lệ là hoàn toàn không thể chối cãi. Cơ sở luật học từ các cơ quan giám sát quốc tế cho thấy quyền được xét xử công bằng thường xuyên bị vi phạm ở mọi nơi trên thế giới. Thực tế cho thấy, phần lớn các vụ việc do Ủy ban Nhân quyền giải quyết theo Nghị định thư bổ sung thường liên quan đến cáo buộc vi phạm quyền trước hoặc trong khi xét xử.

CÁC VĂN KIỆN QUỐC TẾ

Các tiêu chuẩn và văn kiện quốc tế liên quan đến quyền được xét xử công bằng khác nhau về địa vị pháp lý. Một số là các điều khoản thuộc các hiệp ước có giá trị pháp lý ràng buộc đối với các Quốc gia thành viên tham gia các hiệp ước đó. Một số điều khoản không chịu sự ràng buộc pháp lý theo các hiệp ước. Mặc dù các văn kiện phi hiệp ước này không mang tính ràng buộc, nhưng chúng thể hiện sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế về các tiêu chuẩn mà các quốc gia cần cam kết tuân thủ. Một số quyền được ghi nhận trong các hiệp ước và các văn kiện phi hiệp ước đã được công nhận được coi là các quy tắc của luật theo tập quán quốc tế, có giá trị ràng buộc đối với tất cả các quốc gia liên quan. Các văn kiện và tiêu chuẩn này cấu thành khuôn khổ quốc tế về các biện pháp bảo vệ cơ bản chống lại việc xét xử không công bằng.

A. Các tiêu chuẩn theo Hiệp ước

Các tiêu chuẩn chính của hiệp ước chung về các quyền được xét xử công bằng và theo thủ tục tố tụng hợp pháp được quy định trong:

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), văn kiện được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966 và có hiệu lực từ năm 1976. Việt Nam gia nhập ICCPR vào ngày 24 tháng 9 năm 1982. Các biện pháp bảo đảm quốc tế về quyền được xét xử công bằng nằm trong Điều 14 của ICCPR, cùng với Điều 26 quy định rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật mà không chịu sự phân biệt đối xử nào trước sự bảo vệ công bằng của luật pháp. Điều 9 của ICCPR quy định nội dung liên quan về quyền tự do và an toàn cá nhân, nghiêm cấm việc bắt giữ hoặc giam giữ tùy tiện.

Nghị định thư Tùy chọn (thứ nhất) của ICCPR, có hiệu lực từ năm 1976, Ủy ban Nhân quyền có thẩm quyền xem xét các khiếu nại do một cá nhân hoặc người được ủy quyền báo cáo về vi phạm các quyền được ICCPR đảm bảo tại một quốc gia thành viên của Nghị định thư. Việt Nam vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư bổ sung này.

Nghị định thư tùy chọn thứ hai của ICCPR, bãi bỏ án tử hình, có hiệu lực vào năm 1991. Các quốc gia thành viên của Nghị định thư này đồng thuận đảm bảo không có

vụ hành hình nào thuộc phạm vi quyền tài phán của quốc gia đó và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để bãi bỏ án tử hình. Việt Nam vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư bổ sung này.

Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Công ước chống tra tấn, CAT) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào năm 1984 và có hiệu lực vào năm 1987. Việt Nam phê chuẩn CAT vào ngày 5 tháng 2 năm 2015. Các quốc gia thành viên tham gia Công ước này có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp hiệu quả để ngăn chặn các hành vi tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm. Các quốc gia thành viên cần đảm bảo hành vi tra tấn cấu thành tội phạm hình sự theo luật của quốc gia đó. Họ có trách nhiệm điều tra tất cả các cáo buộc về tra tấn và đối xử tệ bạc và các vụ việc có cơ sở hợp lý cho hành vi tra tấn hoặc đối xử tệ bạc cấu thành tội. Họ phải đưa ra trước công lý những nghi phạm và đảm bảo không chấp nhận bằng chứng thu được từ các hành vi tra tấn và đối xử tàn ác trong quá trình tố tụng tại tòa án và đảm bảo giải quyết công bằng cho các nạn nhân.

Nghị định thư tùy chọn của Công ước chống tra tấn (OPCAT), có hiệu lực từ năm 2006, yêu cầu các quốc gia thành viên thiết lập các cơ chế phòng ngừa độc lập cấp quốc gia và thành lập Ủy ban về Phòng chống tra tấn. Các quốc gia thành viên phải trao quyền cho các cơ chế cấp quốc gia và Ủy ban vừa nêu quyền thanh/kiểm tra trên toàn phạm vi quyền tài phán của quốc gia đó hoặc quyền kiểm soát tại những nơi mà người dân có khả năng bị tước quyền tự do. Việt Nam vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư bổ sung này.

Quyền có thể tạm đình chỉ và quyền không thể tạm đình chỉ

Việc tạm đình chỉ việc thực hiện các quyền theo Điều 4 của ICCPR có hiệu lực khi có “tình huống khẩn cấp công cộng” hoặc “đe dọa sự sống còn của quốc gia”. Tuy nhiên, có một số điều khoản nhất định của ICCPR các Quốc gia không được phép tạm đình chỉ trong bất kỳ tình huống nào. Đó là: quyền được sống (Điều 6); cấm tra tấn hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Điều 7); cấm chiếm hữu nô lệ, buôn bán nô lệ và sự nô dịch (Điều 8); quyền không bị bỏ tù chỉ vì không có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng (Điều 11); quyền không bị xét xử hồi tố (Điều 15); quyền được công nhận là thể nhân trước pháp luật ở mọi nơi (Điều 16); và, quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 18).

Bất kỳ sự tạm đình chỉ thực hiện quyền nào cũng cần phải: Do yêu cầu **ngặt nghèo** của tình huống; Tính **tạm thời** về phạm vi áp dụng; **Xâm phạm tối thiểu đến và tương xứng với** các mục đích đã nêu của các biện pháp đó, và chỉ trong phạm vi cần thiết và trong thời gian diễn ra tình trạng khẩn cấp công cộng; Có các điều khoản về **bảo vệ** và rà soát đảm bảo việc trở lại chế độ pháp lý bình thường sớm nhất có thể; Nhất quán với các nghĩa vụ khác theo **luật pháp quốc tế** và **không phân biệt đối xử** trên phương diện luật và thực thi⁴.

Mặc dù Công ước ICCPR cho phép tạm **quyền được xét xử công bằng**, một số khía cạnh then chốt của quyền này không được phép vi phạm, đó là: quyền được sống (Điều 6); cấm tra tấn hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Điều 7);

⁴ Ủy ban nhân quyền, Bình luận chung số 28: Tình trạng khẩn cấp quốc gia (Điều 4)

quyền không bị bỏ tù chỉ vì không có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng (Điều 11); quyền không bị xét xử hồi tố (Điều 15); quyền được công nhận là thể nhân trước pháp luật ở mọi nơi (Điều 16).

Tuy nhiên ngay cả trong những trường hợp khẩn cấp, vẫn phải đảm bảo sự tôn trọng tổng thể đối với các **nguyên tắc pháp quyền**. Các quốc gia cũng không thể tạm đình chỉ bốn phạm đối xử nhân đạo với tất cả mọi người, kể cả những người bị tước quyền tự do và tôn trọng **phẩm giá con người**.

Quyền có thể tạm đình chỉ có thể được áp dụng một cách hạn chế trong trường hợp không có tuyên bố về tình trạng khẩn cấp, nhưng các biện pháp vẫn phải đáp ứng các yêu cầu về:

- **Tính hợp pháp**. Sự hạn chế phải được "quy định bởi pháp luật". Có nghĩa là giới hạn phải có trong luật áp dụng chung của quốc gia, có hiệu lực tại thời điểm giới hạn được áp dụng. Luật pháp không được tùy tiện hoặc khó lý giải, và phải rõ ràng và dễ tiếp cận với công chúng.

- **Sự cần thiết**. Sự hạn chế phải là cần thiết áp dụng để bảo vệ một trong những cơ sở cho phép được nêu trong Công ước ICCPR, bao gồm sức khỏe cộng đồng và phải đáp ứng nhu cầu bức thiết của xã hội.

- **Tính tương ứng**. Sự hạn chế cần phải tương ứng với lợi ích đang bị đe dọa, tức là phải phù hợp nhằm đạt được mục đích bảo vệ; và phải là lựa chọn ít bất lợi nhất trong số những biện pháp có thể áp dụng nhằm đạt được kết quả mong muốn.

- **Không phân biệt đối xử**. Sự hạn chế gây phân biệt đối xử trái với các quy định của luật nhân quyền quốc tế sẽ không được áp dụng.

- Tất cả các hạn chế phải được diễn giải chặt chẽ và vì lợi ích của các quyền có liên quan. Không tùy tiện áp dụng các hạn chế.

- Các cơ quan có thẩm quyền phải giải thích rõ ràng lý do cần phải áp dụng những hạn chế về quyền.

Riêng đối với Điều 7 của ICCPR, **Công ước chống tra tấn** và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT) không cho phép bất bỏ do bản chất tuyệt đối của điều khoản cấm tra tấn

B. Các tiêu chuẩn phi Hiệp ước

Các tiêu chuẩn then chốt về xét xử công bằng và quy trình tố tụng hợp pháp cũng được cung cấp trong các văn bản phi hiệp ước sau:

Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (Tuyên ngôn chung), được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1948, là một bộ nguyên tắc được công nhận rộng rãi về quyền con người. Quyền được xét xử công bằng được ghi nhận trong Tuyên bố chung đã được chấp nhận rộng rãi là một phần của luật tục quốc tế, và do đó có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả các quốc gia thành viên.

Các Nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của tòa án, được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua năm 1985, cung cấp hướng dẫn cho các quốc gia thành viên về luật và

thông lệ cần thiết để bảo vệ tính độc lập của các thẩm phán. Được xét xử trước một tòa án độc lập và khách quan là yêu cầu cơ bản của một phiên tòa công bằng.

Các Nguyên tắc cơ bản về Vai trò của Luật sư, được thông qua vào năm 1990, nhằm đảm bảo các quốc gia thành viên tôn trọng vai trò và tính độc lập của luật sư. Văn kiện này bao gồm các điều khoản liên quan đến luật sư đại diện cho những người bị tước quyền tự do và trong thủ tục tố tụng hình sự.

Tập hợp các nguyên tắc bảo vệ tất cả những người bị giam hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào (Tập hợp các nguyên tắc), được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua năm 1988, bao gồm một bộ tiêu chuẩn quốc tế có tính ràng buộc, áp dụng cho tất cả các quốc gia thành viên, quy định cách thức đối xử đối với những người bị giam hay cầm tù. Tập hợp các nguyên tắc này quy định các khái niệm pháp lý và nhân đạo cơ bản và là cơ sở hướng dẫn việc hình thành luật liên quan ở mỗi quốc gia.

Các Nguyên tắc và những hướng dẫn về tiếp cận trợ giúp pháp lý trong hệ thống tư pháp hình sự (Nguyên tắc về trợ giúp pháp lý), được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua vào tháng 12 năm 2012, quy định các thành tố cơ bản của một hệ thống trợ giúp pháp lý hiệu quả và bền vững trên toàn lãnh thổ một quốc gia, áp dụng đối với các nghi phạm, các đối tượng bị giam và bị truy tố hoặc bị kết án về các tội hình sự, cũng như nạn nhân và nhân chứng trong quy trình tố tụng hình sự.

Các Quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn về đối xử với tù nhân (các Quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn), được thông qua tại Cuộc họp lần thứ nhất của Liên hợp quốc về Ngăn ngừa Tội phạm và Đối xử với Người phạm tội vào năm 1955 và được Hội đồng Kinh tế - Xã hội phê chuẩn vào năm 1957, giữ nguyên “các tiêu chuẩn tối thiểu được thừa nhận rộng rãi đối với việc giam giữ tù nhân”.

Các Quy tắc chuẩn, tối thiểu của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ (các Quy tắc Tokyo) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào năm 1990. Văn kiện này quy định các nguyên tắc khuyến khích sử dụng các biện pháp thay thế cho việc giam và cầm tù và các biện pháp bảo vệ tối thiểu đối với những người hưởng lợi từ các biện pháp thay thế đó.

Những Quy tắc của Liên hợp quốc trong việc đối xử với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm (Nguyên Tắc Bangkok/Băng Cốc) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào năm 2010. Nguyên tắc Bangkok bổ khuyết cho các công cụ phi hiệp ước khác như Quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn và Quy tắc Tokyo. Một số quy tắc giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến cả phụ nữ và nam giới, chẳng hạn như những vấn đề liên quan đến trách nhiệm làm cha mẹ, hay nhạy cảm giới.

Những bảo đảm nhằm bảo vệ quyền của những người đang phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ án phạm tử hình), được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1984, hạn chế áp dụng án tử hình ở các quốc gia chưa bãi bỏ hình phạt này. Trong số các biện pháp bảo vệ, có biện pháp quy định rằng hình phạt tử hình chỉ được thi hành sau quy trình pháp lý áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ cần thiết đảm bảo một phiên tòa công bằng, ít nhất tương tự như các quy định được nêu trong Điều 14 của Công ước ICCPR.

C. Các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm soát ma túy

Ba hiệp ước chính tạo nên khung pháp lý cốt lõi của cơ chế kiểm soát ma túy quốc tế bao gồm: 1) Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1972; 2) Công ước về kiểm soát các chất hướng thần năm 1971; 117 và 3) Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988. Ba hiệp ước đã được đa số các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, bao gồm cả 10 nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)⁵ phê chuẩn. Việt Nam gia nhập cả ba công ước vào năm 1997.

Hai công ước đầu tiên quy định việc kiểm soát quốc tế về thuốc phiện, các chất tổng hợp và tiền chất được sử dụng trong sản xuất ma túy. Hiệp ước thứ ba, **Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988**, nhằm tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chống buôn bán ma túy và các loại tội phạm có tổ chức liên quan. Công ước này cũng bao gồm các quy định cụ thể và chi tiết về quản lý hành chính tư pháp liên quan đến sản xuất, buôn bán và sử dụng ma túy do đó có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc truy tố tội phạm về ma túy, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về xét xử công bằng.

Công ước bắt buộc các quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp trừng phạt hình sự trong nước nhằm ngăn chặn việc sản xuất và buôn bán ma túy. Công ước nhằm mục đích tăng cường sự hợp tác quốc tế để chống lại việc sản xuất trái phép, buôn lậu và buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy. Các bên tham gia Công ước cam kết trấn át các hoạt động buôn bán ma túy bất hợp pháp, xác định các hành vi vi phạm quy định về ma túy là hành vi phạm tội hình sự và ngăn chặn các hoạt động rửa tiền từ buôn bán ma túy. Điều 3 (5-11) bao gồm các quy định quan trọng liên quan đến thẩm quyền và quyền hạn pháp lý của tòa án xét xử và kết án các vụ án liên quan đến ma túy cũng như các quy định về thời hiệu, tạm tha và phóng thích trước thời hạn người bị kết án về tội phạm ma túy. Việc thực hiện Công ước được Cơ quan phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) giám sát.

Kể từ khi các hiệp ước quốc tế về kiểm soát ma túy được thông qua, ngày càng có nhiều sự công nhận quốc tế về việc cần thiết phải giải quyết vấn đề này một cách toàn diện hơn, không chỉ đơn thuần là thông qua cách tiếp cận trừng phạt hình sự. Cả UNODC và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đều nhấn mạnh rằng "nên coi việc sử dụng ma túy là một tình trạng chăm sóc sức khỏe và nếu có thể, người sử dụng ma túy nên được điều trị trong hệ thống y tế hơn là trong hệ thống tư pháp hình sự". Hai tổ chức đã tuyên bố rằng nghiên cứu cho thấy việc điều trị và chăm sóc "thay thế cho bỏ tù hoặc bắt đầu trong tù, tiếp theo là hỗ trợ và tái hòa nhập xã hội sau khi được thả tự do, giúp giảm nguy cơ sử dụng ma túy, lây truyền HIV và tái phạm tội, đồng thời mang lại những lợi ích đáng kể cho sức khỏe cá nhân, cũng như an ninh công cộng và tiết kiệm an sinh xã hội"⁶.

Trong một tài liệu chính sách năm 2014, Ủy ban về ma túy (CND), cơ quan giám sát việc thực hiện các công ước quốc tế về kiểm soát ma túy, đã đưa ra các diễn giải quan trọng về nội dung của ba công ước chính về kiểm soát ma túy. Thứ nhất, Ủy ban nhấn mạnh rằng các công ước áp dụng cách tiếp cận lấy sức khỏe làm trung tâm và không nên cho rằng các điều khoản hạn chế trong các công ước này biện minh cho một chế độ trấn át hoặc cấm đoán. Thứ hai, Ủy ban khẳng định rằng các công ước "không hoàn toàn yêu cầu" phải áp dụng các biện pháp trừng phạt hình sự đối với việc sở hữu, mua hoặc trồng

⁵. Tội phạm về ma túy, Ứng phó tư pháp hình sự và việc áp dụng hình phạt tử hình tại khu vực Đông Nam Á, Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc khu vực Đông Nam Á, Băng cốc, 2018, trang 19-20

⁶ UNODC và WHO, "Các nguyên tắc điều trị cai nghiện lệ thuộc ma túy", Bài thảo luận (2008), tr. 14.

trọt để sử dụng cho mục đích cá nhân; các dịch vụ bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe và tái hòa nhập cộng đồng có hiệu quả hơn các hình phạt, đặc biệt là trong các trường hợp không nghiêm trọng. Thứ ba, Ủy ban nhấn mạnh rằng không có nội dung nào trong các công ước biện minh cho các hình phạt hoặc các hành động vi phạm nhân quyền như tra tấn, làm nhục trong quá trình điều tra hay các hành vi ép buộc. Cuối cùng, Ủy ban lưu ý rằng các công ước không bao giờ đề cập hoặc ủng hộ án tử hình đối với các tội liên quan đến ma túy⁷.

Tài liệu về kết quả của *phiên họp đặc biệt lần thứ ba mươi của Đại hội đồng* về vấn đề ma túy trên thế giới vào năm 2016 là một bước quan trọng trong việc đổi mới cách tiếp cận toàn cầu đối với kiểm soát ma túy, trong đó ngôn ngữ và tiêu chuẩn nhân quyền là cơ sở vững chắc cho tài liệu. Tài liệu này thừa nhận "sự phụ thuộc vào ma túy là một rối loạn sức khỏe phức tạp, đa yếu tố, được đặc trưng bởi bản chất mãn tính và tái phát với các nguyên nhân và hệ quả xã hội có thể được ngăn ngừa và điều trị thông qua, ngoài các phương thức khác, các chương trình điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng dựa trên các bằng chứng khoa học hiệu quả". Tài liệu cũng khẳng định rằng vấn đề ma túy toàn cầu phải được giải quyết hoàn toàn phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc, luật pháp quốc tế và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, với sự tôn trọng đầy đủ tất cả các quyền con người, các quyền tự do cơ bản và phẩm giá vốn có của mọi cá nhân⁸.

XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỐT LÕI VÀ QUYỀN TỐ TỤNG HỢP PHÁP

A. QUYỀN TRƯỚC XÉT XỬ

1. Quyền được thông báo lý do bắt hoặc giam giữ

Khoản 2, Điều 9, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) "Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo vào lúc họ bị bắt về những lý do bị bắt và được thông báo ngay lập tức về những cáo buộc đối với mình".

Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ đều có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào, được thông báo lý do bị tước tự do. Điều này nhằm giúp người bị bắt giữ kháng cáo nếu họ tin rằng việc bắt giữ là bất hợp pháp và không có cơ sở. Các lý do bắt hoặc giam giữ phải được giải thích một cách rõ ràng cả về cơ sở pháp lý và thực tế.

Ủy ban Nhân quyền đã tuyên bố rằng chỉ thông báo cho những người bị giam giữ rằng họ bị bắt vì lý do an ninh mà không có bất kỳ lời giải thích nào thêm về bản chất của việc bắt giữ là không đầy đủ⁹.

- *Quyền được biết tại sao họ bị tước tự do*
- *Quyền được phản kháng nếu họ tin rằng việc giam giữ là bất hợp pháp*
- *Giải thích rõ cơ sở pháp lý và thực tế của việc bắt hoặc giam giữ*

2. Quyền được thông báo cho người thứ ba về việc bắt và giam giữ

⁷ Ủy ban về Các chất gây nghiện, Các điều khoản chính sách từ các Công ước quốc tế về kiểm soát ma túy (E/CN.7/2014/CRP.5).

⁸ Đoạn 1 (i) A/RES/S-30/1

⁹ 71 Adolfo Drescher Caldas v Uruguay (43/1979), Ủy ban nhân quyền LHQ, UN Doc. A/38/40 Supp. 40 at 192 (1983) §13.2; Tham khảo Kết luận của Ủy ban nhân quyền LHQ: Sudan, UN Doc. CCPR/C/79/Add.85 (1997) §13; Nechiporuk và Yonkalo v Ukraine (42310/04), Tòa án Châu Âu (2011) §§209-211

Nguyên tắc 16(1), Tập hợp các Nguyên tắc " Ngay sau khi bị bắt giữ và sau mỗi lần bị chuyển từ nơi giam hay nơi cầm tù này đến nơi giam hay nơi cầm tù khác, một người bị giam hay bị cầm tù phải có quyền được thông báo hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thông báo cho các thành viên gia đình người đó, hay những người khác mà người đó lựa chọn, biết việc người đó bị bắt giữ, giam hay cầm tù, hoặc việc di chuyển, và biết nơi người đó bị giam giữ".

Người bị bắt, bị giam hay cầm tù có quyền thông báo cho bên thứ ba về việc người đó bị giam và nơi giam giữ¹⁰. Quyền này phải được đảm bảo thực thi ngay khi người đó

- **Thông báo về việc bắt giữ và nơi giam giữ**
- **Áp dụng ngay khi bắt đầu giam giữ**
- **Không trì hoãn trong việc cung cấp thông tin**

bị bắt giữ và người thứ ba phải được thông báo ngay lập tức, hoặc ít nhất là kịp thời.

Bất kỳ ngoại lệ nào đối với nguyên tắc này phải được xác định rõ bằng luật, hạn chế chặt chẽ về thời gian và phải thực sự cần thiết cho hiệu quả của việc điều tra. Việc chậm trễ không được kéo dài quá một vài ngày và cần có các biện pháp bảo vệ như hồ sơ ghi chép lý do chậm trễ và ý kiến chấp thuận chính thức của công tố viên hoặc thẩm phán. Ủy ban Nhân quyền đã tuyên bố rằng sự thất bại có chủ ý của các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiết lộ số phận của người bị bắt giữ trong một thời gian dài sẽ đẩy người đó ra khỏi vòng bảo vệ của pháp luật và có thể vi phạm các quyền bao gồm quyền được công nhận tư cách là một con người trước pháp luật.¹¹

3. Quyền phản đối tính hợp pháp của việc giam giữ

Nguyên tắc 32, Tập hợp các nguyên tắc 1 "Tại bất cứ thời điểm nào, một người bị giam hay luật sư của người đó phải có quyền khiếu kiện theo pháp luật trong nước trước một cơ quan xét xử hay cơ quan có thẩm quyền khác về tính hợp pháp của việc giam đó, để được trả lại tự do không chậm trễ nếu việc giam đó là bất hợp pháp. 2. Những thủ tục khiếu kiện được đề cập đến trong khoản 1 của Nguyên tắc này phải đơn giản, nhanh chóng và miễn phí cho những người bị giam không có đủ điều kiện. Cơ quan giam giữ phải đưa ngay người bị giam ra trước cơ quan có thẩm quyền xem xét".

Bất kỳ người nào bị tước tự do đều có quyền yêu cầu được xét xử trước toà án, nhằm mục đích để toà án đó có thể quyết định không chậm trễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và ra lệnh trả lại tự do cho họ, nếu việc giam giữ là bất hợp pháp¹². Điều này nhằm chống lại các hành vi vi phạm nhân quyền bao gồm tra tấn, ngược đãi, giam giữ tùy tiện và cưỡng bức mất tích. Quyền này phải được bảo đảm cho tất cả những người bị

¹⁰ Đoạn 13, Bình luận chung số 2, Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT); Đoạn 11, Bình luận chung số 20, Ủy ban nhân quyền LHQ

¹¹ Kết luận của Ủy ban nhân quyền LHO. Thái Lan. UN Doc. CCPR/CO/84/THA (2005) đoạn. 15. Báo cáo viên đặc biệt

- **Quyền được kháng cáo trước tòa**
- **Tòa án ra lệnh thả tự do nếu việc giam giữ là bất hợp pháp**
- **Giúp bảo vệ khỏi việc bị tra tấn và các vi phạm nhân quyền khác**

Điều 9(4) của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Điều 17(2)(1) của Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích, Điều 37(d) của Công ước về quyền của trẻ em.

tước tự do, bất kể vì lý do gì, và được áp dụng với mọi hình thức tước tự do bao gồm quản thúc tại gia, giam giữ hành chính, và giam giữ vì lý do an ninh công cộng¹³.

4. Quyền và các biện pháp bảo vệ trong quá trình thẩm vấn

Điều 15, Công ước chống tra tấn “Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ phát ngôn nào được đưa ra như là kết quả của sự tra tấn sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tiến trình tố tụng nào, trừ khi để làm bằng chứng chống lại một người bị cáo buộc là đã thực hiện hành động tra tấn để có lời khai đó”.

Điểm (g), Mục 3, Điều 14, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (g) Không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội”.

Một người đang bị chính quyền thẩm vấn sẽ không bị tra tấn hoặc ngược đãi. Họ cũng có quyền được cho là vô tội và giữ im lặng.

Ủy ban Nhân quyền và Ủy ban Chống Tra tấn đã kêu gọi các quốc gia bảo đảm quyền của tất cả những người bị giam giữ, bao gồm cả những người bị nghi ngờ phạm tội liên quan đến khủng bố, được tiếp cận với luật sư trước khi thẩm vấn và có sự hiện diện của luật sư trong quá trình thẩm vấn¹⁴

- **Không tra tấn hoặc ngược đãi**
- **Quyền được cho là vô tội và giữ im lặng**
- **Tiếp cận luật sư trước và trong quá trình thẩm vấn**

5. Quyền được luật sư giúp đỡ trước khi xét xử

Nguyên tắc 1, Các nguyên tắc cơ bản về vai trò của luật sư “Mọi công dân đều có quyền yêu cầu giúp đỡ từ luật sư theo sự lựa chọn của mình nhằm thiết lập và bảo vệ các quyền của bản thân trong mọi giai đoạn của tố tụng hình sự”.

Nguyên tắc 17 (1), Tập hợp các nguyên tắc về Bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào “Một người bị giam có quyền được một luật sư giúp đỡ. Người đó phải được cơ quan có thẩm quyền thông báo về quyền của mình ngay sau khi bị bắt giữ và phải được tạo điều kiện hợp lý để thực hiện quyền đó.”

Bất kỳ ai khi bị bắt hoặc giam giữ đều có quyền được luật sư giúp đỡ, cho dù người đó có đang phải đối mặt với các cáo buộc hình sự hay không.¹⁵

Quyền được luật sư giúp đỡ khi bị bắt hoặc bị giam giữ giúp cho người bị nghi ngờ hoặc bị truy tố tội phạm hình sự có thể bảo vệ quyền lợi của mình, phản kháng và

¹³ Đoạn 33, Bình luận chung số 2, Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm

¹⁴ Kết luận của Ủy ban nhân quyền LHQ: Trang 14, UN Doc. CCPR/C/IRL/CO/3 (2008) Cộng Hòa Ireland, đoạn 14, UN Doc. CCPR/C/KOR/CO/3 (2006) Hàn Quốc, UN Doc. CCPR/C/NL/CO/4 (2009) đoạn 11, Hà Lan; Tham khảo kết luận của CAT: Đoạn 11, UN Doc. CAT/C/TUR/CO/3 (2010), Thổ Nhĩ Kỳ.

¹⁵ Đoạn 34, Bình luận chung, Ủy ban nhân quyền LHQ

chuẩn bị bào chữa. Đây là một biện pháp bảo vệ quan trọng chống lại việc bị tra tấn, ngược đãi và các vi phạm nhân quyền khác¹⁶

Luật sư sẽ được chỉ định để đại diện miễn phí cho người bị cáo buộc phạm tội nếu người đó không đủ khả năng chi trả. Các cơ quan thẩm quyền có nghĩa vụ đảm bảo để luật sư có thể tư vấn và đại diện cho khách hàng một cách tự do, không bị đe dọa, cản trở, quấy rối hay gặp phải bất kỳ sự can thiệp nào không phù hợp¹⁷

6. Quyền được giao tiếp và được viếng thăm

- *Quyền được tham vấn bất kể các cáo buộc hình sự*
- *Bảo vệ quyền và phản kháng việc giam giữ bất hợp pháp*
- *Bảo vệ khỏi bị tra tấn và các hành vi vi phạm nhân quyền khác*

Nguyên tắc 19, Tập hợp các nguyên tắc về Bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào “Một người bị giam hay bị cầm tù có quyền được các thành viên của gia đình người đó đến thăm, trao đổi thư từ và phải được tạo ra cơ hội đầy đủ để liên lạc với thế giới bên ngoài, nhưng vẫn phải tuân thủ những điều kiện và hạn chế hợp lý do pháp luật hay các quy chế hợp pháp quy định”.

Bất kỳ người nào bị giam đều có quyền được giao tiếp với thế giới bên ngoài. Quyền này chỉ bị hạn chế vì lý do pháp luật.¹⁸

Quyền được giao tiếp với thế giới bên ngoài, được viếng thăm của người bị cầm tù là các biện pháp bảo vệ cơ bản nhằm chống lại các vi phạm về quyền con người, bao gồm tra tấn, ngược đãi và bị cưỡng bức mất tích.

Những quyền này rất quan trọng đối với bị cáo trong quá trình chuẩn bị bào chữa và cũng là cốt lõi của quyền về đời sống riêng tư, bí mật gia đình và quyền được chăm sóc sức khỏe.

Ủy ban Nhân quyền đã khẳng định pháp luật cần bảo vệ quyền được tiếp cận với bác sĩ, người thân và luật sư của những người đang bị cầm tù hoặc tạm giam trước khi xét xử. Ủy ban Chống tra tấn đã kêu gọi những người bị giam giữ nên gặp luật sư, bác sĩ và người thân ngay từ khi bị tạm giam hoặc cầm tù¹⁹.

- *Các biện pháp bảo vệ cơ bản để ngăn chặn việc vi phạm quyền con người*
- *Quan trọng cho việc chuẩn bị bào chữa*
- *Nền tảng căn bản của quyền về đời sống riêng tư và bí mật gia đình*

¹⁶ Đoạn 11, Bình luận chung, Ủy ban nhân quyền LHQ

¹⁷ Khoản 2, Điều 17, Tập hợp các nguyên tắc.

¹⁸ Mục d, Khoản 2, Điều 17, Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi cưỡng bức mất tích, Quy tắc 26 thuộc Các Quy tắc Bangkok, Nguyên tắc 19 của Tập hợp các Nguyên tắc, Hướng dẫn 20 và 31 của Hướng dẫn Đào Robben; Xem Quy tắc 38 của Quy tắc CoE về tạm giam, Quy tắc 99 và 24 của Quy tắc nhà tù châu Âu

¹⁹ Kết luận của Ủy ban nhân quyền LHQ: Cộng hòa Trung Phi, UN Doc. CCPR/C/CAF/CO/2 (2006) §14, Thụy Điển, UN Doc. CCPR/C/SWE/CO/6 (2009) §13. 139 Kết luận của CAT: Liên bang Nga, UN Doc. CAT/C/CR/28/4 (2002) §8(b), Uzbekistan, UN Doc. CAT/C/CR/28/7 (2002) §6(f), Morocco, UN Doc. CAT/C/CR/31/2 (2004) §6(c); Tham khảo tiêu chuẩn CPT, CPT/Inf/(92)3 §36, CPT/Inf (2002)15 §40; Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ 65/205, §20

7. Quyền được tiếp cận với bác sĩ và được chăm sóc sức khỏe trong khi bị giam giữ

Nguyên tắc 24, Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào “Phải tổ chức kiểm tra sức khỏe cho người bị giam hay bị cầm tù ngay sau khi người đó đến nơi giam hay nơi cầm tù, và sau đó người bị giam hay bị cầm tù phải được điều trị và chăm sóc y tế khi cần thiết. Việc điều trị và chăm sóc này phải được cung cấp miễn phí”.

Bất kỳ người nào khi mất tự do đều có quyền được bác sĩ kiểm tra sức khỏe sớm nhất có thể. Nếu và khi cần thiết, họ cũng có quyền được điều trị và chăm sóc y tế miễn phí. Ủy ban Nhân quyền đã tuyên bố rằng để bảo vệ những người bị giam cần phải tạo điều kiện cho họ được nhanh chóng và thường xuyên tiếp cận với bác sĩ²⁰.

Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc cũng đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chăm sóc y tế kịp thời và thường xuyên đối với việc ngăn chặn tra tấn và các hành vi ngược đãi khác²¹. Phụ nữ có quyền được bác sĩ nữ khám hoặc điều trị theo yêu cầu khi có thể, trừ những tình huống cần can thiệp y tế khẩn cấp. Nếu việc bác sĩ hoặc y tá nam thăm khám cho người bị giam giữ là trái với mong muốn của người đó thì cần phải có bác sĩ hoặc y tá nữ²².

- *Kiểm tra sức khỏe ngay khi giam giữ*
- *Luôn được chăm sóc sức khỏe và điều trị miễn phí*
- *Nữ giới có quyền được bác sĩ nữ thăm khám*

B. CÁC QUYỀN TRONG QUÁ TRÌNH XÉT XỬ

1. Quyền bình đẳng trước pháp luật và Tòa án

ICCPR, Điều 26 “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Về mặt này, pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác”

Mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng, không phải chịu phân biệt đối xử về pháp luật và thực tiễn quản lý tư pháp hình sự. Nội dung này hàm ý các sai khác không dựa trên các tiêu chí về tính hợp lý và khách quan và không nhằm mục đích hoặc không tương xứng để đạt được mục đích pháp lý đúng đắn. Thẩm phán, công tố viên và các cán bộ thực thi pháp luật có trách nhiệm đảm bảo sự bảo vệ bình đẳng trước pháp luật, tôn trọng và nghiêm cấm sự phân biệt đối xử.

²⁰ Kết luận của CAT: Cameroon, UN Doc. CAT/C/CR/31/6 (2004), đoạn 4(b), 8(d)

²¹ 7 Ví dụ, đoạn 20 Nghị quyết Đại hội đồng 65/205; Đoạn 57, Nghị quyết 13/19 của Hội đồng Nhân quyền (2010) đoạn 57

²² Bình luận chung số 2, §13, Kết luận của CAT: Hungary, UN Doc. CAT/C/HUN/CO/4 (2006) đoạn 8, Argentina, UN Doc. CAT/C/CR/33/1 (2004) đoạn 6(m) và 7(m), Báo cáo theo Điều 20: Mexico, UN Doc. CAT/C/75 (2003) đoạn 219(i) và 220(j); Tham khảo Báo cáo thường niên lần thứ hai của SPT, UN Doc. CAT / C / 42/2 (2009) đoạn 24; Quy tắc 10(2) của Quy tắc Liên Hợp Quốc năm 2010 về đối xử với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với phạm nhân nữ (Quy tắc Bangkok).

Không phân biệt giới tính, chủng tộc, nguồn gốc hay tình trạng tài chính, mọi người đều có quyền không phải chịu phân biệt đối xử trong quá trình tố tụng hoặc trong thi hành luật. Ngoài ra, quy định áp dụng cho cả tội nhẹ và tội nghiêm trọng. Tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận bình đẳng với các tòa án.²³

- Nguyên tắc về bình đẳng phải được đảm bảo trong suốt quá trình trước và trong khi xét xử trong đó mọi nghi phạm hoặc bị cáo đều có quyền không phải chịu sự phân biệt đối xử trong quy trình điều tra, xét xử và thi hành án.
- Nguyên tắc về bình đẳng cũng có nghĩa là tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng đến tòa án để yêu cầu các quyền của mình. Đặc biệt, quyền tiếp cận tới tòa án của phụ nữ phải bình đẳng với nam giới để họ có thể yêu cầu thụ hưởng các quyền của mình một cách hiệu quả.

2. Quyền được xét xử bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập và không thiên vị

ICCPR, Điều 14 (1) "... Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự."

Quyền này là một nguyên tắc của luật tục quốc tế, ràng buộc đối với tất cả các quốc gia, kể cả những quốc gia chưa phê chuẩn các điều ước quốc tế - mọi lúc, kể cả trong tình trạng khẩn cấp và xung đột vũ trang²⁴. Để duy trì quyền này, các Quốc gia phải thành lập và duy trì các tòa án độc lập và khách quan, nguồn nhân lực và tài chính thích đáng để hệ thống tư pháp hoạt động hiệu quả trên toàn lãnh thổ. Nghĩa vụ này bao gồm trách nhiệm đảm bảo các thẩm phán, công tố viên và các cán bộ liên quan được tiếp cận đầy đủ hệ thống học tập cả đời. Mọi hình thức tham nhũng hoặc phân biệt đối xử trong cơ quan hành pháp phải được giải quyết kịp thời và hiệu quả.

Quyền được xét xử công bằng quy định các thẩm phán và hội thẩm viên không có quyền lợi hoặc cổ phần trong vụ việc liên quan. Một thẩm phán không nên đồng ý xem xét một vụ việc nếu họ không thể ra quyết định một cách khách quan.

Ủy ban Nhân quyền quy định rõ rằng chỉ có tòa án mới có quyền xét xử các vụ án hình sự. Bất kỳ bản án hình sự nào từ một cơ quan không phải là một tòa án độc lập và khách quan được thành lập theo luật pháp đều không phù hợp với các yêu cầu của Điều 14 ICCPR. Quyền được xét xử trước một tòa án có thẩm quyền, độc lập và không thiên vị, được lập ra trên cơ sở pháp luật nhằm đảm bảo "công lý không chỉ phải được thực thi mà còn phải minh chứng được là đã được thực thi"²⁵.

²³ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng, 7-14

²⁴ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32, Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng, đoạn. 19, Bình luận chung số 29, Tình trạng khẩn cấp (Điều 4), đoạn. 16

²⁵ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32, Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng, đoạn. 19, Bình luận chung số 29, Tình trạng khẩn cấp (Điều 4), đoạn. 18

Bất kỳ tòa án hoặc phiên tòa nào đều phải được thành lập trên cơ sở pháp luật. Đây là cơ sở đảm bảo các phiên tòa không do các tòa án đặc biệt không sử dụng các quy trình tố tụng hợp lệ hay bãi bỏ quyền tài phán thuộc về các tòa án thông thường, hoặc tòa án được thành lập riêng để quyết định một vụ án cụ thể.

Quyền được xét xử trước tòa án có thẩm quyền quy định tòa án đó có đúng thẩm quyền xét xử vụ việc. Vấn đề Tòa án có thẩm quyền giải quyết một vụ án hay không là do cơ quan tư pháp quyết định theo quy định của pháp luật.

- *Các tòa án độc lập không chịu ảnh hưởng từ các quyền lực bên ngoài, bao gồm các cơ quan hành pháp, quốc hội.*
- *Các tòa án không thiên vị xét xử trên cơ sở không có bất cứ hình thức thành kiến hoặc thành kiến ngầm nào và không chịu ảnh hưởng từ các cá nhân hay tổ chức.*

3. Quyền được xét xử công bằng

ICCPR, Điều 14 (1) "... Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một toà án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự..."

Các bảo đảm về thủ tục tố tụng công bằng cần được pháp luật đảm bảo và các tòa án phải đảm bảo không thiên vị khi thực thi các thủ tục tố tụng hình sự²⁶.

Bình đẳng về các cơ hội

Tiêu chí thiết yếu của một phiên tòa công bằng là nguyên tắc "bình đẳng về các cơ hội" giữa bị cáo và bên công tố trong quá trình tranh tụng. Nguyên tắc này là một cơ sở quan trọng trong hệ thống tranh tụng để xác định sự thật của vụ án trong quá trình xét xử. Trong hệ thống tranh tụng, bên công tố và bên bào chữa luôn đối kháng, và thẩm phán đóng vai trò trọng tài đảm bảo sự công bằng cho bị cáo và tuân thủ các quy tắc pháp lý về tố tụng hình sự. Hệ thống tranh tụng giả định rằng cách tốt nhất để đi đến sự thật trong một vụ án là thông qua quá trình tranh tụng để xác định các sự kiện và từ đó thực thi luật một cách chính xác.

Trong các phiên tòa hình sự, cơ quan công tố được tiếp cận với toàn bộ nguồn lực của Nhà nước. Nguyên tắc bình đẳng này nhằm bảo đảm quyền được bào chữa đầy đủ của bị can. Điều này bao gồm việc người bào chữa có cơ hội chuẩn bị và trình bày vụ việc, và tranh luận bình đẳng với bên công tố. Do đó bên bào chữa cần có thời gian và điều kiện thích hợp để chuẩn bị và bên công tố có nghĩa vụ cung cấp thông tin hợp lệ. Bình đẳng về các cơ hội bao gồm quyền được tư vấn pháp lý, lập luận về bằng chứng, yêu cầu và thẩm vấn nhân chứng và có mặt tại phiên tòa. Nguyên tắc này không đề cập về tiếp cận nguồn nhân lực hoặc tài chính bình đẳng của các bên.

Nguyên tắc này bị vi phạm khi bị can không được tiếp cận thông tin cần thiết cho luật sư chuẩn bị bào chữa; khi bị can, bị cáo không thể cung cấp thông tin đầy đủ cho

²⁶ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước tòa án và tòa án và được xét xử công bằng, đoạn 15-29.

người bào chữa; khi người bào chữa bị từ chối cơ hội yêu cầu các nhân chứng trong các điều kiện tương tự như bên công tố; khi bị cáo không được xin hoãn phiên tòa do người bào chữa vắng mặt; và khi bị cáo hoặc luật sư bào chữa bị loại khỏi phiên điều trần có mặt công tố viên.

Quyền được xét xử công khai

Quyền được xét xử công khai là một biện pháp bảo vệ thiết yếu nhằm đảm bảo sự công bằng và độc lập của quá trình xét xử, và là một phương tiện để bảo vệ niềm tin của công chúng vào hệ thống tư pháp. Trừ các vụ án được yêu cầu đặc biệt về phạm vi công khai hẹp, chẳng hạn như các vụ án liên quan đến trẻ em, các phiên tòa và bản án trong các vụ án hình sự phải được công khai. Quyền được xét xử công khai không chỉ áp dụng đối với các bên liên quan trong vụ án, mà là cả với công chúng và giới truyền thông, đều có quyền có mặt tại phiên tòa. Ngoài việc bảo vệ quyền của bị cáo, điều này còn bảo vệ quyền của công chúng được biết và giám sát quá trình thực thi công lý và vận hành của hệ thống tư pháp.

- *Bình đẳng về các cơ hội và quyền được xét xử công khai là nền tảng của quy trình xét xử công bằng.*
- *Các bảo đảm về thủ tục tố tụng về sự công bằng cần được pháp luật đảm bảo và các tòa án phải đảm bảo tính công bằng của các thủ tục tố tụng hình sự.*

4. Suy đoán vô tội

ICCPR, Điều 14 (2) “Người bị cáo buộc là phạm tội hình sự có quyền được coi là vô tội cho tới khi hành vi phạm tội của người đó được chứng minh theo pháp luật”

Mọi người đều có quyền được suy đoán là vô tội và được đối xử như người vô tội, trừ khi và cho đến khi họ bị kết án theo luật và được xét xử công bằng. Quyền được suy đoán vô tội là một quy phạm của luật tục quốc tế - được áp dụng mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh. Nguyên tắc này không thể là đối tượng bảo lưu của các hiệp ước hay bị hạn chế hợp pháp dù trong thời gian chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp công cộng. Đây là một yếu tố thiết yếu đảm bảo quyền được xét xử hình sự công bằng và là quy tắc của pháp luật²⁷.

Theo nguyên tắc suy đoán vô tội, các thẩm phán và các hội thẩm viên phải không có định kiến đối với một vụ án. Tương tự, các cơ quan chức năng, bao gồm cả công tố viên, cảnh sát và cán bộ chính quyền không được phép tuyên bố về tội của bị can trước khi thủ tục tố tụng hình sự kết thúc. Các cơ quan chức năng có nghĩa vụ đảm bảo truyền thông không đưa các định kiến hoặc gây ảnh hưởng đến kết quả của phiên tòa.

Nếu một người được tuyên trắng án theo phán quyết cuối cùng của tòa án, các cơ quan chức năng cần tránh ám chỉ rằng người đó có thể đã có tội. Đây là việc làm cần thiết để không làm suy yếu quyền được suy đoán vô tội, đồng thời tôn trọng phán quyết của tòa án và pháp quyền.

Nghĩa vụ và tiêu chuẩn chứng minh

²⁷ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa án quyền được xét xử công bằng, đoạn 30

Do có nguyên tắc suy đoán vô tội, trách nhiệm chứng minh lời buộc tội thuộc về cơ quan công tố và Tòa án có thể không kết tội trừ khi tội được chứng minh đáp ứng các nghi ngờ hợp lý. Ủy ban Nhân quyền đã xác định nguyên tắc suy đoán vô tội là “trách nhiệm chứng minh cáo buộc thuộc về bên truy tố²⁸”.

5. Không sử dụng các bằng chứng thu được từ hành vi vi phạm các tiêu chuẩn quốc tế và quyền được đối xử nhân đạo và quyền không bị tra tấn

Công ước chống tra tấn, Điều 15 “Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ phát ngôn nào được đưa ra như là kết quả của sự tra tấn sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tiến trình tố tụng nào, trừ khi để làm bằng chứng chống lại một người bị cáo buộc là đã thực hiện hành động tra tấn để có lời khai đó.”

ICCPR, Điều 14 (3) (g) “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (g) Không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội”

Quyền không bị tra tấn, và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác hoặc vô nhân đạo được bảo đảm trong các điều khoản ở tất cả các hiệp ước lớn và Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền, điều 7 trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và cụ thể nhất là trong Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm²⁹.

Trong quá trình điều tra tội phạm và tố tụng tư pháp, việc cấm tra tấn và trừng phạt hay đối xử vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm phải được tôn trọng mọi lúc, không có ngoại lệ, ngay cả trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Điều này có nghĩa là những người bị bắt, bị giam hoặc đang chịu sự quản lý của cảnh sát hoặc cơ quan công tố với mục đích thẩm vấn về các hoạt động tội phạm bị cáo buộc, dù với tư cách là nghi phạm hoặc với tư cách là nhân chứng, luôn có quyền được đối xử nhân đạo và không chịu các hình thức bạo lực tâm lý hay thể chất, cưỡng ép hoặc đe dọa. Việc sử dụng lời thú tội do cưỡng bức là bất hợp pháp theo luật nhân quyền quốc tế.

Các văn kiện pháp lý cũng có quy định áp dụng cho các nhóm cán bộ chuyên môn tham gia quá trình điều tra tội phạm. Hướng dẫn năm 1990 về vai trò của Công tố viên có điều khoản quan trọng sau đây:

“Khi công tố viên có được các chứng cứ chống lại những người bị tình nghi mà họ được biết hay tin tưởng dựa trên các cơ sở hợp lý là thu thập được thông qua những phương pháp bất hợp pháp, vi phạm nghiêm trọng quyền con người của người bị tình nghi, đặc biệt gồm việc tra tấn hay đối xử hoặc trừng phạt độc ác, vô nhân đạo hay hạ nhục hoặc những lạm dụng khác về quyền con người, họ phải từ chối sử dụng các chứng cứ như vậy chống lại bất cứ ai ngoại trừ những người đã sử dụng những phương pháp đó, hoặc phải thông báo với tòa án, và phải thực hiện tất cả các bước cần thiết nhằm bảo đảm đưa ra trước công lý những người chịu trách nhiệm về việc sử dụng các phương pháp như vậy.”

²⁸ Đã dẫn

²⁹ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng, đoạn 41

Hơn nữa, như đã nêu trong đoạn 7 của Nguyên tắc cơ bản năm 1985 về tính độc lập của cơ quan tư pháp, “các thẩm phán có trọng trách đưa ra quyết định cuối cùng về sinh mạng, sự tự do, các quyền, nghĩa vụ và tài sản của công dân”, và do đó các thẩm phán phải đặc biệt cảnh giác với các dấu hiệu ngược đãi hoặc cưỡng ép dưới bất kỳ hình thức nào có thể xảy ra trong quá trình điều tra tội phạm, và thực hiện các biện pháp cần thiết khi nhận thấy hoặc nghi ngờ có hành vi ngược đãi.”

Các thẩm phán, công tố viên và luật sư phải đặc biệt cảnh giác với các dấu hiệu về tra tấn, bao gồm cưỡng hiếp, và các hình thức lạm dụng tình dục và đối xử tàn ác với phụ nữ và trẻ em bị giam giữ.

Nhiệm vụ lưu hồ sơ thẩm vấn

Để đảm bảo ngăn chặn và, nếu cần thiết, là chứng minh vi phạm các quy định về đối xử bị cấm theo luật nhân quyền quốc tế, thì hồ sơ các cuộc thẩm vấn phải được lưu giữ và có thể truy cập được cho cả cơ quan công tố và người bào chữa.

Về vấn đề này, Ủy ban Nhân quyền đã nêu trong Bình luận chung số 20 liên quan đến Điều 7 của Công ước Quốc tế rằng “Thời gian và địa điểm của tất cả các cuộc thẩm vấn phải được ghi lại, cùng với tên của tất cả những người có mặt và thông tin này cũng phải có sẵn cho các mục đích tố tụng tư pháp hoặc hành chính³⁰”.

Nguyên tắc số 23 của Tập hợp các Nguyên tắc bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào đề cập đến nghĩa vụ lưu giữ trong các điều khoản sau:

“1. Thời gian thẩm vấn một người bị giam hay bị cầm tù và khoảng cách giữa các cuộc thẩm vấn cũng như danh tính của những quan chức thực hiện các cuộc thẩm vấn và những người khác có mặt phải được ghi thành biên bản và được chứng nhận dưới hình thức quy định theo pháp luật. 2. Người bị giam hay bị cầm tù, hoặc luật sư của người đó do pháp luật chỉ định phải có quyền xem những thông tin nêu ở khoản 1 của Nguyên tắc này.”

- Tra tấn và các hình thức đối xử tệ bạc khác luôn bị cấm, kể cả trong quá trình điều tra tội phạm, và không thể biện minh; đây là những hành vi cần phải được ngăn chặn, điều tra và trừng trị.
- Bằng chứng thu được từ hành vi tra tấn hoặc đối xử tệ bạc đều không được chấp nhận trước tòa án.
- Các thẩm phán, công tố viên và luật sư phải đặc biệt cảnh giác trước các dấu hiệu tra tấn hoặc đối xử tệ bạc đối với phụ nữ và trẻ em bị giam giữ.
- Một người không thể bị ép buộc phải làm chứng chống lại chính mình hoặc thú nhận tội lỗi.
- Hồ sơ chi tiết về các cuộc thẩm vấn phải được lưu giữ mọi lúc và phải được cung cấp cho nghi phạm và luật sư do pháp luật chỉ định của nghi phạm.

6. Việc cấm áp dụng hồi tố trong luật hình sự và bắt trùng khả tố

³⁰ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 20: Điều 7 (Cấm tra tấn, hoặc các biện pháp đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm), đoạn. 11

Không ai bị coi là phạm tội vì một hành động hoặc không hành động mà không cấu thành tội phạm theo pháp luật quốc gia hoặc pháp luật quốc tế tại thời điểm thực hiện hành vi đó. Các tội hình sự phải được xác định rõ ràng và áp dụng một cách chính xác. Không ai có thể bị truy tố nhiều lần trong cùng một khu vực tài phán với cùng một tội danh.

Nguyên tắc về tính hợp pháp

ICCPR, Điều 15 (1) “Không ai bị coi là phạm tội vì một hành động hoặc không hành động mà không cấu thành tội phạm theo pháp luật quốc gia hoặc pháp luật quốc tế tại thời điểm thực hiện hành vi đó.”

Đây là quyền không thể bị bãi bỏ theo Công ước ICCPR và nguyên tắc về tính hợp pháp yêu cầu các tòa án hình sự đảm bảo rằng không trừng phạt các hành vi không phải nhận trừng phạt theo các luật được trích dẫn trong các cáo buộc. Công ước này cũng yêu cầu cơ quan công tố phải chứng minh từng yếu tố cấu thành tội phạm theo tiêu chuẩn pháp lý bắt buộc.

Bất trùng khả tố (khởi tố hai lần với cùng một tội danh)

ICCPR, Điều 14 (7) “Không ai bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng phạt lần thứ hai về cùng một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và thủ tục tố tụng hình sự của mỗi nước.”

Không ai có thể bị xét xử hoặc trừng phạt hai lần trong cùng một khu vực tài phán về cùng một tội hình sự nếu phán quyết cuối cùng là đã bị kết án hoặc trắng án. Bất trùng khả tố nhằm tránh việc một người bị xét xử hoặc trừng phạt nhiều lần trong cùng một khu

- *Không ai bị cáo buộc là phạm tội vì bất cứ hành vi hoặc sự tác trách nào mà không cấu thành một tội hình sự tại thời điểm thực hiện hành vi hay sự tác trách đó.*
- *Không ai có thể bị truy tố nhiều lần trong cùng một khu vực tài phán về cùng một tội danh.*

vực tài phán cho cùng một tội danh. Bất trùng khả tố áp dụng cho tất cả các tội hình sự, không tính đến mức độ nghiêm trọng của tội đó³¹.

7. Quyền được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý

ICCPR, Điều 14 (3) (c) “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (c) Được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý;”

Người bị cáo buộc phạm tội hình sự đều có quyền được xét xử không bị trì hoãn một cách vô lý³². Quyền này được thiết kế để tránh việc giữ bị cáo quá lâu trong tình trạng không chắc chắn về số phận của họ, và phục vụ lợi ích của công lý. Đặc biệt, nếu nghi phạm bị từ chối tại ngoại vì bị cáo buộc phạm tội nghiêm trọng thì việc xét xử phải càng nhanh càng tốt.

³¹ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 54-57

³² Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 35

Thời gian hoàn thành thủ tục tố tụng có hợp lý hay không được xác định dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm bản chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội bị cáo buộc; số lượng các khoản phí; bản chất và loại cuộc điều tra cần tiến hành; số người được cho là có liên quan đến tội phạm; khối lượng bằng chứng; số lượng nhân chứng; và sự phức tạp của các sự kiện và các vấn đề pháp lý phát sinh. Tuy nhiên, ngay cả trong những trường hợp phức tạp, cần phải có sự tập trung đặc biệt để công lý được nhanh chóng thực thi trong phạm vi thời gian bị cáo bị giam giữ chờ xét xử.

Nếu cơ quan chức năng không thể tiến hành tố tụng do một giai đoạn bất kỳ bị bỏ qua không thực hiện, khiến cho việc điều tra và tố tụng bị đình trệ hoặc nếu họ mất quá nhiều thời gian để hoàn thành các biện pháp cụ thể, thì thời gian đó sẽ được coi là không hợp lý. Đồng thời, quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị bào chữa theo Điều 14 (3) (b) của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị quy định rằng: Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: “*Có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do chính mình lựa chọn*”.

- *Mọi người bị buộc tội hình sự đều có quyền được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý.*
- *Mọi người có quyền có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa cho mình.*

8. Quyền tự bào chữa hoặc thông qua luật sư

ICCPR, Điều 14 (3) (d) “*Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (d) Được có mặt trong khi xét xử và được tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo sự lựa chọn của mình; được thông báo về quyền này nếu chưa có sự trợ giúp pháp lý; và được nhận sự trợ giúp pháp lý theo chỉ định trong trường hợp lợi ích của công lý đòi hỏi và không phải trả tiền cho sự trợ giúp đó nếu không có đủ điều kiện trả;*

Điều 14 (3) (d) của ICCPR quy định quyền của tất cả những người bị cáo buộc là phạm tội được tự bào chữa trực tiếp hoặc thông qua luật sư do họ lựa chọn³³. Hai quyền này không loại trừ lẫn nhau — các nghi phạm nếu có luật sư hỗ trợ thì luật sư có quyền hành động thay mặt họ, được có mặt trong các phiên tòa và nêu ý kiến của họ về theo tình tiết của vụ án.

Quyền tự đại diện cho chính mình tại phiên tòa sơ thẩm hay phúc thẩm không phải là tuyệt đối. Quyền này có thể bị hạn chế khi tòa án xác định rằng, trong trường hợp cụ thể, lợi ích công lý yêu cầu chỉ định một luật sư trái với mong muốn của bị cáo. Ví dụ, tòa án có thể áp dụng những hạn chế nếu bị cáo phải đối mặt với những cáo buộc đặc biệt nghiêm trọng và tòa án xác định rằng cá nhân đó không thể tự đại diện vì lợi ích của mình. Điều khoản này áp dụng cho các trường hợp, bất chấp những lời cảnh báo của tòa án, bị cáo vẫn tiếp tục và về cơ bản cản trở hoặc làm gián đoạn việc tiến hành đúng đắn

³³ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa, và quyền được xét xử công bằng; đoạn 36-37

của phiên tòa, hoặc khi điều này là cần thiết để bảo vệ một nhân chứng dễ bị tổn thương khỏi sự lo lắng hoặc đe dọa khi bị cáo hỏi.

Quyền được trợ giúp pháp lý là một khía cạnh then chốt trong quyền tố tụng của những người bị nghi ngờ và bị buộc tội. Một nghi phạm được sự trợ giúp hiệu quả từ một luật sư sẽ có vị thế tốt hơn trong việc thực thi tất cả các quyền khác của họ, do họ sẽ được cung cấp thông tin tốt hơn về những quyền đó và vì luật sư có thể hỗ trợ họ trong việc đảm bảo các quyền của họ được tôn trọng.

Tiếp cận hỗ trợ pháp lý là một yếu tố quan trọng của việc đảm bảo xét xử công bằng và áp dụng nguyên tắc bình đẳng về các cơ hội. Quyền giao tiếp với luật sư cho phép bị cáo được tiếp cận nhanh chóng với luật sư. Ủy ban Nhân quyền đã nhất quán trong các quy định về việc những người bị cáo buộc phạm tội cần có luật sư trợ giúp trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự và việc không cho phép tiếp cận với luật sư trong thời gian tạm giam ban đầu và trong các cuộc thẩm vấn sẽ là vi phạm cả hai Điều 14 (3) (b) và Điều 14 (3) (d) của ICCPR.

Để quyền bào chữa có ý nghĩa thì bị can, người bào chữa nếu có, phải được dành đủ thời gian, phương tiện, thông tin để chuẩn bị bào chữa. Bị cáo và người bào chữa của mình phải có quyền có mặt tại phiên tòa xét xử công khai. Trong cùng bối cảnh, nguyên tắc bình đẳng về các cơ hội phải được tôn trọng, bao gồm quyền trình bày vụ việc, yêu cầu và thẩm vấn nhân chứng.

Các luật sư cần phải được gặp gỡ thân chủ của họ một cách riêng tư và trao đổi với bị can trong những điều kiện hoàn toàn tôn trọng bí mật thông tin liên lạc của họ. Điều 14 (3) (b) và (d) của ICCPR sẽ bị coi là vi phạm khi nghi phạm và luật sư của họ không được phép gặp riêng trong quá trình điều tra sơ bộ.

Những người bị cáo buộc phạm tội phải được tiếp cận hỗ trợ pháp lý miễn phí ngay từ đầu cuộc điều tra nếu họ không có khả năng tự chi trả cho sự trợ giúp đó. Điều này đảm bảo rằng các nghi phạm và bị cáo khó khăn có cơ hội được bào chữa hiệu quả trước tòa án và không bị từ chối quyền được xét xử công bằng vì hoàn cảnh tài chính của họ³⁴.

Quyền được trợ giúp pháp lý có tầm quan trọng hàng đầu trong các vụ án mà bị cáo bị kết án tử hình và trong các trường hợp nghi phạm ở trong tình trạng dễ bị tổn thương, chẳng hạn như trẻ vị thành niên. Việc không cung cấp luật sư trong quá trình điều tra sơ bộ và thẩm vấn trong giai đoạn này khiến việc giam giữ là bất hợp pháp. Trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng, nếu nghi phạm xuất hiện tại phiên xử sơ thẩm mà không có người đại diện theo pháp luật, thì Cơ quan điều tra phải thông báo cho người đó biết về quyền được đại diện hợp pháp miễn phí nếu nghi phạm không đủ khả năng chi trả.

- *Khi bị tước quyền tự do, một người có quyền được tiếp cận trợ giúp pháp lý ngay lập tức và có quyền trao đổi riêng với người trợ giúp pháp lý.*
- *Những người bị cáo buộc phạm tội phải được tiếp cận với sự trợ giúp pháp lý miễn phí ngay từ đầu cuộc điều tra nếu họ không có khả năng tự chi trả cho sự trợ giúp đó.*

³⁴ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 39

9. Quyền của bị cáo được có mặt tại phiên tòa xét xử công khai

ICCPR, Điều 14 (3) (d) “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (d) Được có mặt trong khi xét xử,”

Tất cả những người bị cáo buộc phạm tội hình sự đều có quyền được có mặt tại phiên tòa xét xử và phiên điều trần công khai, để họ có thể nghe và phản đối các cáo buộc của bên truy tố cũng như trình bày lời bào chữa.

Ủy ban Nhân quyền đã quy định rõ nhằm đảm bảo quyền của người bào chữa, "tất cả các thủ tục tố tụng hình sự phải đảm bảo bị cáo có quyền được điều trần, tại đó họ có thể trực tiếp xuất hiện hoặc cử luật sư đại diện và có thể đưa bằng chứng và kiểm tra nhân chứng".³⁵

Theo quyền có mặt tại phiên tòa, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trước cho bị cáo (và người bào chữa) về ngày giờ và địa điểm xét xử để họ có đủ thời gian chuẩn bị. Cơ quan này chịu trách nhiệm mời bị cáo tham dự và không loại bỏ bị cáo ra khỏi phiên tòa một cách bất hợp pháp. Bị cáo phải được thông báo về ngày và địa điểm xét xử mới nếu có thay đổi.

Trong những trường hợp đặc biệt, quyền có mặt tại phiên tòa của bị cáo có thể bị hạn chế tạm thời. Ví dụ, bị cáo liên tục làm gián đoạn quá trình tố tụng đến mức không thể tiếp tục xét xử với sự có mặt của người đó. Tòa án có thể đưa bị cáo ra khỏi phòng xử án nhưng phải đảm bảo quyền của người bào chữa. Bị cáo vẫn phải có quyền quan sát phiên tòa và trao đổi riêng với luật sư từ bên ngoài phòng xử án. Việc này có thể thực hiện thông qua liên kết video. Đây là những biện pháp đặc biệt chỉ được áp dụng nếu tất cả các biện pháp thay thế hợp lý đã được sử dụng hết. Bất kỳ hạn chế nào tương tự đều phải là cần thiết, tương xứng và chỉ được áp dụng trong thời gian giới hạn.

Ủy ban Nhân quyền quy định các thủ tục tố tụng vắng mặt được cho phép thực hiện trong một số trường hợp, chẳng hạn như khi bị cáo đã được thông báo trước về các cáo buộc, ngày và địa điểm tố tụng đầy đủ, nhưng đã từ chối có mặt. Trước khi tiến hành, tòa án cần xác minh xem bị cáo đã được thông báo hợp lệ hay chưa về vụ án và thời gian, địa điểm tiến hành tố tụng. Bất kỳ ai bị kết án vắng mặt trái với nguyện vọng đều có quyền được xét xử lại với sự có mặt của họ, đặc biệt nếu việc không trình diện là vì những lý do ngoài tầm kiểm soát của họ.

- *Người bị cáo buộc phạm tội hình sự có quyền được hiện diện trong phiên tòa xét xử và phiên điều trần, để tham gia quá trình xét xử, tranh tụng với bên truy tố, và bào chữa.*
- *Những người bị kết án sau các phiên tòa vắng mặt, nếu bị kết án, nên được xét xử lại trước một tòa án khác.*

10. Quyền được yêu cầu và kiểm tra nhân chứng

ICCPR, Điều 14 (3) (e) “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng

³⁵ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 23, 28

những bảo đảm tối thiểu sau đây: (e) Được thẩm vấn hoặc yêu cầu thẩm vấn những nhân chứng buộc tội mình, và được mời người làm chứng gỡ tội cho mình tới phiên tòa và thẩm vấn họ tại tòa với những điều kiện tương tự như đối với những người làm chứng buộc tội mình;”

Những người bị cáo buộc phạm tội hình sự có quyền mời nhân chứng gỡ tội cho họ và thẩm vấn, hoặc kiểm tra, các nhân chứng buộc tội họ³⁶.

Đối với một số trường hợp ngoại lệ, quyền của người bào chữa bị hạn chế trong việc thẩm vấn nhân chứng của bên truy tố. Khi áp dụng những hạn chế này và các biện pháp bảo vệ quyền và sự an toàn của nhân chứng, các yêu cầu về công bằng và nguyên tắc bình đẳng về các cơ hội vẫn phải đảm bảo được tôn trọng.

Quyền được yêu cầu và thẩm vấn nhân chứng là cấu thành cơ bản của quyền được

➤ ***Bất kỳ ai bị cáo buộc phạm tội hình sự đều có quyền mời nhân chứng gỡ tội cho họ và thẩm vấn, hoặc kiểm tra, các nhân chứng buộc tội họ.***

bào chữa và nguyên tắc bình đẳng. Quyền kiểm tra (hoặc kiểm tra trước phiên tòa) nhân chứng của bên truy tố nhằm đảm bảo rằng người bào chữa có cơ hội kiểm tra chéo bằng chứng chống lại bị can. Quyền được yêu cầu và thẩm vấn nhân chứng thay mặt cho bị can là yếu tố then chốt của quyền bào chữa. Việc thẩm vấn các nhân chứng của cả hai bên công tố và bào chữa, theo quy định, phải được thực hiện trong một phiên điều trần công khai có sự có mặt của bị cáo, để tòa án xem xét các bằng chứng và kiểm tra chéo các bằng chứng đó, đồng thời xem xét thái độ của nhân chứng. Việc này giúp củng cố quyền suy đoán vô tội và mức độ phán quyết dựa trên các bằng chứng thật sự liên quan.

11. Quyền về thông dịch viên và dịch thuật

ICCPR, Điều 14 (3) (f) “Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây: (f) Được có phiên dịch miễn phí nếu không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ sử dụng trong phiên tòa;”

Những người bị cảnh sát bắt giữ hoặc thẩm vấn nghi có liên quan đến một hoạt động tội phạm thường cảm thấy mình ở một vị trí dễ bị tổn thương. Tính dễ bị tổn thương này càng tăng cao khi mọi người không được cung cấp thông tin về lý do họ bị giam giữ, những cáo buộc và bằng chứng chống lại họ, và quyền của họ. Kiến thức là sức mạnh, và một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo thủ tục tố tụng công bằng là các nghi phạm cần có hiểu biết đầy đủ chi tiết về hoàn cảnh và quyền của họ³⁷.

Người bị cáo buộc phạm tội hình sự mà không hiểu và không nói được ngôn ngữ của tòa án có quyền nhận được sự hỗ trợ của một thông dịch viên có năng lực, miễn phí. Nội dung này bao gồm quyền nhận được các tài liệu liên quan đã được biên dịch. Việc phiên dịch và biên dịch tài liệu chính xác và rõ ràng là tối quan trọng đảm bảo sự công bằng trong quá trình tố tụng.

³⁶ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 30: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 39

³⁷ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 40

Quyền này được mở rộng sang cả dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật liên quan đến những dạng tật cản trở khả năng giao tiếp bằng miệng hoặc bằng văn bản hoặc khả năng đọc các tài liệu liên quan bằng ngôn ngữ hoặc định dạng mà họ cần trình bày. Việc thực hiện các quyền này đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo cung cấp đủ số lượng thông dịch viên và biên dịch viên có trình độ chuyên môn phù hợp.

Điều 14 (3) (a) của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị quy định rằng Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây “*Được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu về bản chất và lý do buộc tội mình*”.

Mọi người đều có quyền được thông báo về lý do bị bắt và được cung cấp thông tin chi tiết về bản chất và nguyên nhân của các cáo buộc chống lại họ. Điều này cho phép một cá nhân bị giam giữ yêu cầu cơ quan tư pháp có thẩm quyền ra quyết định về tính hợp pháp của việc giam giữ họ.

Do đó, quyền được thông báo về các cáo buộc bằng ngôn ngữ mà người đó hiểu ngụ ý rằng các cơ quan chức năng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông dịch viên và biên dịch viên để đáp ứng yêu cầu này, đây là điều kiện cần thiết để một nghi phạm có thể bào chữa đầy đủ cho mình. Quyền tổng quát hơn có liên quan đến quyền này là quyền được phiên dịch trong quá trình điều tra cụ thể được quy định tại Nguyên tắc 14 của Tập hợp các nguyên tắc bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.

Theo Ủy ban Nhân quyền, quyền được thông báo trong điều 14 (3) (a) “áp dụng cho tất cả các trường hợp bị cáo buộc phạm tội hình sự, bao gồm cả những người không bị giam giữ”, và thuật ngữ “không chậm trễ” ngụ ý thông tin cần được thông báo ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền đưa ra cáo buộc đầu tiên”.

- *Người bị cáo buộc phạm tội hình sự có quyền được hỗ trợ miễn phí bởi một thông dịch viên đủ năng lực, nếu họ không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ được sử dụng tại tòa án.*
- *Người bị cáo buộc phạm tội hình sự có quyền được biên dịch các tài liệu liên quan.*

12. Quyền được phán quyết công khai

ICCPR, Điều 14 (1) “... mọi phán quyết trong vụ án hình sự hoặc vụ kiện dân sự phải được tuyên công khai, trừ trường hợp vì lợi ích của người chưa thành niên hay vụ việc liên quan đến những tranh chấp hôn nhân hoặc quyền giám hộ trẻ em.”

Mục đích chính của quyền được phán quyết công khai là đảm bảo rằng việc quản lý tư pháp là công khai và cởi mở dưới sự giám sát của công chúng³⁸.

Các phán quyết trong thủ tục tố tụng hình sự phải được công khai và người bị tòa án xét xử có quyền được phán quyết một cách hợp lý. ICCPR có quy định một ngoại lệ của nguyên tắc này đó là đối với các vụ án hình sự nhằm bảo vệ lợi ích của trẻ em dưới

³⁸ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 28-29

18 tuổi. Điều này phù hợp với Công ước về Quyền trẻ em, trong đó quy định đảm bảo trẻ em bị cáo buộc phạm tội được tôn trọng đầy đủ quyền riêng tư trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

Quyền được phán quyết công khai nhằm mục đích đảm bảo rằng việc quản lý tư pháp được công khai và cởi mở dưới sự giám sát của công chúng. Một bản án được coi là công khai nếu được tuyên trong một phiên tòa xét xử công khai. Nếu bản án bằng văn bản, thì phải được cung cấp cho các bên liên quan và có sẵn để cung cấp cho các cá nhân, tổ chức khác nếu cần. Các bản án hợp lý nên được công khai kể cả trong trường hợp công chúng không được phép tham dự phiên tòa.

Quyền được xét xử công bằng và phán quyết công khai yêu cầu các tòa án phải

- *Các bản án phải được công khai, với giới hạn các trường hợp ngoại lệ.*
- *Tòa án phải đưa ra lý do cho các phán quyết của họ.*

đưa ra lý do cho các phán quyết³⁹. Đây là cơ sở cần thiết kích hoạt quyền kháng cáo, phòng chống việc tùy tiện xét xử và cho phép bị cáo và công chúng hiểu rõ lý do bị cáo bị kết án hoặc được tha bổng. Một phán quyết hợp lý cần phải bao gồm phần mở đầu là các căn cứ cơ sở, phần nội dung bao gồm các bằng chứng, lý luận pháp lý và phần kết định bao gồm phán quyết và trách nhiệm thi hành án.

13. Quyền kháng cáo và được bồi thường thiệt hại do việc kết án oan sai

Công ước ICCPR, Điều 14(5) “Bất cứ người nào bị kết án là phạm tội đều có quyền yêu cầu tòa án cấp cao hơn xem xét lại bản án và hình phạt đối với mình theo quy định của pháp luật.”

Quyền kháng cáo là một thành tố then chốt của quyền được xét xử công bằng và nhằm mục đích đảm bảo rằng phán quyết dựa trên sai sót của luật pháp hoặc chứng cứ, hoặc vi phạm quyền của bị cáo, không phải là phán quyết cuối cùng.⁴⁰

Công ước ICCPR 14(6) “Khi một người bị kết án về một tội hình sự bởi một quyết định chung thẩm và sau đó bản án bị hủy bỏ, hoặc người đó được tha trên cơ sở tình tiết mới hoặc phát hiện mới cho thấy rõ ràng có sự xét xử oan, thì người đã phải chịu hình phạt theo bản án trên, theo luật, có quyền yêu cầu được bồi thường, trừ trường hợp cơ quan tố tụng chứng minh rằng việc sự thật không được làm sáng tỏ tại thời điểm đó hoàn toàn hoặc một phần là do lỗi của người bị kết án gây ra.”

Ủy ban Nhân quyền quy định các Quốc gia thành viên cần phải ban hành luật đảm bảo có thể thanh toán các khoản bồi thường theo yêu cầu của điều khoản này trên thực tế và việc thanh toán được thực hiện trong một khung thời gian hợp lý.⁴¹

³⁹ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 29

⁴⁰ Công ước ICCPR, Điều 14(5), Công ước về Quyền trẻ em, Điều 40(2)(b)(v); Công ước về người nhập cư Điều 18(5).

⁴¹ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 32: Điều 14: Quyền bình đẳng trước các tòa án và phiên tòa và quyền được xét xử công bằng; đoạn 52-53.

XÉT XỬ CÔNG BẰNG VÀ TRÌNH TỰ TRONG CÁC VỤ ÁN TỬ HÌNH

Việc áp dụng hình phạt tử hình là không thể thay đổi được và do đó, một khi sai sót được thực hiện trong quá trình quản lý tư pháp hình sự, nó có thể dẫn đến việc buộc tội và kết án một người vô tội là tử hình. Tác động của một kết án oan sai như vậy là không thể đảo ngược một khi việc kết tội và bản án được Tòa án tối cao xác nhận.

Do đó, tất cả các bên liên quan chính trong các vụ án vốn phải áp dụng các tiêu chuẩn xét xử công bằng được quốc tế công nhận để giảm thiểu những nguy hiểm rõ ràng của án tử hình.

Việc áp dụng hình phạt tử hình sau một phiên tòa bất công vi phạm quyền được sống và cấm đối xử hoặc trừng phạt vô nhân đạo hoặc hạ nhục.

1. CẤM CÁC BẢN ÁN TỬ HÌNH BẮT BUỘC

Các bản án tử hình bắt buộc lấy đi khả năng của tòa án trong việc xem xét các bằng chứng liên quan và các tình tiết có khả năng giảm nhẹ khi tuyên án một cá nhân.

Các cơ quan giám sát hiệp ước nhân quyền và các chuyên gia và Tòa án Liên Mỹ đã lưu ý rằng những bản án như vậy cũng không tránh khỏi việc một số người bị kết án tử hình mặc dù hình phạt không tương xứng với hoàn cảnh phạm tội. Điều này không phù hợp với quyền được sống. Cần phải cá thể hóa việc kết án để ngăn chặn việc tước đoạt mạng sống một cách tùy tiện⁴².

2. KHÔNG ÁP DỤNG HÒI TỐ, NHƯNG CÓ ÁP DỤNG NHỮNG LỢI CỦA CẢI CÁCH

Hình phạt tử hình có thể không được áp dụng trừ khi đó là hình phạt được pháp luật quy định cho tội phạm đó khi tội phạm được thực hiện.

Điều này phù hợp với quy định cấm áp dụng hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng tại thời điểm tội phạm được thực hiện. Hơn nữa, một người bị buộc tội hoặc bị kết án về tội cố ý phải được hưởng lợi khi sự thay đổi luật sau tội danh hoặc bản án kết tội đưa ra một hình phạt nhẹ hơn cho tội đó. Khi án tử hình đã được bãi bỏ, tất cả các bản án tử hình phải được giảm nhẹ. Bản án mới phải tôn trọng các tiêu chuẩn quốc tế và cần tính đến khoảng thời gian mà một người đã phải chịu án tử hình⁴³.

⁴² Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 36: Quyền được sống, đoạn. 37; 1194 Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp: UN Doc. E / CN.4 / 2005/7 (2004) §§63-64, UN Doc. A / HRC / 4/20 (2007) §§55-66; HRC: Thompson v Saint Vincent, UN Doc. CCPR / C / 70 / D / 806/1998 (2000) §8.2, Kennedy v Trinidad and Tobago, UN Doc. CCPR / C / 74 / D / 845/1998 (2002) §7.3, Carpo et al v The Philippines, UN Doc. CCPR / C / 77 / D / 1077/2002 (2003) §8.3, Larrañaga v The Philippines, UN Doc. CCPR / C / 87 / D / 1421/2005 (2006) §7.2, Mwamba v Zambia, UN Doc. CCPR / C / 98 / D / 1520/2006 (2010) §6.3; Tòa án liên Mỹ: Hilaire, Constantine, Benjamin et al v Trinidad and Tobago, (2002) §§84-109, Boyce et al v Barbados, (2007) §§47-63, Raxcacó-Reyes v Guatemala, (2005) §§73-82; Jacob v Grenada (12.158), Ủy ban Liên Mỹ (2002) §§70-71.

⁴³ ICCPR, Điều 6(2), Điều 15(1); Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn 2

3. PHẠM VI NHỮNG TỘI PHẠM CÓ THỂ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

Bản án tử hình chỉ có thể được áp dụng cho những tội phạm nghiêm trọng nhất. Ủy ban Nhân quyền đã tuyên bố rằng “thuật ngữ ‘tội phạm nghiêm trọng nhất’ phải được giải thích hạn chế để có nghĩa rằng hình phạt tử hình phải là một biện pháp khá đặc biệt”. Theo Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình, những tội ác có thể bị trừng phạt bằng tử hình không nên “vượt quá những tội cố ý gây chết người hoặc những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng khác”. Năm 2007, Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp đã làm rõ rằng điều này cần được hiểu có nghĩa là những tội ác có thể bị trừng phạt bằng tử hình phải được giới hạn ở những tội cố ý định giết người và dẫn đến tước đoạt mạng sống của người khác⁴⁴.

Các cơ chế nhân quyền quốc tế đã làm dấy lên lo ngại về luật quy định hình phạt tử hình đối với những tội không thuộc “mức độ nghiêm trọng nhất”, bao gồm cướp có bạo lực, bắt cóc và dụ dỗ, tội phạm kinh tế bao gồm tham ô, tội liên quan đến ma túy, tội liên quan đến hoạt động tình dục đồng thuận, hoặc tôn giáo, và tội phạm chính trị bao gồm cả phản quốc và thành viên của các nhóm chính trị⁴⁵.

4. NHỮNG NGƯỜI CÓ THỂ KHÔNG BỊ THI HÀNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

Các tiêu chuẩn quốc tế hạn chế việc áp dụng hình phạt tử hình đối với một số nhóm người.⁴⁶

TRẺ EM DƯỚI 18 TUỔI

Những người dưới 18 tuổi vào thời điểm phạm tội có thể không bị kết án tử hình, chứ đừng nói là bị tử hình, bất kể tuổi của họ tại thời điểm xét xử hoặc tuyên án. Nếu có nghi ngờ về việc một cá nhân có dưới 18 tuổi hay không, thì cá nhân đó nên được cho là trẻ em, trừ khi cơ quan công tố chứng minh khác.

Ủy ban Nhân quyền và Ủy ban Liên Mỹ cho rằng việc cấm hành quyết trẻ em là một quy phạm bắt buộc của luật tục quốc tế, ràng buộc đối với tất cả các quốc gia và không cho phép bất kỳ sự hủy bỏ hoặc bảo lưu nào⁴⁷.

NGƯỜI CAO TUỔI

Theo Công ước Hoa Kỳ, thì những người trên 70 tuổi có thể không bị thi hành. Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc đã khuyến nghị các quốc gia nên thiết lập “độ

⁴⁴ ICCPR, điều 6 (2); Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn. Para. 1; 1199 Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, Tài liệu Liên hợp quốc. A / HRC / 4/20 (2007) đoạn 53, 65

⁴⁵ Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, Tài liệu Liên hợp quốc. A / HRC / 4/20 (2007) đoạn. 51; 1202 Quan sát kết luận HRC: Kenya, Tài liệu LHQ. CCPR / C / KEN / CO / 3 (AV) (2012). 10; 72. 1204 Báo cáo viên Đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, UN Doc. E / CN.4 / 1996/4, đoạn. 556; Báo cáo viên Đặc biệt về tra tấn, Trung Quốc, UN Doc. E / CN.4 / 2006/6 / Add.6 (2006) para. 82 (r); Các quan sát kết luận của HRC: Madagascar, CCPR / C / MDG / CO / 3 (2007) para. 15; 8 Quan sát kết luận của HRC: Vương quốc Anh (Quần đảo Turks và Caicos), Tài liệu Liên hợp quốc. CCPR / CO / 73 / UKOT (2001) đoạn. 37, Libya, UN Doc. CCPR / C / LBY / CO / 4 (2007) para. 24.

⁴⁶ Điều 6 (5) của ICCPR, Điều 37 (a) của Công ước về Quyền trẻ em, Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn. 3; 5 CHR nghị quyết 2005/59: Câu hỏi về Hình phạt Tử hình.

⁴⁷ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 24: Các vấn đề liên quan đến các bảo lưu được thực hiện khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước hoặc các Nghị định thư tùy chọn theo đó, hoặc liên quan đến các tuyên bố theo Điều 41 của Công ước, đoạn. số 8

tuổi tối đa mà một người có thể không bị kết án tử hình hoặc bị thi hành án tử hình”. Ủy ban Nhân quyền cũng đã nêu quan ngại về việc hành quyết các cá nhân ở độ tuổi cao⁴⁸.

NGƯỜI BỊ BỆNH THẦN KINH HOẶC RỐI LOẠN TÂM THẦN HOẶC TRÍ TUỆ

Một người bị khuyết tật hoặc rối loạn tâm thần hoặc trí tuệ có thể không bị kết án tử hình hoặc bị thi hành án tử hình. Nhóm này bao gồm những người phát triển chứng rối loạn tâm thần sau khi họ bị kết án tử hình⁴⁹.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ ĐANG NUÔI CON NHỎ

Hình phạt tử hình không được áp dụng đối với phụ nữ đang mang thai. Ủy ban Nhân quyền coi đây là một quy phạm bắt buộc của luật tục quốc tế. Hình phạt tử hình cũng có thể không được thực hiện đối với các bà mẹ có con nhỏ.⁵⁰

5. TUÂN THỦ NGHIÊM NGẶT CÁC QUYỀN XÉT XỬ CÔNG BẰNG

Bản chất không thể thay đổi của án tử hình đòi hỏi các phiên tòa xét xử trong các vụ án có hình phạt tử hình phải tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan để bảo vệ quyền được xét xử công bằng.⁵¹

Các cơ quan và chuyên gia nhân quyền quốc tế và các tòa án nhân quyền khu vực đồng ý rằng việc xử tử một người sau một phiên tòa bất công là vi phạm quyền sống. Bản án tử hình sau thủ tục tố tụng hình sự vi phạm các quy định của ICCPR sẽ cấu thành một sự vi phạm quyền được sống. Hình phạt tử hình được áp dụng theo cách phân biệt đối xử, ví dụ: trên cơ sở chủng tộc hoặc sắc tộc, cấu thành sự tước đoạt quyền sống một cách tùy tiện.⁵²

QUYỀN ĐƯỢC CÓ LUẬT SƯ HIỆU QUẢ

Mọi người bị tạm giữ hoặc bị cáo buộc phạm tội có quyền được tư vấn trong thời gian tạm giam, ở các giai đoạn sơ bộ của quá trình tố tụng. Quyền được có luật sư còn được mở rộng đến thủ tục ân giảm và xem xét bởi tòa án hiến pháp đối với các vụ án có án tử hình. Một người bị cáo buộc tội có mức hình phạt tử hình có quyền được đại diện bởi luật sư bào chữa theo lựa chọn. Luật sư được chỉ định phải có đủ năng lực, có kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết tương xứng để giải quyết vụ án.

QUYỀN KHÁNG CÁO

Mọi người bị kết án tử hình đều có quyền yêu cầu xem xét lại việc kết tội và bản án bởi một tòa án độc lập, công bằng và có thẩm quyền cao hơn.

⁴⁸ Quan sát kết luận của Ủy ban nhân quyền: Nhật Bản, tài liệu của Liên hợp quốc. CCPR / C / JPN / CO / 5 (2008), đoạn. 16.

⁴⁹ Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), para. 3; 1215 CHR resolution 2005/59, para. 7(c); HRC: Concluding Observations: USA, UN Doc. CCPR/C/USA/CO/3/Rev.1 (2006) par. 7, Japan, UN Doc. CCPR/C/JPN/CO/5 (2008) para. 16, Sahadath v Trinidad and Tobago, UN Doc. CCPR/C/78/D/684/1996 (2002) para. 7.2; Special Rapporteur on extrajudicial executions, UN Doc. A/51/457 (1996) paras. 115-116.

⁵⁰ Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung số 24: Các vấn đề liên quan đến các bảo lưu được thực hiện khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước hoặc các Nghị định thư tùy chọn theo đó, hoặc liên quan đến các tuyên bố theo Điều 41 của Công ước, đoạn. số 8; ICCPR điều 6 (5); 1218 Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, Tài liệu Liên hợp quốc. A / 51/457 (1996) đoạn. 115; CHR nghị quyết 2005/59 Câu hỏi về Hình phạt Tử hình, đoạn. 7 (b)

⁵¹ Ủy ban nhân quyền: Nhận xét chung 6, đoạn. 7, Bình luận chung 32, đoạn. 59; Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn 5

⁵² Ủy ban nhân quyền: Nhận xét chung 6, đoạn. 7, Bình luận chung 32, đoạn. 59; Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Các biện pháp bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn 5

Hình phạt tử hình chỉ được thực hiện sau khi có phán quyết cuối cùng của tòa án có thẩm quyền. Ủy ban Nhân quyền đã làm rõ rằng việc từ chối trợ giúp pháp lý đối với một người bị kết án tử hình, người không thể trả tiền cho luật sư tư vấn không chỉ là vi phạm quyền được tư vấn mà còn cả quyền kháng cáo. Thời gian nộp đơn kháng cáo phải đủ lâu để bị cáo có thể lấy và xem xét hồ sơ của tòa án cũng như chuẩn bị và nộp các căn cứ để kháng cáo. Kháng cáo trong các trường hợp tử hình, một khi đã được đệ trình, phải được xét xử và quyết định không được chậm trễ⁵³.

QUYỀN CỦA CÔNG DÂN NƯỚC NGOÀI

Công dân nước bị bắt, bị giam giữ hoặc bị cầm tù phải được thông báo về quyền được tiếp xúc và nhận sự trợ giúp từ các quan chức của đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự của quốc gia mà họ mang quốc tịch⁵⁴. Các viên chức lãnh sự có thể cung cấp một loạt các hỗ trợ, bao gồm sắp xếp một luật sư, thu thập bằng chứng từ nước sở tại và giám sát việc điều trị, bao gồm cả việc tôn trọng các quyền của cá nhân.

QUYỀN TÌM KIẾM SỰ ÂN XÁ VÀ GIẢM ÁN

Tất cả những người bị kết án tử hình đều có quyền xin ân xá hoặc ân giảm (thay thế bằng một hình phạt nhẹ hơn). Điều này đòi hỏi một thủ tục công bằng và đầy đủ cho phép bị cáo đưa ra các bằng chứng liên quan đến việc ban cho sự khoan hồng, và cho phép các quan chức có thẩm quyền ân xá hoặc giảm án tử hình.⁵⁵

KHÔNG THI HÀNH ÁN TRONG KHI KHÁNG CÁO HOẶC ĐƠN XIN KHOAN HỒNG ĐANG GIẢI QUYẾT

Hình phạt tử hình có thể không được thực hiện cho đến khi tất cả các quyền kháng cáo đã hết và các thủ tục tố tụng đã được hoàn tất, bao gồm cả việc nộp đơn lên các cơ quan quốc tế và khu vực và yêu cầu ân xá hoặc giảm án đã hết⁵⁶.

CÓ ĐỦ THỜI GIAN GIỮA VIỆC KẾT ÁN VÀ THI HÀNH ÁN

Cần có đủ thời gian giữa bản án và khi thi hành án. Điều này rất quan trọng để cho phép chuẩn bị và hoàn thành các kháng cáo và kiến nghị xin khoan hồng. Người bị kết án cũng nên dành thời gian để giải quyết các vấn đề cá nhân⁵⁷.

NGHĨA VỤ MINH BẠCH

Thiếu minh bạch hoặc bí mật liên quan đến việc sử dụng án tử hình là không phù hợp với quyền của cá nhân bị kết án, gia đình họ và công chúng nói chung. Các phiên tòa và thủ tục tố tụng thiếu minh bạch vi phạm quyền được xét xử công bằng và công khai, cấm đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm và quyền được tiếp cận thông tin.⁵⁸

⁵³ Điều 6 (2) của ICCPR; Ủy ban Nhân quyền, Bình luận chung 32, Điều 14, Quyền bình đẳng trước tòa án và trọng tài và được xét xử công bằng, đoạn. 51

⁵⁴ Điều 36 của Công ước Viên về quan hệ lãnh sự, Điều 17 (2) (d) của Công ước về cưỡng chế mất tích, Điều 16 (7) của Công ước về người lao động di cư, Nguyên tắc 16 (2) của Cơ quan nguyên tắc, Hướng dẫn 3 đoạn 43 (c) của các Nguyên tắc về Trợ giúp Pháp lý

⁵⁵ ICCPR, Điều 6 (4); Điều 4 (6) của Công ước Hoa Kỳ, Điều 6 của Hiến chương Ả Rập, Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Bảo vệ hình phạt tử hình), đoạn. 7

⁵⁶ Các biện pháp bảo vệ đảm bảo bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với án tử hình (Bảo vệ hình phạt tử hình), para. 8; xem Điều 14(5) và 6(4) Công ước ICCPR

⁵⁷ Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp: UN Doc. E / CN.4 / 1996/4, (1996) para. 553, UN Doc. E / CN.4 / 1998/68, (1998) para. 118

⁵⁸ Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp: UN Doc. E / CN.4 / 2006/53 (2006) ký. 28-32, 56-57, Thông cáo báo chí về Iraq (27 tháng 7 năm 2012), UN Doc. A / HRC / 8/3 / Add.3 (Nigeria) (2008) ký sinh trùng. 81-

Tính minh bạch cũng rất quan trọng để cho phép công chúng hiểu cách áp dụng án tử hình và cho phép tranh luận có hiểu biết về việc sử dụng án tử hình. Mọi vụ hành quyết phải được công bố, bao gồm tên của người đó, các cáo buộc chống lại người đó, cũng như ngày và địa điểm hành quyết. Các tù nhân bị kết án và luật sư của họ cũng phải được thông báo chính thức về ngày hành quyết, để họ có đủ thời gian để thực hiện bất kỳ hành động hoặc yêu cầu nào khác ở cấp quốc gia hoặc quốc tế.

Gia đình của bất kỳ ai bị nghi ngờ hoặc bị kết án phạm tội có quyền đến thăm họ. Họ cũng có quyền được thông tin về tiến trình của các thủ tục xét xử và khoan hồng. Họ có quyền được thông báo chính thức trước về một cuộc hành quyết để có thể đến thăm hoặc liên lạc lần cuối với người bị kết án, và được thông báo về việc hành quyết. Thi thể của những người bị hành quyết phải được đưa về gia đình để mai táng riêng.⁵⁹

82, UN Doc. E / CN.4 / 2006/53 (2006) kỳ. 28-32, 56-57, UN Doc. E / CN.4 / 2005/7 (2004) para. 87; Các quan sát kết luận của HRC: Nhật Bản, UN Doc. CCPR / C / JPN / CO / 5 (2008) đoạn. 16; Báo cáo viên đặc biệt về tra tấn, UN Doc. A / 67/279 đoạn. 52; Nghị quyết 19/37 của Hội đồng Nhân quyền, đoạn 69

⁵⁹ 1267 Xem Nghị quyết 65/206 của Đại hội đồng LHQ, đoạn. 3 (b); Tổng thư ký LHQ, Báo sĩ LHQ. A / 65/280 (2010) đoạn. 72; Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, Tài liệu Liên hợp quốc. E / CN.4 / 2006/53 / Add.3 (2005) §37; Báo cáo viên đặc biệt về các vụ hành quyết ngoài tư pháp, Tài liệu Liên hợp quốc. A / 67/275 (2012) ký tự. 98-115; Schedko v Belarus, HRC, UN Doc. CCPR / C / 77 / D / 886/1999 (2003) đoạn. 10,2; Các quan sát kết luận của HRC: Botswana, UN Doc. CCPR / C / BWA / CO / 1 (2008) para. 13